

**THÔNG TIN
LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN
SỐ 27 (số 2/2021)**



BAN BIÊN TẬP

Trưởng ban

ThS. BÙI THÚY PHƯƠNG
Tỉnh uỷ viên, Phó trưởng Ban
Tổ chức Tỉnh uỷ, Bí thư Đảng uỷ,
Hiệu trưởng

**Phó trưởng ban,
Phó Hiệu trưởng**

ThS. PHẠM HỮU KIÊN
TS. ĐỖ MINH TUẤN
ThS. TRẦN THẾ KHOA

Ủy viên

ThS. TẠ VĂN TÚ
ThS. PHẠM KHÁNH PHƯƠNG

MỤC LỤC	
THÔNG TIN LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO	
* Ban biên tập Triển khai thực hiện Quy định số 11-QĐ/TW của Ban Bí thư về Trường Chính trị chuẩn	
* TB số 308-TB/TU ngày 11/8/2021 về ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh uỷ về một số hoạt động của Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ	
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	
* ThS. Phạm Hữu Kiên Đẩy mạnh việc đưa nhiệm vụ chính trị của tỉnh vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	
* TS. Đỗ Minh Tuấn Vận dụng những nhận thức, tư duy mới về an ninh quốc gia trong Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng nhằm chủ động phòng ngừa và ứng phó với các mối đe dọa an ninh	
* ThS. Đào Thị Mai Hương Xây dựng đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng	
* ThS. Nguyễn Thị Nhị Một vài suy nghĩ về giảng dạy môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam trong Chương trình trung cấp lý luận chính trị	
* ThS. Nguyễn Thị Hương Giang Vận dụng bài học xây dựng “thế trận lòng dân” trong công tác dân vận của tỉnh Quảng Ninh giai đoạn hiện nay	
* TS. Phạm Thị Lệ Ngọc Quán triệt quan điểm Đại hội XIII của Đảng vào đấu tranh, bảo vệ, phát triển Chủ nghĩa Mác - Lênin trong thời kỳ mới	
* ThS. Nguyễn Thị Ngọc Lan Một số nhận thức về quyền con người theo tinh thần Nghị quyết và Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng	
* ThS. Phạm Thu Phương Một số điểm mới trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020-2025	
* ThS. Chu Lữ Hồng Trang Một số vấn đề đặt ra trong xây dựng đội ngũ giảng viên nhằm phấn đấu đạt tiêu chí trường chính trị chuẩn	
* ThS. Ngô Thị Tâm Giảng viên Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ phấn đấu đạt tiêu chí trường chính trị chuẩn	

**TRƯỜNG ĐÀO TẠO CÁN BỘ
NGUYỄN VĂN CỪ**

Địa chỉ:

Cơ sở chính: phường Minh Thành,
thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh

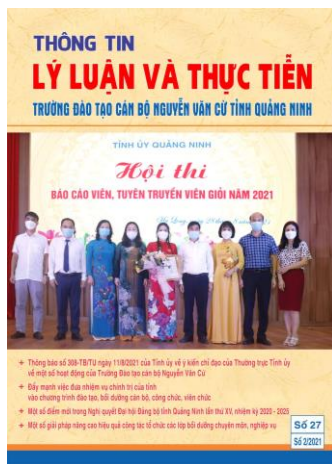
Phân hiệu: Vườn Đào, Phường Bãi
Cháy, TP. Hạ Long, Quảng Ninh

ĐT: 0203.3849 695

Fax: 0203.3849 695

Email:

ttdtcnvc@quangninh.gov.vn



Ảnh bìa: Đ/c Vi Thị Ngọc Bích,
Ủy viên Ban Thường vụ,
Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy
cùng Ban Giám hiệu Nhà trường
và các đại biểu chụp ảnh lưu niệm
cùng báo cáo viên Phạm Thị Vân Anh,
giảng viên Trường Đào tạo cán bộ
Nguyễn Văn Cừ đạt giải Nhì tại Hội thi.

NHÀ XUẤT BẢN HẢI PHÒNG

Số 5 - Nguyễn Khuyến - Hải Phòng

Điện thoại: 0225.3921076

Chịu trách nhiệm xuất bản

HÀ MẠNH CƯỜNG

Phó Giám đốc -

Phó Tổng biên tập phụ trách

In 150 cuốn, khổ 19 x 26,5 cm.

In tại

ĐKKHXB số: 2835-2021/CXBIPH/02-44/HP

In xong và nộp lưu chiểu năm 2021

*** ThS. Tạ Văn Tú**

Tạo động lực cho đội ngũ cán bộ, giảng viên trong hoạt động nghiên cứu khoa học

*** ThS. Phạm Thị Vân Anh**

Phản bác lại những luận điệu sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

*** ThS. Đặng Thị Kiều Liên**

Một số giải pháp nâng cao văn hóa chính trị cho đội ngũ cán bộ, đảng viên trong giai đoạn hiện nay

MÔ HÌNH - KINH NGHIỆM

*** ThS. Nguyễn Minh Hải**

Ứng dụng chuyển đổi số trong cải cách hành chính ở tỉnh Quảng Ninh hiện nay

*** ThS. Tô Thị Thanh Lê**

Quảng ninh - địa phương duy nhất đưa mục tiêu giữ vững nhóm đầu cả nước về chỉ số PCI, Par Index, Sipas và Papi vào Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tỉnh lần thứ XV

*** ThS. Hoàng Thị Thu Hiền**

Quảng Ninh phát triển bền vững theo mô hình tăng trưởng xanh góp phần thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020-2025

*** ThS. Nguyễn Đức Phương**

Phổ biến, cập nhật kiến thức pháp luật cho những người hoạt động không chuyên trách ở cơ sở tỉnh Quảng Ninh

*** ThS. Trần Ngọc Sơn**

Một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo hình thức học trực tuyến

*** ThS. Bùi Thị Tươi**

Các giải pháp về thực hiện đạo đức công vụ trong thực thi công vụ đối với cán bộ, công chức cấp xã tại Quảng Ninh trong giai đoạn hiện nay

TIN TỨC - SỰ KIỆN

*** ThS. Phan Thị Hải Yến**

Chuyển đổi số trong công tác đào tạo, bồi dưỡng tại Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ tỉnh Quảng Ninh

*** Ban Biên tập**

Một vài nét nổi bật trong 6 tháng đầu năm tại Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ

**TRÍCH YẾU MỘT SỐ Ý KIẾN KẾT LUẬN
CỦA ĐỒNG CHÍ NGUYỄN XUÂN THẮNG, ỦY VIÊN BỘ CHÍNH TRỊ,
GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH,
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG
VỀ TRIỂN KHAI QUY ĐỊNH SỐ 11-QĐ/TW
CỦA BAN BÍ THƯ VỀ TRƯỜNG CHÍNH TRỊ CHUẨN**

 **Ban Biên tập**

Ngày 01/7/2021, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đã tổ chức Hội nghị trực tuyến triển khai Quy định số 11-QĐ/TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (Khóa XIII) về trường chính trị chuẩn. Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ xin trích yếu một số ý kiến của đồng chí Nguyễn Xuân Thắng, Ủy viên Bộ Chính trị, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội đồng Lý luận tại Thông báo số 463-TB/HVCTQG ngày 22/7/2021 như sau:

1. Về trách nhiệm của các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương trong việc triển khai thực hiện Quy định số 11-QĐ/TW của Ban Bí thư

- Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo trường chính trị cấp tỉnh và các ban, sở, ngành có liên quan xây dựng Đề án trường chính trị chuẩn trình Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương phê duyệt. Đưa việc thực hiện Đề án trường chính trị chuẩn là một nội dung trong chương trình hành động của Tỉnh ủy, Thành ủy nhiệm kỳ 2020-2025.

- Tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức lãnh đạo, chỉ đạo các mặt hoạt động của

trường chính trị, quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ, viên chức trường chính trị. Quan tâm bố trí Hiệu trưởng Trường chính trị tham gia cấp ủy, cấp tỉnh.

- Căn cứ tiêu chuẩn đối với lãnh đạo cấp trường, cấp khoa, phòng trong Quy định số 11-QĐ/TW của Ban Bí thư để quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, điều động, bổ nhiệm. Xây dựng đề án luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý, giảng viên về các sở, ban, ngành, địa phương để nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý, năng lực giảng dạy, nghiên cứu. Quan tâm, xây dựng đội ngũ giảng viên, bảo đảm tỷ lệ giảng viên đạt ít nhất 75% trong tổng số cán bộ, viên chức. Có cơ chế, chính sách khuyến khích cán bộ, giảng viên các trường học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ lý luận chính trị, trong đó chú trọng cử giảng viên đi đào tạo tiến sĩ và học cao cấp lý luận chính trị. Ban hành quyết định giảng viên thỉnh giảng của trường chính trị gồm các đồng chí lãnh đạo tỉnh, lãnh đạo các ban, sở, ngành, địa phương; quy định rõ trách nhiệm của giảng viên thỉnh giảng.

- Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và thống nhất giao nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cho trường chính trị theo Quy định số 09-QĐ/TW, nhất là các nhiệm vụ bồi dưỡng, như: Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ cấp ủy cấp huyện quản lý (đối tượng 4); Bồi dưỡng cấp ủy, cơ sở; Bồi dưỡng chuyên viên, chuyên viên chính; Bồi dưỡng lãnh đạo cấp phòng; Bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cấp cơ sở; Bồi dưỡng đại biểu HĐND cấp huyện, cấp xã... Thống nhất thực hiện trường chính trị là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức duy nhất ở cấp tỉnh. Chỉ đạo các ban, sở, ngành, địa phương cử cán bộ tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng tại trường chính trị, không để xảy ra tình trạng cạnh tranh không lành mạnh giữa các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Chỉ đạo và tạo điều kiện để trường chính trị tăng cường mở các lớp trung cấp lý luận chính trị hệ tập trung tại trường. Bảo đảm chế độ, chính sách đối với cán bộ, giảng viên, học viên.

- Có cơ chế chính sách hợp lý để khuyến khích hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn của trường chính trị; giao nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh cho trường chính trị; có cơ chế tạo thuận lợi cho đội ngũ cán bộ, giảng viên trường chính trị được đi nghiên cứu thực tiễn trong và ngoài nước.

- Quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, bảo đảm kinh phí hoạt động và hiện đại hóa các trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật phục vụ công tác quản lý, giảng dạy, học tập, nghiên cứu. Đưa việc đầu tư xây dựng chuẩn hóa trường chính trị là một nội dung trong đầu tư công trung hạn của địa phương.

Có cơ chế, chính sách tôn vinh, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích cao, đóng góp vào việc xây dựng trường chính trị đạt chuẩn theo Quy định số 11-QĐ/TW của Ban Bí thư.

2. Trách nhiệm của các trường chính trị cấp tỉnh trong việc triển khai thực hiện Quy định số 11-QĐ/TW của Ban Bí thư

- Tổ chức rà soát, thống kê hiện trạng của trường theo các nhóm tiêu chí. Chủ trì, tham mưu xây dựng Đề án trường chính trị chuẩn trình Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy, trực thuộc Trung ương phê duyệt, trong đó xác định lộ trình cụ thể xây dựng trường chính trị đạt chuẩn từ nay đến năm 2025 và những năm tiếp theo.

- Tiếp tục đổi mới toàn diện công tác đào tạo, bồi dưỡng, chủ động đề xuất các loại hình đào tạo, bồi dưỡng gắn với các điều kiện đặc thù của địa phương và của trường để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về nguồn cán bộ. Thực hiện nghiêm túc chương trình, giáo trình, quy chế quản lý đào tạo, quy chế quản lý hoạt động bồi dưỡng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy, học tập; cập nhật thông tin trong giáo án và các tài liệu giảng dạy, học tập.

- Tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, lựa chọn vấn đề nghiên cứu vừa mang tính thời sự, vừa mang tính chiến lược, đáp ứng đòi hỏi thực tiễn địa phương; chắt lọc những kết quả nghiên cứu để chủ động tư vấn cho cấp ủy, chính quyền địa phương những vấn đề liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng nói riêng, xây dựng hệ thống chính trị nói chung vững mạnh.

TỈNH ỦY QUẢNG NINH

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



Số 308 - TB/TU

Quảng Ninh, ngày 11 tháng 8 năm 2021

THÔNG BÁO

**Ý KIẾN CHỈ ĐẠO CỦA THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY
về một số hoạt động của Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ**

Ngày 22/7/2021, Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ có Văn bản số 234-TTr/TĐTCB xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy về một số nội dung liên quan đến hoạt động của Trường. Trên cơ sở ý kiến tham mưu của Ban Tổ chức Tỉnh ủy tại Tờ trình số 494-TTr/BTCTU ngày 04/8/2021, Thường trực Tỉnh ủy thống nhất kết luận như sau:

1. Đồng ý chủ trương giao Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng Đề án trường chính trị chuẩn mức độ 1 theo Quy định số 11-QĐ/TW, ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo thẩm quyền.

2. Thống nhất giao nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cho Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ theo Quy định số 09-QĐ/TW; nhất là các nhiệm vụ bồi dưỡng như: Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ cấp ủy cấp huyện quản lý (Đối tượng 4); Bồi dưỡng cấp ủy cấp cơ sở; Bồi dưỡng chuyên viên, chuyên viên chính; Bồi dưỡng lãnh đạo cấp phòng; Bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cấp cơ sở; Bồi dưỡng đại biểu HĐND cấp huyện, cấp xã.

3. Đồng ý chủ trương thực hiện Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức duy nhất ở cấp tỉnh (trừ một số lớp tình giao cho Trường Đại học Hạ Long theo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm và các lớp đã phân cấp cho các địa phương, cơ quan, đơn vị thực hiện). Giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ, các đơn vị liên quan rà soát các đối tượng tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng tại Trường hằng năm, tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Thừa lệnh Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy thông báo ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy để Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ và các cơ quan liên quan chỉ đạo, triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c),
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy,
- Trường ĐTCB Nguyễn Văn Cừ,
- Lãnh đạo VPTU,
- Lưu VPTU.

T/L BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ CHỦ NHẬT VĂN PHÒNG

Nguyễn Vũ Thu Hòa

ĐẨY MẠNH VIỆC ĐƯA CÁC NHIỆM VỤ CHÍNH TRỊ CỦA TỈNH VÀO CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC VIÊN CHỨC

 **ThS. Phạm Hữu Kiên**

Phó Hiệu trưởng

Thực hiện chỉ đạo của Học viện Chính trị quốc gia và Tỉnh ủy Quảng Ninh, những năm qua, Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ luôn chú trọng đổi mới nội dung, chương trình, gắn giảng dạy lý luận với quán triệt, triển khai các nghị quyết của Đảng. Qua đó, đã kịp thời đưa các nhiệm vụ chính trị trọng tâm của địa phương, đất nước của Tỉnh vào các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, định hướng của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh đề ra. Để tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ này, cần có sự quan tâm chỉ đạo, phối hợp, triển khai, thực hiện một cách đồng bộ giữa Nhà trường với các đảng bộ, địa phương, cơ quan, đơn vị.

1. THỰC TRẠNG VIỆC ĐƯA NHIỆM VỤ CHÍNH TRỊ TRỌNG TÂM CỦA TỈNH VÀO CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

Căn cứ các quy định của Trung ương, của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Tỉnh ủy Quảng Ninh, Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ có 02 chức năng cơ bản là giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Để thực hiện tốt chức năng này, những năm qua Nhà trường đã bám sát nhiệm vụ chính trị của đất nước và của Tỉnh, phối hợp chặt chẽ với các ban, sở, ngành, địa phương tham mưu, đề xuất các nội dung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức vừa bảo đảm khung

theo quy định vừa cập nhật nhiệm vụ chính trị trọng tâm của Tỉnh.

Đối với Chương trình đào tạo trung cấp lý luận chính trị - hành chính: Theo Quyết định 1479/QĐ-HVCTQG ngày 21/4/2014 gồm 1056 tiết/80 bài/07 phần học, trong đó, có 42 tiết dành cho phần học “*Tình hình nhiệm vụ của địa phương*”. Để giảng dạy phần nội dung này, Nhà trường đã triển khai biên soạn Tập bài giảng, đưa những vấn đề của tỉnh Quảng Ninh được đưa vào giảng dạy gồm: (1) Điều kiện tự nhiên, địa lý, văn hóa, con người Quảng Ninh; (2) Khái quát lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh; (3) Tổng quan tình hình kinh tế - xã hội; (4) Công nghiệp Quảng Ninh - Tiềm năng và thế mạnh; (5) Nhiệm vụ phát triển kinh tế du lịch; (6) Phát triển nông nghiệp công nghệ cao; (7) Phát triển nhân tố con người Quảng Ninh.

Cùng với giảng dạy 07 chuyên đề bổ trợ chuyên sâu nêu trên Nhà trường cũng đã tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy phân công các đồng chí Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực UBND tỉnh, Lãnh đạo các ban, sở, ngành báo cáo các chuyên đề bổ trợ kiến thức thực tiễn như: (1) Công tác kiểm tra, giám sát trong thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII); (2) Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới; (3) Cải thiện bền vững môi

trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; (4) Giải pháp thúc đẩy hoạt động xúc tiến đầu tư và phát triển doanh nghiệp; (5) Di sản thiên nhiên Vịnh Hạ Long - Nguồn tài nguyên đặc biệt trong chiến lược phát triển tỉnh Quảng Ninh; (6) Tăng cường hội nhập quốc tế phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại tỉnh Quảng Ninh; (7) Giải pháp nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên...

Ngoài ra, trong chương trình nghiên cứu thực tế của học viên các lớp, Nhà trường cũng tổ chức các đợt tham quan, học tập kinh nghiệm, mô hình, cách làm hay tại các địa phương, đơn vị trong tỉnh, gắn với triển khai thực hiện các chủ đề công tác hằng năm của Tỉnh và chuyên đề học tập và làm theo Bác do Ban Tuyên giáo Trung ương chỉ đạo, hướng dẫn.

Đối với Chương trình đào tạo cao cấp lý luận chính trị: Trên cơ sở bám sát các chủ trương, định hướng lớn phát triển tỉnh Quảng Ninh, Nhà trường đã phối hợp với Học viện Chính trị Khu vực I và các đơn vị thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, tham mưu, mời các đồng chí lãnh đạo tỉnh và các ban, sở, ngành báo cáo 06 chuyên đề kinh nghiệm thực tiễn phát triển địa phương, trong đó có chuyên đề do đồng chí Bí thư Tỉnh ủy trực tiếp giảng dạy.

Đối với các chương trình bồi dưỡng chức danh, ngạch công chức: Theo quy định, Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ được giao trực tiếp giảng dạy các chương trình: Bồi dưỡng ngạch chuyên viên, chuyên viên chính; bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương. Mục tiêu của các chương trình này tập trung trang bị, cập nhật kiến thức về quản lý nhà nước, phát triển năng lực thực thi công vụ, kỹ năng lãnh đạo, quản lý nhằm

nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ quản lý cấp phòng đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh cải cách hành chính, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Trên cơ sở đó, ngoài các chuyên đề kiến thức chung, Nhà trường đã lựa chọn, tích hợp những định hướng, nhiệm vụ, giải pháp cơ bản của Tỉnh trong việc đẩy mạnh cải cách hành chính, quản lý đất đai và tài nguyên, bảo vệ môi trường, các nghị quyết chuyên đề của ĐH, BCH, BTV Tỉnh ủy; thực hiện 3 đột phá chiến lược trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh để đưa vào bồi dưỡng. Đặc biệt là các giải pháp phấn đấu thực hiện mục tiêu Nghị quyết Đại hội XV Đảng bộ tỉnh (nhiệm kỳ 2020-2025) đề ra là: *Hằng năm, giữ vững vị trí nhóm đầu cả nước về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI).*

Với những nỗ lực cố gắng trên đây, Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ đã tạo sự chuyển biến tích cực trong việc quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 32-NQ/TW ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị “Về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ lãnh đạo, quản lý”; thực hiện tốt phương châm “*học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn, gắn học tập với rèn luyện phẩm chất đạo đức, tư cách người cách mạng*”. Qua mỗi khóa đào tạo, bồi dưỡng, mỗi cán bộ có sự chuyển biến tích cực về ý thức, thái độ, tinh thần trách nhiệm và kỹ năng công tác, phục vụ thiết thực cho nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị.

2. GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG ĐƯA CÁC NHIỆM VỤ CHÍNH TRỊ CỦA ĐỊA PHƯƠNG VÀO CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV (nhiệm kỳ 2020-2025) xác định một trong những đột phá chiến lược là: *Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và lao động có kỹ năng gắn với nhanh chóng tăng quy mô và nâng cao chất lượng dân số đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của Tỉnh là khâu đột phá, cấp bách; gắn chặt với nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị là nhân tố quyết định sự thành công trước mắt và chiến lược.* Để nâng cao chất lượng việc đưa các nhiệm vụ chính trị trọng tâm vào các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, thiết nghĩ cần quan tâm một số giải pháp cơ bản sau:

Thứ nhất: Cần tiếp tục quán triệt, thực hiện nghiêm các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác giáo dục lý luận chính trị, nhất là Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 18/12/2017 của Tỉnh ủy Quảng Ninh về một số giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng trong tình hình mới. Trong đó, chú trọng mục tiêu giúp cho cán bộ, đảng viên *“nhận thức đúng đắn về các chủ trương, đường lối của Đảng, thống nhất cao trong thực hiện những vấn đề mới của Tỉnh, có chuyển biến tích cực về ý thức, tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao”*. Bám sát quan điểm: *Công tác tư tưởng phải bám sát đời sống nhân dân, phục vụ có hiệu quả nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị và sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc; tích cực tham gia đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong Đảng, hệ thống chính trị và xã hội.*

Thứ hai: Quán triệt, thực hiện có chất lượng các chỉ đạo, hướng dẫn của Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về công tác đào tạo, bồi dưỡng. Tại Công văn số 463-CV/HVC-TQG, ngày 22/7/2021, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đề nghị các tỉnh ủy, thành ủy *“Quan tâm chỉ đạo, thống nhất giao nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cho trường chính trị theo Quy định số 09-QĐ/TW; nhất là các nhiệm vụ bồi dưỡng như: Cập nhật kiến thức cho cán bộ diện Ban Thường vụ cấp ủy cấp huyện quản lý (đối tượng 4); Bồi dưỡng cấp ủy cơ sở; Bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương; Bồi dưỡng đại biểu HĐND cấp huyện, cấp xã...”*.

Được giao đảm nhiệm các chương trình bồi dưỡng trên đây vừa là vinh dự, vừa là trách nhiệm. Song để làm tròn trách nhiệm đó, đội ngũ giảng viên của Nhà trường phải nỗ lực cố gắng cao, kịp thời cập nhật những nội dung chỉ đạo mới nhất của cấp ủy, chính quyền, nhất là chỉ đạo của các đồng chí lãnh đạo tỉnh vào bài giảng; gắn giảng dạy lý luận với giải quyết tình huống trong thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các nghị quyết, chỉ thị của Đảng. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tiễn trong đội ngũ cán bộ, giảng viên; thực hiện nghiêm túc chất lượng việc duyệt giảng, dự giờ. Khuyến khích động viên và tin tưởng giao bài cho giảng viên trẻ đã khẳng định về chuyên môn; xây dựng được hệ thống thông tin phục vụ công tác cập nhật nghị quyết của Đảng vào bài giảng. Trong đào tạo, bồi dưỡng, quán triệt và thực hiện phương châm *“người học là trung tâm, người thầy là động lực, nhà trường là nền tảng”*, trên cơ sở đó có các biện pháp tổng thể, từ công tác chỉ đạo, quản lý, sinh hoạt chuyên môn, cho đến công tác phục vụ, đảm bảo các điều kiện tốt nhất nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

(Xem tiếp trang 49)

VẬN DỤNG NHỮNG NHẬN THỨC, TƯ DUY MỚI VỀ AN NINH QUỐC GIA TRONG NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG NHẪM CHỦ ĐỘNG PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ VỚI CÁC MỐI ĐE DỌA AN NINH

 **TS. Đỗ Minh Tuấn**

Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Hiệu trưởng

An ninh quốc gia và bảo vệ an ninh quốc gia là vấn đề hệ trọng đối với mọi quốc gia, dân tộc, là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của cách mạng Việt Nam. Quan điểm này được cụ thể hoá cho phù hợp với đặc điểm tình hình, nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam qua từng thời kỳ và được minh chứng đầy đủ, sinh động trong nghị quyết các kỳ đại hội Đảng, theo đó, nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia luôn được đề cập, bổ sung, phát triển từ nhận thức, tư duy đến mục tiêu, phương hướng và giải pháp thực hiện.

Nhận thức rõ vị trí, vai trò, tầm quan trọng của việc phòng, chống các mối đe dọa an ninh (bao gồm an ninh truyền thống và phi truyền thống), trong các văn kiện đại hội của Đảng, đặc biệt là nghị quyết các kỳ đại hội gần đây, Đảng ta đã luôn nhấn mạnh những quan điểm, chủ trương, nội dung, biện pháp phòng ngừa và ứng phó kịp thời, hiệu quả với các mối đe dọa an ninh quốc gia, thu được những kết quả quan trọng.

1. Quan điểm nhất quán của Đảng và những nhận thức, tư duy mới đối với an ninh quốc gia trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng

1.1. Quan điểm nhất quán của Đảng về an ninh quốc gia

Xây dựng chủ nghĩa xã hội đi đôi với bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa (XHCN) là quy luật

của cách mạng XHCN nói chung và của cách mạng nước ta nói riêng. Quan điểm này thể hiện một cách sinh động quy luật dựng nước phải gắn liền với giữ nước của dân tộc ta trong tiến trình cách mạng và điều kiện lịch sử mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng hiện nay, Đảng ta luôn kiên định và thể hiện sự nhất quán trong nhận thức, tư duy và hành động đối với an ninh quốc gia, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài, quan trọng của cả hệ thống chính trị và của toàn xã hội. Quan điểm về bảo đảm an ninh quốc gia vì sự phát triển bền vững và phồn vinh của đất nước đã được đề cập, bổ sung, phát triển qua nhiều kỳ đại hội của Đảng, đặc biệt là trong nghị quyết các kỳ đại hội Đảng gần đây. Cụ thể:

- Văn kiện Đại hội XI (2011) của Đảng xác định: *“Phát huy mạnh mẽ sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị, thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ;... giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội; chủ động ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch và sẵn sàng ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống mang tính toàn cầu, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình*

huống”⁽¹⁾. Văn kiện cũng khẳng định: “Tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước và toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt”⁽²⁾. Quan điểm này xác định rõ trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị, của toàn dân, của lực lượng vũ trang đối với vấn đề tăng cường quốc phòng, an ninh trong từng giai đoạn, thời kỳ ở nước ta.

- Văn kiện Đại hội lần thứ XII (2016) của Đảng tiếp tục chỉ rõ: “Sẵn sàng ứng phó với các mối đe dọa an ninh truyền thống và phi truyền thống”⁽³⁾. Theo đó, Nghị quyết Đại hội XII đã đặt an ninh phi truyền thống bên cạnh an ninh truyền thống, chỉ ra một số vấn đề toàn cầu như an ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, an ninh mạng, xung đột sắc tộc, tôn giáo, khủng bố... đồng thời đề cập đến “các hình thái chiến tranh kiểu mới” với hàm ý khả năng chuyển hóa giữa an ninh phi truyền thống và an ninh truyền thống.

1.2. Những nhận thức, tư duy mới về an ninh quốc gia trong Văn kiện Đại hội XIII

Trong Văn kiện của Đại hội XIII, Đảng ta xác định an ninh quốc gia cần được hiểu một cách toàn diện hơn, rộng và sâu hơn, bao gồm an ninh truyền thống (an ninh chính trị, quân sự) và an ninh phi truyền thống (an ninh mạng; khủng bố, tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia; an ninh tài chính - tiền tệ; an ninh

năng lượng, lương thực...). Thêm vào đó là những vấn đề an ninh mới nổi lên bắt nguồn từ những nguy cơ mới, tác động đa chiều của quá trình hội nhập quốc tế và phát triển như: “an ninh chính quyền”, “an ninh chế độ”...

Về mục tiêu tăng cường quốc phòng, an ninh, Đại hội XIII xác định: “*Phát huy cao nhất sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị kết hợp với sức mạnh thời đại, tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng quốc tế để bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân, chế độ xã hội chủ nghĩa, nền văn hóa và lợi ích quốc gia - dân tộc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia, an ninh con người; xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh để phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa*”⁽⁴⁾. Điểm mới về mục tiêu bảo vệ an ninh quốc gia là: “**bảo vệ con người, an ninh con người**” và “**xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh**” bằng các biện pháp mới hơn, mạnh hơn. Đại hội XIII đã bổ sung nội dung “*Kết hợp với sức mạnh thời đại*” để phát huy cao nhất sức mạnh tổng hợp nhằm bảo vệ Tổ quốc, giữ vững an ninh quốc gia.

Văn kiện Đại hội XIII tiếp tục đề cập, bổ sung, phát triển một số vấn đề mới, có liên quan như: xây dựng hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về quốc phòng, an ninh; hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh. Đây là tư duy mới về quốc phòng, an ninh nhằm khẳng định vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế và phát huy sức mạnh thời đại trong bảo vệ an ninh quốc gia.

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. CTQG, tr. 233

(2) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. CTQG, tr. 82

(3) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb. CTQG, tr. 148

(4) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. CTQG, tập 1, tr. 155, 156

2. Nhận diện các mối đe dọa an ninh quốc gia

An ninh phi truyền thống và an ninh truyền thống là hai mặt của khái niệm an ninh toàn diện. Vì vậy, an ninh phi truyền thống và an ninh truyền thống cùng tác động đến xây dựng chiến lược an ninh quốc gia, bảo đảm ổn định và phát triển của quốc gia. An ninh quốc gia theo tư duy mới là tổng hòa của an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống.

Trong Văn kiện Đại hội XIII, Đảng ta xác định và đặt các mối đe dọa an ninh phi truyền thống và an ninh truyền thống bên cạnh nhau. Cùng với việc chỉ rõ các mối đe dọa an ninh truyền thống dù vẫn tiềm tàng và biểu hiện dưới các hình thức, mức độ khác nhau, nhưng trong những năm tới xu thế hòa bình, hợp tác, phát triển vẫn là chủ đạo, Đảng ta xác định các thách thức an ninh phi truyền thống đang nổi lên gay gắt, diễn biến phức tạp do mặt trái của toàn cầu hóa, của kinh tế thị trường, của việc ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ đồng thời định dạng các mối đe dọa an ninh phi truyền thống bao gồm: An ninh con người, an ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh lương thực, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh... Phạm vi các mối đe dọa an ninh phi truyền thống sẽ còn mở rộng và diễn biến rất phức tạp, đòi hỏi phải tiếp tục theo dõi, nghiên cứu và bổ sung kịp thời; các mối đe dọa an ninh phi truyền thống không của riêng Việt Nam mà mang tính toàn cầu, trong đó, một số mối đe dọa an ninh phi truyền thống có khả năng chuyển hóa thành an ninh truyền thống, như: xung đột dân tộc, tôn giáo, khủng bố, bạo loạn chính trị.

Trong bối cảnh mở cửa, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, cuộc Cách mạng

Công nghiệp lần thứ tư đang và sẽ tác động mạnh mẽ, toàn diện đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, việc nhận diện, phân biệt các mối đe dọa an ninh truyền thống và phi truyền thống là cần thiết và cấp thiết:

- An ninh truyền thống có cốt lõi là an ninh chính trị, an ninh quân sự, lấy Nhà nước làm trung tâm, trong khi an ninh phi truyền thống có cốt lõi là an ninh xã hội, an ninh con người, lấy xã hội, doanh nghiệp, con người làm trung tâm.

- Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống thường do các tác nhân tự nhiên hoặc do các tổ chức ngoài nhà nước, nhóm người hoặc cá nhân tiến hành; trong khi an ninh truyền thống là xung đột giữa quân đội các nhà nước. Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống uy hiếp trực tiếp đến cá nhân con người hoặc cộng đồng, quốc gia - dân tộc; còn an ninh truyền thống uy hiếp trực tiếp đến chủ quyền lãnh thổ quốc gia - dân tộc, uy hiếp an ninh quốc gia. Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống có cả những vấn đề *mang tính phi bạo lực* (kinh tế, văn hóa, môi trường, an ninh mạng, dịch bệnh...) và những vấn đề *mang tính bạo lực*, nhưng đó là bạo lực phi quân đội (khủng bố, tội phạm có tổ chức...). Các nguy cơ, thách thức, mối đe dọa an ninh phi truyền thống hủy hoại an ninh quốc gia dần dần và lâu dài, vì nó tác động đến các yếu tố mang tính hạt nhân hoặc bệ đỡ cho ổn định và phát triển.

- Giải quyết các mối đe dọa an ninh phi truyền thống nhấn mạnh đến *hợp tác ứng phó, sử dụng biện pháp ngoại giao*, kể cả ngoại giao giữa quân đội, công an các nước, trong khi an ninh truyền thống thường lấy biện pháp vũ trang - quân sự là chính, ngoại giao là hỗ trợ.

3. Vận dụng các chủ trương, giải pháp trong Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng nhằm chủ động phòng ngừa và ứng phó với các mối đe dọa an ninh quốc gia

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng chỉ rõ, thời gian tới, dưới góc độ an ninh quốc gia, đất nước ta đang đứng trước 03 thách thức lớn đe dọa trực tiếp đến sinh mệnh của Đảng và sự tồn vong của chế độ, đó là: (1) Âm mưu, hoạt động chống phá, gây bạo loạn, lật đổ của các thế lực thù địch, phản động ngày càng thâm độc, nguy hiểm hơn. (2) Nguy cơ đe dọa chủ quyền lãnh thổ trên Biển Đông, gắn với thách thức trong xử lý quan hệ với các nước lớn và giữ vững uy tín của Đảng, chế độ trước nhân dân ngày càng gia tăng. (3) Nguy cơ “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ gắn với suy giảm lòng tin của nhân dân diễn biến phức tạp. Trong đó, nguy cơ mất an ninh chính trị nội bộ, suy giảm thế trận lòng dân, làm suy yếu sức chiến đấu của Đảng, của chế độ ta từ gốc, từ bên trong là nguy hiểm nhất.

3.1. Về phương hướng ứng phó với những mối đe dọa an ninh quốc gia, bảo vệ an ninh quốc gia

Đại hội XIII xác định phương hướng, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh đến năm 2030 là: “*Kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa. Giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, an ninh con người, an ninh kinh tế, an ninh mạng, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương. Chủ động ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa; phát hiện sớm và xử lý kịp thời những yếu tố bất lợi, nhất là những yếu tố, nguy cơ gây đột biến...*”⁽⁵⁾. Điều này khẳng định tư duy và định hướng trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, trong đó nhấn mạnh:

“*an ninh con người, an ninh kinh tế, an ninh mạng, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương*”. Coi việc giữ vững an ninh quốc gia là mục tiêu, giải pháp để phát triển bền vững đất nước; đồng thời thể hiện tư tưởng chỉ đạo phát triển để giữ vững an ninh, an ninh để phát triển, an ninh trong phát triển. Về xây dựng lực lượng ứng phó với những mối đe dọa an ninh quốc gia, bảo vệ an ninh quốc gia, Đại hội XIII định hướng: “*Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số lực lượng tiến thẳng lên hiện đại, tạo tiền đề vững chắc phấn đấu đến năm 2030 xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại*”⁽⁶⁾. Như vậy, về xây dựng lực lượng, Đảng ta xác định chuyển từ trạng thái “*từng bước hiện đại*” sang “*một số lực lượng tiến thẳng lên hiện đại*”, đồng thời xác định mục tiêu phấn đấu: “*đến năm 2030, xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại*”. Đây là tư duy rất mới trong việc định hướng xây dựng lực lượng Công an nhân dân phù hợp với xu thế, yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia cũng như tiềm lực của đất nước hiện nay

3.2. Về các giải pháp ứng phó với những mối đe dọa an ninh quốc gia, bảo vệ an ninh quốc gia

Về phạm vi bảo vệ an ninh quốc gia: Đại hội XIII phát triển tư duy mới về phạm vi bảo vệ an ninh quốc gia không chỉ giới hạn bên trong mà còn mở rộng ở cả bên ngoài biên giới hành chính quốc gia nhằm bảo vệ lợi ích, an ninh quốc gia. Chuyển từ tư duy thụ động, bó hẹp,

(5) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. CTQG, tập 1, tr. 157

(6) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. CTQG, tập 1, tr. 276, 277

khép kín, biệt lập sang tư duy chủ động, hợp tác và phát triển, bảo vệ an ninh quốc gia từ xa, từ sớm, tạo vành đai an ninh từ ngoài lãnh thổ, biên giới hành chính quốc gia (*an ninh đối ngoại...*); bảo vệ an ninh không gian, vùng trời quốc gia (*an ninh mạng, an ninh không gian mạng, an ninh hàng không...*); bảo vệ an ninh dưới lòng đất quốc gia (*an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước...*). Đây chính là quan điểm thể hiện sự chủ động trong phòng ngừa, ứng phó với các mối đe dọa an ninh.

Về kế sách bảo vệ an ninh quốc gia: Văn kiện Đại hội XIII bên cạnh việc tiếp tục khẳng định: “ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ xa, từ sớm”, đồng thời xác định: “*chủ động phòng ngừa là chính*”. Vì vậy, bảo vệ an ninh quốc gia mang “*tính phòng ngừa*” rất cao; là sự kế thừa truyền thống, nghệ thuật cách mạng của dân tộc, của cha ông ta “*giữ nước từ khi nước chưa nguy*”. Để bảo đảm các mục tiêu phát triển, Đại hội XIII đã xác định: “*Chủ động chuẩn bị về mọi mặt, sẵn sàng các phương án bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và giữ vững an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống*”⁽⁷⁾. Điều này thể hiện tư duy trong bảo vệ an ninh quốc gia là luôn giữ vững thể chủ động chiến lược, chủ động trong mọi tình huống, thể hiện “*tính chiến đấu*” thường xuyên, liên tục trong mọi hoàn cảnh (thời chiến và thời bình), gắn chặt với xu thế hòa bình, ổn định để phát triển bền vững đất nước. Trong bảo vệ an ninh quốc gia, cần chủ động nắm chắc tình hình từ sớm, từ xa, từ cơ sở trong mọi tình huống; từ khi mới khởi nguồn các vấn đề phức tạp về an ninh, trật tự để kịp thời tham mưu những chủ trương, giải pháp, cơ chế, chính

sách, pháp luật phù hợp bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc, chủ quyền và an ninh của đất nước.

Về tiềm lực an ninh: Văn kiện Đại hội XIII đã đề cập đến vấn đề này một cách đầy đủ, rõ nét, toàn diện hơn, đó là: “*Tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh, xây dựng và phát huy mạnh mẽ “thế trận lòng dân” trong nền quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân; xây dựng, củng cố vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân*”⁽⁸⁾. Đồng thời, tiếp tục kế thừa và phát triển tư duy về nguồn lực quốc phòng, an ninh trong Văn kiện Đại hội XII với phương châm: “Chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ và hậu cần tại chỗ”, “Phát huy sức mạnh và sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, toàn dân, sự phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ giữa các lực lượng”; Văn kiện Đại hội XIII cụ thể hóa, bổ sung và phát triển đó là: “*Có cơ chế huy động nguồn lực từ địa phương và nguồn lực xã hội cho xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh...*”. Đây là thể hiện tư duy mới tạo ra cơ chế mở để phát huy cao nhất các nguồn lực xã hội nhằm xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh vững mạnh hơn trong bối cảnh hiện nay.

Từ thực tiễn thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia hiện nay, tư duy về bảo vệ an ninh quốc gia được Đảng xác định và phát triển tầm cao mới. Đó là “*nghệ thuật an ninh xã hội*”. Đây cũng là lần đầu tiên “*nghệ thuật bảo vệ an ninh quốc gia*”, “*nghệ thuật an ninh xã hội*” chính thức được đưa vào Văn kiện Đại hội Đảng. Thực tiễn bảo vệ an ninh quốc gia hiện nay cũng đặt ra những yêu cầu, định hướng nghiên cứu để phát triển, hoàn thiện hơn nữa lý luận về bảo vệ an ninh quốc gia.

(Xem tiếp trang 18)

(7) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. CTQG, tập 1, tr. 159

(8) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. CTQG, tập 1, tr. 159

XÂY DỰNG ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG CHO ĐỘI NGŨ CÁN BỘ THEO TINH THẦN ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG



ThS. Đào Thị Mai Hương

Phó Trưởng Khoa Xây dựng Đảng

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng cùng với việc xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, đại hội đã đề ra những định hướng lớn, có ý nghĩa rất quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong nhiệm kỳ 2021 - 2025. Một trong những định hướng trong công tác xây dựng Đảng đó là xây dựng Đảng về đạo đức, đặc biệt là những định hướng xây dựng đạo đức cách mạng đối với người cán bộ.

Định hướng xây dựng đạo đức cách mạng đối với người cán bộ, Đại hội nêu: *“Nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện các chuẩn mực đạo đức cách mạng phù hợp với điều kiện mới và truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc để làm cơ sở cho cán bộ, đảng viên tự giác tu dưỡng, rèn luyện, tự điều chỉnh hành vi ứng xử trong công việc hằng ngày. Đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng, làm cho mỗi cán bộ, đảng viên thấy rõ bốn phận và trách nhiệm của mình, luôn vững vàng trước mọi khó khăn, thách thức và không bị cám dỗ bởi vật chất, tiền tài, danh vọng. Nâng cao ý thức tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng suốt đời, thường xuyên “tự soi”, “tự sửa” và nêu cao danh dự, lòng tự trọng của người đảng viên. Kịp thời biểu dương những điển hình tiên tiến, những tấm gương sáng về đạo đức, lối sống; đấu tranh mạnh mẽ với các biểu hiện lệch lạc và xử lý nghiêm những hành vi vi*

phạm đạo đức, lối sống trong đội ngũ cán bộ, đảng viên”⁽¹⁾

Trong mọi giai đoạn của cách mạng, Đảng và Bác Hồ luôn quan tâm đến vấn đề đạo đức cách mạng và nâng cao đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên và coi đạo đức là gốc của người cán bộ, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: *“Có tài phải có đức, có tài không có đức, tham ô hủ hóa có hại cho Nhà nước. Có đức không có tài, như ông Bụt ngồi trong chùa, không giúp ích gì được ai”⁽²⁾*. Cũng chính nhờ làm tốt công tác này nên Đảng ta đã đào tạo được một đội ngũ cán bộ, đảng viên hùng hậu lãnh đạo cách mạng Việt Nam giành được những thắng lợi to lớn trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc, đưa đất nước tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, là tập hợp những nguyên tắc, qui tắc, chuẩn mực xã hội nhằm điều chỉnh và đánh giá cách ứng xử của con người trong mối quan hệ với nhau và quan hệ với xã hội, chúng được thực hiện bởi niềm tin cá nhân, bởi truyền thống và sức mạnh của dư luận xã hội. Cùng với sự phát triển của con người và sự tiến bộ của xã hội, một nền “đạo đức mới” cũng được hình thành và phát triển. Nền đạo đức mới đó

(1) Văn kiện Đại hội Đại biểu Toàn quốc lần thứ XIII, tập 2, Nxb. CTQG sự thật, Hà Nội, 2021, tr. 237

(2) Hồ Chí Minh toàn tập, tập 8, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2001, tr.184

được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta xác định là “Đạo đức cách mạng”.

Đạo đức cách mạng không phải tự phát hình thành và hoàn thiện một cách tức thời mà sự ra đời của nó gắn liền với cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, xuất phát từ lợi ích sống còn của cách mạng và không ngừng phát triển theo mỗi bước đi lên của cách mạng. Đó là hệ thống những nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức phản ánh các mối quan hệ của con người trong chế độ xã hội mới - xã hội chủ nghĩa. Điều đó cũng nói lên rằng đạo đức cách mạng là một hiện tượng xã hội mang tính lịch sử, cụ thể. Cho nên, những nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức cách mạng không phải nhất thành bất biến mà mỗi lĩnh vực hoạt động có những yêu cầu, chuẩn mực đạo đức riêng, mỗi đối tượng cụ thể có những phẩm chất đạo đức đặc thù nhưng vẫn trên nền đạo đức chung của xã hội.

Đội ngũ cán bộ của Đảng từ trước tới nay thể hiện những phẩm chất đạo đức cách mạng như: Niềm tin vào lý tưởng cách mạng, trung thành với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, tận tụy phục vụ nhiệm vụ chính trị ở địa phương, tận tụy phục vụ nhân dân nơi mình phụ trách; nắm chắc một cách tương đối toàn diện các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng để có định hướng chung đúng đắn cho hoạt động lãnh đạo của mình. Tác phong làm việc dân chủ, bám sát thực tiễn, nhanh nhạy, sáng tạo, quyết đoán, với 06 dám: dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám nói, dám đột phá sáng tạo và dám đương đầu với khó khăn thử thách. Có năng lực triển khai tổ chức thực hiện các chủ trương, chỉ thị, nghị quyết của cấp trên và cấp mình; năng lực giao

tiếp với dân; năng lực vận động quần chúng. Có sức khoẻ tốt, đủ sức làm việc và hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao. Hết lòng vì sự nghiệp cách mạng: đừng hỏi Tổ quốc đã làm gì cho ta, mà cần hỏi ta đã làm gì cho Tổ quốc hôm nay. Tận tụy phục vụ nhân dân, gắn bó với nhân dân, sẵn sàng làm “người đầy tớ” của nhân dân; không cậy quyền để mưu cầu lợi ích riêng, biết tiếp thu, lắng nghe sự phê bình của quần chúng nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân.

Xây dựng đạo đức cách mạng cho người cán bộ là vấn đề khó, tuy nhiên theo tinh thần của Đại hội XIII, chúng ta cần thực hiện tốt các giải pháp sau:

Thứ nhất: *Xây dựng người cán bộ đạt được những tiêu chí đạo đức xã hội đặt ra đó là: trung, hiếu, kính, dũng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư.*

“*Trung*” ở đây là trung thành với Tổ quốc, với chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. “*Trung*” với Đảng, với nước không chỉ đơn thuần bằng tình cảm, lý tưởng đạo đức cách mạng mà phải bằng hành động cách mạng cụ thể; “*Hiếu*” cũng như mọi con người có đạo đức, người cán bộ bao giờ cũng là con một gia đình lớn là Tổ quốc, người mẹ lớn là nhân dân. Vì vậy, chữ “*hiếu*” ở đây của người cán bộ không phải chỉ hiếu với gia đình, ông bà, bố mẹ, anh chị em mà cao hơn nữa là hiếu với dân tộc, giai cấp và Nhân dân; “*Kính*” ở đây là kính trên nhường dưới, kính già yêu trẻ, kính trọng những bậc tiền bối, thế hệ cha anh đi trước, là phải kính trọng nhân dân trong bất kỳ hoàn cảnh nào, giai đoạn nào; “*Dũng*” là dũng cảm. “*Dũng*” giúp cho người cán bộ giàu sang không quỵ rũ, nghèo khó không chuyển lay, uy vũ không khuất phục. “*Cần*” là chuyên cần, cần mẫn.

Người cán bộ phải mẫn cán, “đối với công việc phải tận tụy”, không ngại gian khổ, khó khăn cũng như không chủ quan ỷ lại vào cấp trên. Người cán bộ phải yêu công việc được giao như chính việc của gia đình mình, trong hoạt động quản lý ở cơ sở. “*Kiệm*” nghĩa là tiết kiệm, mục đích của việc này là nhằm nâng cao hiệu quả của lao động sản xuất. Người cán bộ phải là tấm gương đi đầu trong thực hành tiết kiệm. Tiết kiệm ở người cán bộ không phải chỉ cho chính bản thân mình, gia đình mình mà còn phải tiết kiệm cho dân, cho nước. “*Liêm*” là liêm khiết, thanh liêm. Đây là thuộc tính bản chất quan trọng nhất của người cán bộ. Người cán bộ phải có ý thức sâu sắc và thường xuyên rèn luyện phẩm chất liêm khiết trước Đảng, trước Nhân dân. Chữ “*liêm*” bị đánh mất thì cán bộ, đảng viên trở thành kẻ thực dụng, cơ hội, thoái hoá biến chất, trở thành kẻ chống lại Đảng, đi ngược lại lợi ích của Nhân dân. “*Chính*” là ngay thẳng, giữ vững cái đúng, là chính trực, quang minh chính đại - một yêu cầu hết sức quan trọng về đạo đức người cán bộ. “*Chính*” là sự thẳng thắn, trung thực, theo con đường chính nghĩa mà nói, mà làm, mà tiến lên. Đối với người cán bộ thì lập trường cộng sản chủ nghĩa, trước hết là suốt đời phấn đấu xây dựng cho: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh làm “*chính*”. “*Chí công vô tư*” là chuẩn mực đạo đức bắt buộc đối với người cán bộ. “*Chí công vô tư*” phẩm chất đạo đức cao đẹp của người cán bộ cách mạng phân biệt với người bình thường. “*Chí công vô tư*” là quan hệ về lợi ích, giữa lợi ích cá nhân với lợi ích cộng đồng, giữa lợi ích riêng và lợi ích chung, giữa tư lợi và công lợi. Trong mối quan hệ lợi ích ấy chỉ có thể có tính chân chính khi và chỉ khi nó không đối lập với lợi ích chung của cộng đồng, của xã hội.

Thứ hai: *Nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng về tầm quan trọng trong việc nâng cao đạo đức cách mạng đối với người cán bộ hiện nay.*

Xuất phát từ vai trò quan trọng của đạo đức cách mạng đối với người cán bộ, các cấp ủy đảng phải đặc biệt quan tâm và có nhận thức đúng đắn về công tác này, coi đó là nhân tố quyết định cho mọi thắng lợi của cách mạng nước ta. Cán bộ là mấu chốt quyết định thành bại của công việc, muốn có cán bộ tốt thật sự, ngoài việc nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ thông qua việc đưa đi đào tạo và đào tạo lại, thì cần phải chăm lo giáo dục nâng cao đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ. Để làm tốt công tác này, các cấp ủy đảng phải nhận thức công tác giáo dục nâng cao đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ không phải chỉ làm trong ngày một, ngày hai mà phải là một quá trình hết sức khó khăn và lâu dài. Cần phải có sự quan tâm phối hợp đồng bộ của các cơ quan, các ban ngành đoàn thể, gia đình, nhà trường và xã hội. Mỗi cán bộ chủ chốt phải tự ý thức, tự giáo dục, rèn luyện, tu dưỡng mình mới mang lại hiệu quả cao và vững chắc. Nâng cao đạo đức cách mạng của cán bộ cần phải gắn với chống chủ nghĩa cá nhân, ngăn chặn sự suy thoái về đạo đức lối sống; khắc phục thái độ xem nhẹ công tác này, cũng như thái độ xem nhẹ nguy cơ chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, đả suy thoái về đạo đức, lối sống trong cán bộ.

Thứ ba: *Đổi mới, hoàn thiện chương trình giáo dục nâng cao đạo đức cách mạng của cán bộ.*

Đạo đức cách mạng không phải là kết quả của một quá trình tự phát mà là kết quả của một quá trình giáo dục, rèn luyện hết sức lâu dài. Đảng phải chăm lo giáo dục đạo đức

cách mạng cho quần chúng nhân dân lao động, trước hết là đội ngũ cán bộ. Bên cạnh những mặt tích cực do cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mang lại thì nó có những tác động tiêu cực đến đạo đức xã hội nói chung, đạo đức của người cán bộ nói riêng. Vì vậy, việc giáo dục nâng cao đạo đức cách mạng là một nhiệm vụ hết sức cấp bách và khó khăn. Để đạt được hiệu quả cao, công tác giáo dục nâng cao đạo đức cách mạng phải được đổi mới cả nội dung lẫn hình thức.

Thứ tư: *Nâng cao tính tự giác rèn luyện đạo đức cách mạng của người cán bộ theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.*

Trong điều kiện hiện nay, việc nâng cao ý thức tự giáo dục, tu dưỡng và rèn luyện đạo đức, sửa mình theo nội dung và yêu cầu đạo đức cách mạng tốt nhất là học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Bởi theo Bác, mỗi con người nói chung, nhất là người cán bộ cách mạng nói riêng phải tự giác rèn luyện đạo đức, tu dưỡng đạo đức thì mới có được vì đạo đức cách mạng không phải là sẵn có, mà nó được củng cố và phát triển chủ yếu do sự đấu tranh, rèn luyện hằng ngày mà có được và đó là công việc phải làm suốt đời, không được lơ là, chủ quan, tự mãn “Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”⁽¹⁾.

Thứ năm: *Kết hợp công tác giáo dục đạo đức với công tác tổ chức, kiểm tra, giám sát của Đảng. Kết hợp nâng cao đạo đức với đấu tranh chống suy thoái về đạo đức, chống tham nhũng, tiêu cực trong đội ngũ cán bộ.*

Công tác tổ chức cán bộ là lựa chọn, sắp xếp những người thực sự có tài, có đức, có năng lực lãnh đạo, tổ chức quản lý, có lập

trường chính trị vững vàng, có đạo đức, lối sống lành mạnh, trong sáng, có uy tín với quần chúng để bố trí vào các chức vụ phù hợp trong hệ thống chính trị. Vì vậy, các cấp ủy đảng, các đơn vị phải nắm vững và thực hiện đúng các quan điểm, nguyên tắc của Đảng về công tác tổ chức cán bộ để xây dựng được đội ngũ cán bộ phát huy tác dụng và đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng đặt ra. Chọn đúng người, sắp xếp đúng việc sẽ giúp người cán bộ phát huy khả năng của mình trong công việc, giữ vững và hoàn thiện đạo đức, lối sống của người cán bộ cách mạng. Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng phải được chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra hàng năm của các cấp ủy Đảng trong việc chấp hành Cương lĩnh, Điều lệ, Nghị quyết của Đảng, chấp hành nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng, giữ gìn đạo đức, lối sống... Thông qua kiểm tra kịp thời phát hiện những nhân tố mới về tấm gương đạo đức của người cán bộ để nêu gương, đồng thời khắc phục những khuyết điểm, sai lầm, kiên quyết xử lý và đưa ra khỏi Đảng những người không xứng đáng trong hàng ngũ của Đảng. Kết hợp nâng cao đạo đức với đấu tranh chống suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, chống tham nhũng, tiêu cực trong cán bộ.

Thứ sáu: *Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong việc nâng cao đạo đức cách mạng của cán bộ.*

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân cũng giữ vai trò quan trọng trong việc nâng cao đạo đức cách mạng của cán bộ. Tùy theo chức năng, nhiệm vụ và phương thức hoạt động cụ thể, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng thực hiện sự giám sát, phản biện, đóng góp ý kiến với tổ chức, với lãnh đạo về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ. Người cán bộ trong các tổ chức Mặt trận Tổ

(1) Hồ Chí Minh toàn tập, tập 9, NXB CTQG, Hà Nội, 1995, 1996, tr. 293

quốc và đoàn thể phải gương mẫu chấp hành đúng chỉ thị, quy định của cấp trên, của tổ chức, thực hiện bàn bạc dân chủ, phát huy trí tuệ của quần chúng. Công khai các hoạt động của cơ quan, tổ chức theo phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng” để tìm ra biện pháp thiết thực góp phần xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, tổ chức, cơ quan trong sạch, vững mạnh.

Để làm người cán bộ tốt, trước hết người cán bộ phải vươn lên về mặt đạo đức. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay đạo đức cách mạng của đội ngũ cán bộ, đảng viên có vai trò hết sức quan trọng đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và tạo lập niềm tin của quần chúng nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và công cuộc đổi mới đất nước, góp phần xây dựng đất nước giàu mạnh./.

VẬN DỤNG NHỮNG NHẬN THỨC....

Tiếp theo trang 13)

3.3. Một số vấn đề cần quan tâm khi vận dụng Nghị quyết Đại hội XIII nhằm chủ động phòng ngừa và ứng phó các mối đe dọa an ninh quốc gia

(1) Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm của mọi lực lượng về những thách thức, mối đe dọa an ninh quốc gia để phòng ngừa và ứng phó kịp thời, hiệu quả.

(2) Tổ chức nghiên cứu có hệ thống, toàn diện những vấn đề lý luận, kinh nghiệm của các nước trong khu vực và trên thế giới trong phòng ngừa và ứng phó với các mối đe dọa an ninh gắn với xây dựng chương trình, kế hoạch và triển khai thực hiện, tổng kết thực tiễn từ Trung ương đến địa phương, cơ sở, nhất là đối với các lực lượng chuyên trách.

(3) Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp; phát huy sức mạnh của các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, đoàn thể trong phòng ngừa và ứng phó với các mối đe dọa an ninh quốc gia.

(4) Quan tâm xây dựng các lực lượng, nhất là lực lượng chuyên trách, tăng cường phối hợp, hợp tác quốc tế, khu vực trong phòng ngừa và ứng phó kịp thời, có hiệu quả với các mối đe dọa an ninh truyền thống và phi truyền thống./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*. Nxb. ST, H.1991.

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Nxb. CTQG Sự thật, H. 2011.

(3) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. Nxb. CTQG Sự thật, H. 2016.

(4) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. Nxb. CTQG Sự thật, H. 2021.

(5) Tô Lâm, Nguyễn Xuân Yêm và các tác giả (2017) *An ninh phi truyền thống trong thời kỳ hội nhập quốc tế*, Nxb. CAND, 2017.

MỘT VÀI SUY NGHĨ VỀ GIẢNG DẠY MÔN LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG CHƯƠNG TRÌNH TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

 **ThS. Nguyễn Thị Nhị**

Giảng viên Khoa Xây dựng Đảng

Môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (trước là môn “Những vấn đề cơ bản về Đảng Cộng sản và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam”) là một trong những môn học lý luận chính trị có ý nghĩa rất quan trọng trong việc giáo dục tư tưởng chính trị cho học viên, hình thành ở họ nhận thức, thái độ và hành động cách mạng, đáp ứng mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ vừa hồng vừa chuyên, phục vụ cho yêu cầu xây dựng và phát triển đất nước.

Với ý nghĩa đó, nhằm không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, ngày 21/01/2021, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 292/QĐ-HVC-TQG về ban hành Chương trình đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở (Hệ Trung cấp Lý luận chính trị). Chương trình Trung cấp Lý luận chính trị có tổng số 13 môn học. Trong đó, môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam do khoa Xây dựng Đảng đảm nhiệm giảng dạy. Theo chương trình mới, môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam có sự thay đổi tương đối lớn về kết cấu, nội dung và cách tiếp cận.

Về kết cấu, trong chương trình cũ, toàn bộ nội dung Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam gồm 06 bài (28 tiết). Chương trình mới được điều chỉnh còn 04 bài nhưng thời lượng được tăng lên là 48 tiết. Cụ thể:

Bài 1: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Bài 2: Những thành tựu chủ yếu của cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay.

Bài 3: Những bài học kinh nghiệm lãnh đạo của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Bài 4: Những bài học kinh nghiệm lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội, công cuộc đổi mới và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Như vậy, về nội dung, chương trình cũ mang tính thông sử, chia thành các giai đoạn lịch sử cụ thể. Tuy nhiên, trong chương trình mới, các nội dung mang tính thông sử kể từ khi Đảng ra đời năm 1930 đến nay được rút gọn trong 01 bài (bài 1 với 12 tiết), bổ sung thêm những thành tựu và bài học kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Những thành tựu và bài học kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo cách mạng Việt Nam sẽ được đánh giá trên cả hai khía cạnh: lý luận và thực tiễn.

Về cách tiếp cận, chương trình mới đưa ra hướng tiếp cận mới, giúp người học nắm bắt các kiến thức về lịch sử Đảng ở tầm khái quát cao, mạch lạc, vừa có chiều sâu; qua đó hình thành kỹ năng tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và liên hệ thực tiễn tốt hơn.

Có thể thấy, sự thay đổi tương đối lớn trong chương trình mới về kết cấu, nội dung và cách tiếp cận trên đây khá phù hợp với trình độ học viên hiện nay, vì hầu hết cán bộ được cử đi học trung cấp lý luận chính trị đều có trình độ đại học và đã ít nhiều nghiên cứu, học tập về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Sự thay đổi này cũng đặt ra rất nhiều yêu cầu mới, nhất là đối với các giảng viên

trực tiếp giảng dạy. Do đó, để giảng dạy tốt môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, theo tôi cần thực hiện tốt một số giải pháp cơ bản:

Về phía giảng viên: bản thân giảng viên phải tích cực, chủ động nghiên cứu, tìm tòi tài liệu, thường xuyên trao đổi, học hỏi kinh nghiệm từ đồng nghiệp, kể cả từ học viên. Qua đó, nắm vững, hiểu sâu những vấn đề lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Đồng thời, phải xác định đúng mục đích, yêu cầu của từng bài đặt ra. Chẳng hạn, ở bài 1 cung cấp kiến thức thông sử ở mức độ nhận biết, giúp học viên nắm được tiến trình lịch sử Đảng và các chủ trương, đường lối của Đảng. Bài 2, 3, 4 cung cấp những kiến thức ở mức độ cao hơn, giúp thông hiểu, phân tích, tổng hợp, đánh giá các vấn đề về lịch sử Đảng. Trên cơ sở xác định đúng mục đích, yêu cầu của từng bài, giảng viên sẽ lựa chọn được phương pháp tiếp cận và triển khai bài giảng sao cho đơn giản, dễ hiểu, giúp học viên không thấy nặng nề khi tiếp nhận bài giảng, lựa chọn kiến thức phù hợp, tránh trường hợp trùng lặp giữa các bài với nhau. Đặc biệt, trong bối cảnh hiện nay, mỗi giảng viên còn phải nắm bắt và kịp thời phản bác những luận điệu xuyên tạc, chống phá của các thế lực thù địch đối với lịch sử và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, góp phần bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng.

Về phương pháp, giảng viên cần có sự đổi mới theo hướng kết hợp hiệu quả giữa phương pháp truyền thống với các phương pháp giảng dạy tích cực như hỏi đáp, sàng lọc, thảo luận nhóm... nhằm tạo hứng thú và phát huy vai trò trung tâm của học viên. Đặc biệt chú trọng nêu vấn đề, đưa ra chủ đề để học viên nghiên cứu, thảo luận, làm sâu sắc thêm, hiểu rõ hơn vai trò lãnh đạo của Đảng trong mỗi thời kỳ cách mạng, từ đó củng cố thêm niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng trong thời kỳ đổi mới xây dựng đất nước.

Về phía Khoa Xây dựng Đảng: Cần chủ động và thường xuyên hơn nữa trong việc tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn, các cuộc hội thảo, tọa đàm cấp khoa; tham mưu tổ chức hội thảo, tọa đàm khoa học cấp trường. Qua đó, các giảng viên sẽ trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, góp ý cho bài giảng của nhau, giúp nhau cùng tiến bộ, giúp nhau để có những bài giảng chất lượng.

Về phía Đảng ủy, Ban Giám hiệu: Cần quan tâm, dành thời gian thỏa đáng tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; tạo điều kiện cho giảng viên đi nghiên cứu thực tế các di tích lịch sử cách mạng; nghiên cứu học tập kinh nghiệm tại các trường bạn; mời các chuyên gia, nhà nghiên cứu chuyên sâu về trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, cách tiếp cận mới...

Tiếp tục quan tâm chỉ đạo, tổ chức có chất lượng hoạt động dự giờ, duyệt giảng, đánh giá chất lượng bài giảng. Việc đánh giá chất lượng bài giảng trên cơ sở căn cứ vào phần trình bày của giảng viên, vào sự cố gắng, nỗ lực của giảng viên và vào đặc thù môn học. Có hình thức động viên, khen thưởng, khích lệ kịp thời những giảng viên có nhiều thành tích, sáng tạo trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học...

Giảng dạy môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam trong Chương trình Trung cấp Lý luận chính trị đặt ra rất nhiều yêu cầu mới. Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, đòi hỏi mỗi giảng viên cần phải có sự nỗ lực, cố gắng cao, tâm huyết, trách nhiệm, có đam mê trong việc nghiên cứu, giảng dạy Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Với tinh thần như vậy, tin tưởng rằng, trong thời gian tới, các giảng viên sẽ giảng dạy tốt, có những bài giảng chất lượng, khẳng định được “tâm” của giảng viên giảng dạy lý luận chính trị./.

VẬN DỤNG BÀI HỌC XÂY DỰNG “THẾ TRẬN LÒNG DÂN” TRONG CÔNG TÁC DÂN VẬN CỦA TỈNH QUẢNG NINH GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

 **ThS. Nguyễn Thị Hương Giang**

Phó Trưởng Khoa Xây dựng Đảng

1. Xây dựng “Thế trận lòng dân” - bài học lịch sử sâu sắc

Lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta đã chứng minh: khi “lòng dân thuận” thì nước mạnh, “lòng dân ly tán” thì nước yếu, nên bài học hàng đầu mà ông cha ta đúc kết là *“việc nhân nghĩa cốt ở yên dân”* và *“khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ, bền gốc là thượng sách giữ nước”*. Kế thừa và phát huy tư tưởng đó, trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn đặc biệt coi trọng yếu tố “lòng dân”, lấy việc xây dựng và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc làm động lực chủ yếu để tạo nên sức mạnh tổng hợp cho công cuộc giải phóng, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. *“Xây dựng thế trận lòng dân”* là một trong những bài học quý báu mà Đảng ta đúc kết được qua các cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc, là nguyên nhân quan trọng tạo nên những thành quả vĩ đại trong kháng chiến chống thực dân Pháp *“lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”* của Điện Biên Phủ lịch sử và Đại thắng 30.4.1975, chấm dứt thời kỳ chiến tranh ở Việt Nam, mở ra kỷ nguyên mới cho dân tộc: kỷ nguyên độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Xây dựng “thế trận lòng dân” trong thời kỳ mới thực chất là xây dựng, quy tụ lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết, cố kết cộng đồng, ý

chí của toàn dân để phát huy cao độ sức mạnh tổng hợp trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước nhằm *“kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa”*⁽¹⁾. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: *“Ở trong xã hội, muốn thành công phải có ba điều kiện là: thiên thời, địa lợi và nhân hòa. Ba điều kiện ấy đều quan trọng cả. Nhưng thiên thời không quan trọng bằng địa lợi, mà địa lợi không quan trọng bằng nhân hòa. Nhân hòa là thế nào? Nhân hòa là tất cả mọi người đều nhất trí”*⁽²⁾. Mặc dù Chủ tịch Hồ Chí Minh chưa sử dụng thuật ngữ “thế trận lòng dân”, nhưng quan điểm của Người đã nhấn mạnh vai trò quyết định của “lòng dân” đối với sự nghiệp cách mạng nước ta.

Lần đầu tiên, Đảng ta sử dụng thuật ngữ “thế trận lòng dân” trong văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X. Đại hội XII của Đảng nêu rõ: *“Xây dựng thế trận lòng dân làm nền tảng phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, trong đó Quân đội nhân dân và*

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H, 2021.

(2) Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H, 2011, t.5, tr.594.

Công an nhân dân là nòng cốt⁽³⁾. Có thể thấy tư duy của Đảng ta từ Đại hội X đến Đại hội XIII về xây dựng “thể trận lòng dân” trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ Tổ quốc được thể hiện rất rõ nét.

Từ thực tiễn sinh động của công cuộc đổi mới đất nước hơn 35 năm qua và những thành tựu đạt được trên tất cả lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại. Có thể khẳng định rằng, Đảng và Nhà nước ta đã phát huy được sức mạnh của các tầng lớp nhân dân, của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng được “thể trận lòng dân” rất vững chắc.

2. Tỉnh Quảng Ninh vận dụng sáng tạo bài học xây dựng “thể trận lòng dân” trong công tác dân vận

Trong thời gian qua, công tác dân vận của hệ thống chính trị tỉnh Quảng Ninh đã có những chuyển biến mạnh mẽ góp phần phát huy dân chủ, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo sự đồng thuận trong xã hội để thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội. Sự đồng lòng, đồng thuận ấy đã góp phần nhanh chóng di dời gần 600 nhà bè với 2.200 nhân khẩu tại các làng chài trên Vịnh Hạ Long lên bờ sinh sống. Nhân dân tích cực và tham gia ủng hộ việc huy động nguồn lực đưa điện lưới ra huyện đảo Cô Tô với số tiền gần 200 tỷ đồng và việc vận động thanh niên, nhân dân ra đảo Trần sinh sống (*đến nay đã có 17 hộ dân, với hạ tầng cơ sở và các điều kiện thiết yếu đáp ứng đảm bảo cho người dân sinh sống*

trên đảo Trần). Ngày 02/9/2020, tỉnh Quảng Ninh đã tổ chức khánh thành Công trình cấp điện lưới quốc gia cho đảo Trần và chính thức cấp điện cho các đơn vị, hộ dân đang sinh sống trên đảo. Niềm vui của các hộ dân sống trên đảo Trần như được nhân lên gấp bội, qua đó họ càng quyết tâm hơn trong việc sinh sống và yên tâm bám biển. Nhân dân đồng thuận trong công tác giải phóng mặt bằng đối với trên 500 dự án, trong đó có nhiều dự án động lực có diện tích thu hồi đất lớn, ảnh hưởng đến hàng nghìn hộ dân và phải triển khai trong thời gian ngắn, tiêu biểu như thực hiện “*Chiến dịch Quang Trung*” để giải phóng mặt bằng triển khai các dự án hạ tầng khu kinh tế Vân Đồn; triển khai giải phóng mặt bằng đường cao tốc Hải Phòng - Hạ Long, Hạ Long - Vân Đồn, Vân Đồn - Móng Cái,... cùng với nhiều đợt vận động nhân dân tích cực và đồng thuận hưởng ứng, tham gia hiến đất, hiến công và nhiều tài sản khác phục vụ triển khai các dự án có tính chất động lực cho phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh cũng như xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn như làm đường liên thôn, liên xã, xây dựng các thiết chế văn hóa ở cơ sở.

Điểm nhấn năm 2020 là Dự án cao tốc Vân Đồn - Móng Cái phải thực hiện giải phóng mặt bằng với khối lượng gần 187ha, ảnh hưởng đến trên 1.168 hộ dân tại các địa phương: Vân Đồn, Tiên Yên, Đầm Hà, Hải Hà, Móng Cái. Với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, tính từ thời điểm phát động Chiến dịch “30 ngày đêm” ngày 15/7/2020, chỉ sau 15 ngày triển khai, tổng số hộ dân tự nguyện ký biên bản bàn giao mặt bằng là 1.186/1.186, đạt 100 %; dự án hoàn thành công tác ký biên bản tự nguyện bàn giao mặt bằng trong không khí phấn khởi, dân chủ, tin tưởng của các hộ dân có đường cao tốc đi qua.

(3) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H, 2016.

Trong bối cảnh cả thế giới đang căng mình đối phó với đại dịch COVID-19, kinh tế đất nước gặp vô vàn khó khăn, thách thức nhưng tỉnh Quảng Ninh đã hoàn thành “mục tiêu kép” chống dịch hiệu quả và giữ được tốc độ tăng trưởng kinh tế - xã hội hai con số. Cụ thể, tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh năm 2020 tăng 10,05%, thu ngân sách nhà nước đạt 49.300 tỷ đồng, tăng 9,4% so dự toán Trung ương giao, là một trong số ít các địa phương có mức tăng trưởng cao nhất cả nước.⁽⁴⁾

Quốc phòng - an ninh được bảo đảm, hoạt động đối ngoại được mở rộng, giữ vững biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, tuyệt đối không để xảy ra đột xuất, bất ngờ. Từ năm 2018 đến nay, 4 năm liên tiếp, tỉnh Quảng Ninh giành vị trí thứ nhất toàn quốc trong bảng xếp hạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX); năm 2019 lần đầu tiên Quảng Ninh vươn lên đứng đầu chỉ số SIPAS (chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước. Đặc biệt hơn nữa, chỉ số PAPI (Chỉ số hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh) tỉnh Quảng Ninh năm 2020 có sự bứt phá về điểm số cũng như thứ hạng, vươn lên đứng vị trí thứ nhất.

Một trong các yếu tố quan trọng góp phần tạo nên những kết quả trên là có sự vào cuộc tích cực và sự đồng thuận của người dân trong triển khai thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trên địa bàn. Tích cực tuyên truyền, vận động, quan tâm chăm lo đến đời sống Nhân dân, tạo điều kiện để phát huy sức sáng tạo trong Nhân dân, thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm,

dân kiểm tra, dân thụ hưởng”. Đó chính là các nhiệm vụ và giải pháp thường xuyên của các cấp, các ngành trong thực hiện công tác dân vận.

3. Một số giải pháp tiếp tục phát huy bài học xây dựng thể trận lòng dân trong công tác dân vận, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV giai đoạn 2020 - 2025

Năm 2021 là năm có ý nghĩa bản lề để triển khai sâu rộng trong toàn Đảng bộ, quân và dân toàn tỉnh Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, đưa Nghị quyết vào cuộc sống; đồng thời tiến hành thực hiện các giải pháp góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII. Để đạt được thành tích như nhiệm kỳ 2015-2020 và cao hơn nữa để tiếp tục phát huy giá trị bài học xây dựng thể trận lòng dân, công tác dân vận của tỉnh trong thời gian tới cần tiến hành đồng bộ một số giải pháp sau:

Một là, không ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác vận động quần chúng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân

Mỗi Đảng bộ, chi bộ, đảng viên phải trực tiếp làm công tác vận động quần chúng, thực hiện chế độ phân công đảng viên làm công tác vận động quần chúng. Mỗi đảng viên được phân công phụ trách một địa bàn dân cư, một số đối tượng cụ thể, tham gia sinh hoạt trong các tổ chức đoàn thể, để nắm vững tình hình của quần chúng về mọi mặt đời sống kinh tế, công ăn việc làm, tâm tư nguyện vọng, trình độ hiểu biết, thái độ chính trị, những bức xúc của người dân, của tổ chức đoàn thể.

Các cấp ủy Đảng phải xem công tác dân vận là một nội dung lớn của công tác xây dựng Đảng. Điều đó nghĩa là cấp ủy Đảng,

(4) Tổng cục thống kê, ngày 30/11/2020

đảng viên phải đặt công tác vận động quần chúng của Đảng thành một nội dung quan trọng như công tác chính trị, tư tưởng, tổ chức và kiểm tra. Trách nhiệm của Đảng và mỗi cấp ủy Đảng là phải lãnh đạo cả hệ thống chính trị làm công tác dân vận.

Hai là, nhiệm vụ dân vận của chính quyền các cấp cần tập trung chỉ đạo và tổ chức tốt việc học tập và làm theo tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về công tác dân vận của chính quyền, gắn với việc thực hiện Chỉ thị 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 16/5/2016 “về tăng cường và đổi mới công tác dân vận trong cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp trong tình hình mới”, nhằm tạo ra sự chuyển biến thực sự từ nhận thức đến hành động của cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhân viên về công tác dân vận

Thường xuyên giáo dục về chính trị, tư tưởng, đi đôi với kiểm tra, giám sát chặt chẽ để nâng cao ý thức trách nhiệm phục vụ nhân dân cho đội ngũ cán bộ công chức, viên chức; xây dựng phong cách làm việc dân chủ, kỷ cương, trách nhiệm, lấy chất lượng hiệu quả công việc được giao, độ tin cậy của nhân dân làm thước đo đánh giá năng lực công tác, phẩm chất đạo đức đối với cán bộ công chức, viên chức. Xử lý nghiêm đối với cán bộ công chức, viên chức có hành vi vi phạm quyền làm chủ của nhân dân. Đây là yếu tố cơ bản để ngăn ngừa và xóa bỏ nạn tham nhũng, bệnh quan liêu, vô trách nhiệm, thờ ơ của một bộ phận cán bộ lãnh đạo, quản lý và công chức, viên chức.

Các cấp chính quyền tiếp tục chỉ đạo thực hiện có hiệu quả quy chế dân chủ, tạo chuyển biến mới về thực hiện quy trình “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng” được đi vào thực chất cuộc sống.

Ba là, xây dựng hệ thống tổ chức dân vận của cấp ủy Đảng, đảm bảo chất lượng, đủ

sức thực hiện tốt chức năng tham mưu cho Đảng, thực hiện hiệu quả nhiệm vụ chính trị

Ban dân vận các cấp, khối dân vận chính quyền thực hiện thật tốt chức năng tham mưu cho cấp ủy về công tác dân vận, phải biết chọn đúng việc trọng tâm, trọng điểm để chủ động, tham mưu với cấp ủy đề ra nghị quyết, chương trình kịp thời, đồng thời phải biết phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc, ban ngành, đoàn thể, chính quyền để huy động sức mạnh tổng hợp thực hiện thắng lợi nghị quyết của cấp ủy. Để đạt được yêu cầu trên, các cấp ủy phải quan tâm tuyển chọn cán bộ đảm trách công tác dân vận phải có phẩm chất, năng lực, đạo đức tốt, tâm huyết với nhiệm vụ được giao.

Bốn là, tiếp tục phát huy tốt quyền làm chủ của Nhân dân; mở rộng các hình thức dân chủ đại diện, dân chủ trực tiếp ở cơ sở; xây dựng vững chắc thể trận quốc phòng toàn dân, củng cố “thể trận lòng dân”, góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Trên đây là một số giải pháp nhằm tiếp tục phát huy có hiệu quả bài học xây dựng thể trận lòng dân trong công tác dân vận của tỉnh Quảng Ninh. Với những kết quả đã được trong nhiệm kỳ Đại hội vừa qua, chúng ta tin tưởng sâu sắc rằng các mục tiêu đề ra trong nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV nhất định sẽ được hoàn thành. Để đạt được những mục tiêu đó, công tác dân vận đóng vai trò hết sức quan trọng. Đặc biệt trong bối cảnh đại dịch COVID-19 còn diễn biến hết sức phức tạp, làm ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống nhân dân. Việc xây dựng thể trận lòng dân luôn là một bài học lịch sử sâu sắc, đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: “*Để mười lần không dân cũng chịu. Khó trăm lần dân liệu cũng xong*”⁽⁵⁾.

(5) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, tr. 15, tr. 617

QUÁN TRIỆT QUAN ĐIỂM ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG VÀO ĐẤU TRANH, BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN TRONG THỜI KỲ MỚI

 **TS. Phạm Thị Lệ Ngọc**

Giảng viên Khoa Lý luận cơ sở

Hiện nay, các thế lực thù địch đang ra sức phá hoại, xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lê - nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, công kích nền tảng tư tưởng của Đảng ta hòng làm giảm niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước. Trước tình hình đó, việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch là nhiệm vụ quan trọng, có ý nghĩa sống còn trong bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa.

Ngày 22/10/2018, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII đã ban hành Nghị quyết số 35-NQ/TW về “Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”, trong đó khẳng định “Bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác có hiệu quả các quan điểm sai trái, thù địch là một nội dung cơ bản, hệ trọng, sống còn của công tác xây dựng Đảng, chỉnh đốn Đảng; là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân”. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng cũng xác định một trong những phương hướng trọng tâm trong nhiệm kỳ tới là “Coi trọng hơn nữa công tác đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo

đức, lối sống, những biểu hiện tự diễn biến, tự chuyển hóa trong nội bộ”⁽¹⁾.

Tuyên truyền quan điểm sai trái là một trong nhiều âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch đối với Việt Nam, mà bản chất là nhằm xoá bỏ nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng với Nhà nước, xã hội; đòi xoá bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa. Để thực hiện toan tính, các thế lực thù địch ráo riết đẩy mạnh đầu tư, hiện đại hoá trang thiết bị, các phương tiện thông tin, truyền thông, triệt để sử dụng internet và địa chỉ truyền thông nước ngoài để phát tán tài liệu, tuyên truyền quan điểm xuyên tạc, vu cáo, gieo rắc thông tin xấu, độc hại hòng làm nhiều loạn đời sống văn hoá, tinh thần của xã hội, làm nhân dân mất niềm tin vào Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa.

Để phủ nhận nền tảng tư tưởng của Đảng, các thế lực thù địch ra sức xuyên tạc các vấn đề cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin (như học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, thời đại ngày nay và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, bản chất của chủ nghĩa tư bản hiện đại, giai cấp và đấu tranh giai cấp, học thuyết giá trị thặng dư)... kết hợp tuyên truyền quan điểm xuyên tạc, bóp méo sự thật nhằm phủ nhận tư

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 2, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội 2021, tr. 229.

tưởng Hồ Chí Minh, đối lập tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Mác - Lênin; phát tán tài liệu, ấn phẩm xuyên tạc cuộc đời hoạt động và tấm gương đạo đức của Người. Gần đây, trước, trong và sau Đại hội XIII của Đảng, nhiều mạng xã hội đăng tải khá nhiều bài, tin, tranh ảnh chống phá quan điểm, chủ trương, đường lối, tung tin bịa đặt, vu khống, vu cáo lãnh đạo Đảng, Nhà nước... đòi xoá bỏ Điều 4 Hiến pháp 2013 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đòi “đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập”... đồng thời tuyên truyền kích động, phủ nhận chủ trương phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phủ nhận vai trò kinh tế nhà nước, đòi tư nhân hoá đất đai; xuyên tạc tình hình dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền; kích động chia rẽ nội bộ Đảng và Nhà nước, gieo rắc hoài nghi, bi quan, bất bình trong nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và Quốc hội.

Nhận thức rõ âm mưu, thủ đoạn thâm độc, nham hiểm của các thế lực thù địch, những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức tốt việc phòng, chống các quan điểm sai trái và đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, giữ vững định hướng tư tưởng, nâng cao cảnh giác cách mạng, củng cố lòng tin trong cán bộ, đảng viên và quần chúng vào công cuộc đổi mới, thực hiện tốt hai nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, cuộc đấu tranh chống các quan điểm xuyên tạc, sai trái, thù địch còn có hạn chế nhất định. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng chỉ rõ: “Đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch có lúc, có nơi còn bị động, thiếu sắc bén, tính chiến đấu

chưa cao”⁽¹⁾. Biểu hiện cụ thể của hiện tượng này là một số hạn chế, bất cập trong nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân về âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch. Hơn thế, tác động từ mặt trái của cơ chế thị trường, quá trình mở cửa, hội nhập quốc tế,... đã làm cho một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và quần chúng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Cộng hưởng các nguyên nhân này đã làm cho một bộ phận cán bộ, đảng viên bị “lây nhiễm”, mắc bệnh “tự diễn biến” và tự đẩy mình vào quá trình “tự chuyển hoá”, như Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã nhận định: “Một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa tiên phong, gương mẫu; tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện ‘tự diễn biến’, ‘tự chuyển hoá’ trong nội bộ vẫn còn diễn biến phức tạp. Tự phê bình và phê bình nhiều nơi còn hình thức. Thực hiện trách nhiệm nêu gương, nhất là của người đứng đầu chưa thực sự tạo được sự lan tỏa sâu rộng”⁽²⁾.

Trong thời gian tới, tình hình quốc tế, khu vực và trong nước còn diễn biến phức tạp. Đối với sự nghiệp cách mạng nước ta, bên cạnh những thuận lợi cơ bản, đã và sẽ còn có diễn biến khó lường với khó khăn, thách thức mới. Đặc biệt, thời gian tới chúng ta tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương khoá XIII; Trong bối cảnh ấy, các thế lực thù địch sẽ triệt để lợi dụng mọi phương tiện để chống phá, nhất là sử dụng không gian mạng, sử dụng các phương tiện truyền thông

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập II, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội 2021, tr. 222.

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập II, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội 2021, tr. 223.

quốc tế để đẩy mạnh “diễn biến hoà bình”, thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”. Tình hình đó đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta phải đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống các quan điểm xuyên tạc, sai trái, thù địch, góp phần làm thất bại âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hoà bình”. Để hoàn thành nhiệm vụ quan trọng đó, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân cần quán triệt sâu sắc, thực hiện nghiêm túc các chủ trương, đường lối, các giải pháp mà Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã xác định, trong đó tập trung vào một số vấn đề cơ bản, chủ yếu sau:

1. Tiếp tục kiên định Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh

Để đấu tranh chống các quan điểm xuyên tạc, sai trái, thù địch một cách có hiệu quả, trước hết cần phải kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Đây là đòi hỏi khách quan, yêu cầu có tính nguyên tắc và có ý nghĩa sống còn đối với sự nghiệp đổi mới, đối với việc hoàn thành hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã xác định cụ thể: “Tiếp tục kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội và đường lối đổi mới của Đảng”⁽¹⁾. Đồng thời, Văn kiện cũng xác định tiếp tục đổi mới tư duy lý luận, thực tiễn, hoàn thiện hệ thống các quan điểm về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, cung cấp luận cứ khoa học, lý luận cho việc hoạch định, phát triển đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 2, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội 2021, tr. 228 - 229.

2. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng, lý luận

Trước hết, cần khẳng định rằng, khi mỗi cán bộ, đảng viên, mỗi công dân trong xã hội có sự giác ngộ sâu sắc về chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, về mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, về các đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thì không chỉ mỗi người mà toàn xã hội sẽ có bản lĩnh chính trị vững vàng, tự ý thức trong việc nâng cao khả năng “tự bảo vệ”, ngăn chặn sự xâm nhập, lây lan của tư tưởng ngoại lai đi ngược lý tưởng xã hội, vô hiệu hoá các luận điệu xuyên tạc, sai trái, thù địch. Về điều này, Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã xác định: “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức công tác tư tưởng, đảm bảo tính đảng, tính khoa học, tính chiến đấu, tính thực tiễn, kịp thời và hiệu quả; nâng cao chất lượng tuyên truyền, giáo dục, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh”⁽²⁾. Đồng thời, Văn kiện Đại hội XIII của Đảng cũng xác định, đổi mới mạnh mẽ công tác giáo dục lý luận chính trị, học tập nghị quyết của Đảng. Thực hiện nền nếp việc bồi dưỡng lý luận, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, đặc biệt là cấp Trung ương; tiếp tục đổi mới hệ thống chương trình đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị theo hướng nâng cao chất lượng, chú trọng tính hiệu quả và phù hợp với từng đối tượng.

3. Chủ động đấu tranh, phản bác, ngăn chặn có hiệu quả các quan điểm sai trái, thù địch

Một trong những biện pháp quan trọng trong đấu tranh chống các quan điểm xuyên

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập II, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội 2021, tr.233.

tạc, sai trái, thù địch là chủ động nghiên cứu dự báo, sớm phát hiện âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch; kịp thời ngăn chặn việc tuyên truyền, phát tán các thông tin xấu độc, tài liệu xuyên tạc, sai trái, thù địch của chúng. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã xác định: “tích cực đấu tranh, phản bác có hiệu quả quan điểm sai trái của các thế lực thù địch”⁽¹⁾.

Cùng với việc sớm phát hiện để kịp thời ngăn chặn, cần tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của cấp uỷ các cấp và người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, đặc biệt là các Ban Chỉ đạo về đấu tranh chống “diễn biến hoà bình”. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ chuyên trách ở các cơ quan báo chí, truyền thông, các học viện, trường đại học, viện nghiên cứu, các lực lượng nòng cốt ở các ban, bộ, ngành và địa phương trong đấu tranh chống các quan điểm xuyên tạc, sai trái, thù địch, bảo đảm các hoạt động đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận theo đúng định hướng của Đảng, chặt chẽ về nguyên tắc, vững vàng về quan điểm chính trị, sâu sắc về lý luận khoa học, sắc bén trong phương pháp và đạt hiệu quả cao. Đồng thời, huy động lực lượng rộng rãi trong nhân dân, các dân tộc, tôn giáo và kiều bào ở nước ngoài, các tổ chức tiến bộ, tiến công chống các quan điểm xuyên tạc, sai trái, thù địch, nhằm bảo vệ lẽ phải, chân lý, thực hiện sự tiến bộ xã hội.

4. Đẩy mạnh đấu tranh chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ

Sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ là “mảnh

đất màu mỡ” để các thế lực thù địch đẩy mạnh “diễn biến hoà bình” chống phá nước ta trên các lĩnh vực, nhất là lĩnh vực tư tưởng, lý luận. Các quan điểm sai trái, thù địch sẽ gây tác hại trong môi trường xã hội có sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và có những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”. Do vậy, đấu tranh chống “diễn biến hoà bình” nói chung và chống các quan điểm sai trái, thù địch nói riêng phải gắn với việc đẩy mạnh đấu tranh chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ.

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng xác định: “Ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ”⁽²⁾, đồng thời nhấn mạnh phải kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, đấu tranh ngăn chặn chủ nghĩa cá nhân, lối sống cơ hội, thực dụng, cục bộ, bè phái, “lợi ích nhóm”, nói không đi đôi với làm.

Như vậy, đấu tranh chống các quan điểm xuyên tạc, sai trái, thù địch luôn được Đảng, Nhà nước, nhân dân và xã hội ta đặc biệt quan tâm. Đại hội XIII của Đảng xác định đó là một trong những phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư tưởng, lý luận trong nhiệm kỳ tới. Chúng ta tin tưởng rằng, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự điều hành, quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta sẽ thực hiện thắng lợi chủ trương chủ động ngăn chặn, phản bác các thông tin, quan điểm xuyên tạc, sai trái, thù địch, góp phần làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động “diễn biến hoà bình” chống phá Việt Nam của các thế lực thù địch.

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập II, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội 2021, tr.231.

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 2, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội 2021, tr.233.

MỘT SỐ NHẬN THỨC VỀ QUYỀN CON NGƯỜI THEO TINH THẦN VĂN KIỆN ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIII CỦA ĐẢNG



ThS. Nguyễn Thị Ngọc Lan

Giảng viên Khoa Nhà nước và Pháp luật

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng ta diễn ra từ ngày 25/1-1/2/2021 tại Thủ đô Hà Nội là sự kiện chính trị trọng đại của đất nước ta, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong quá trình tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới đất nước.

Những nội dung thể hiện trong Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII Đảng Cộng sản Việt Nam sẽ là kim chỉ nam đối với phương hướng phát triển của Việt Nam trong những năm tiếp theo. Một trong những điểm nhấn trọng tâm của văn kiện Đại hội lần này đó là Đảng ta tập trung chú trọng phát triển nhân tố con người, đề cao quyền con người và quyền công dân. Trong nội dung bài viết này, tác giả sẽ nhấn mạnh những vấn đề về quyền con người theo tinh thần Văn kiện Đại hội XIII nhằm hiểu rõ hơn nội dung trong định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030: *“Tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước”*.

1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng về quyền con người

Theo C.Mác quyền con người, trước hết là một phạm trù lịch sử, nó không phải là khái niệm thuần túy được sản sinh ra từ ý thức con người hay mang tính bẩm sinh thuần túy, mà

luôn luôn gắn với cuộc đấu tranh chống áp bức, bóc lột, gắn với một giai đoạn phát triển nhất định của lực lượng sản xuất⁽¹⁾. Quyền con người là những đặc tính xuất phát từ phẩm giá và nhu cầu vốn có của con người, được pháp luật ghi nhận và bảo đảm⁽²⁾.

Lênin đã kế thừa và phát triển chủ nghĩa Mác trong điều kiện lịch sử mới với đóng góp nổi bật đối với lý luận mácxít về quyền con người là những tư tưởng về dân chủ và quyền dân tộc tự quyết.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, quyền con người trở thành quyền dân tộc cơ bản được thể hiện cô đọng trong bản Tuyên ngôn độc lập năm 1945. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã mở đầu bản Tuyên ngôn bằng những luận đề hiển nhiên được cộng đồng quốc tế thừa nhận rộng rãi: *“Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”*. Đối với Hồ Chí Minh, quyền con người trước hết là giá trị nhân văn cao quý, vốn có của con người nhưng phải là con người đã được giải phóng khỏi chủ nghĩa thực dân, trong một xã hội được tự do, độc lập.

(1) Chủ nghĩa xã hội và Quyền con người, Đặng Dũng Chí - Hoàng Văn Nghĩa, Nxb. Chính trị Quốc gia sự thật, 2014, tr. 71.

(2) C.Mác và Ph.Ăngghen, Toàn tập, T.19, tr.36.

Trên cơ sở thực tiễn đổi mới, phù hợp với Hiến pháp năm 1992 và 2013, Đảng bước đầu xác định một số quan điểm cơ bản về vấn đề quyền con người. Các quan điểm đó được thể hiện tập trung trong Chỉ thị số 12/CT-TW ngày 12/7/1992 của Ban Bí thư Trung ương *Về vấn đề quyền con người và quan điểm, chủ trương của Đảng ta*, được khẳng định lại trong Chỉ thị số 41/TTg ngày 02/12/2004 của Thủ tướng Chính phủ về Tăng cường công tác bảo vệ, đấu tranh về nhân quyền trong tình hình mới và Chỉ thị số 44/CT-TW ngày 20/7/2010 của Ban Bí thư về Công tác nhân quyền trong tình hình mới.

Với chủ trương: “*Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hoá tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu những tinh hoa văn hoá nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, văn minh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người*”⁽¹⁾, những năm qua, Đảng luôn khẳng định việc bảo đảm quyền con người là một mục tiêu, động lực của cách mạng, là trách nhiệm lớn của Đảng và Nhà nước.

Nhờ thực hiện những chủ trương đó, công tác bảo đảm quyền con người trong thực tế hơn 30 năm đổi mới đã thu được nhiều thành tựu nổi bật, như: hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học và tất cả các tỉnh, thành phố đã đạt chuẩn giáo dục trung học cơ sở từ năm 2011. Chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam năm 2019 đạt 0,63 xếp thứ 118/189 nước. Tuổi thọ trung bình của người Việt Nam tăng 4,8 năm, số năm đi học trung bình tăng 4,3 năm, thu nhập bình quân đầu người tăng khoảng trên 354%. Điều này giúp Việt Nam nằm trong nhóm các nước có tốc độ tăng

trưởng chỉ số HDI cao nhất trên thế giới. Một trong những thành tựu về nhân quyền đáng kể là Việt Nam đã quan tâm thúc đẩy, bảo vệ, bảo đảm các quyền cơ bản cho nhóm người dễ bị tổn thương trong xã hội. Đến nay, Đảng, Nhà nước Việt Nam đã ban hành 118 chính sách liên quan đến việc xóa đói, giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống và bảo đảm an sinh cho đồng bào các dân tộc thiểu số.

Tiếp đó, Đại hội XII của Đảng (năm 2016) đã đưa nội dung quyền con người vào tất cả các văn kiện Đại hội, nhấn mạnh nhiệm vụ trọng tâm là tiếp tục “thực hiện quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, theo tinh thần của Hiến pháp năm 2013...”⁽²⁾; đồng thời, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế trên lĩnh vực quyền con người.

2. Quyền con người theo tinh thần Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng

- Thứ nhất, gắn quyền con người với quyền phát triển phồn vinh, hạnh phúc của dân tộc, lấy con người làm trung tâm và phát triển con người toàn diện.

Văn kiện khẳng định: “Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ cuộc sống, nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu”.

Mỗi chủ trương, chính sách, pháp luật chỉ có thể được lựa chọn, xác định chính xác và triển khai, thực hiện một cách hiệu lực, hiệu quả trên thực tế khi: (1) Xuất phát và nhằm

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng toàn tập, T.51, tr.135.

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội ĐBTQ lần thứ XII, 2016, tr.169.

đến đúng thành phần kinh tế hay giai tầng xã hội cần được thụ hưởng quyền lợi; (2) Phân rõ chủ thể được bảo đảm quyền lợi và chủ thể có nghĩa vụ bảo đảm thực hiện quyền lợi; (3) Lôi cuốn và huy động được sự tham gia chủ động, tích cực, đồng đảo của người dân vào việc thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật; (4) Bảo đảm sự công khai, minh bạch trong triển khai, thực hiện.

Chú trọng tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ những quyền mới phát sinh trong bảo đảm quyền lực của nhân dân, như: quyền an ninh, an toàn thông tin mạng, quyền mua bán, kinh doanh trên nền tảng Internet, quyền giáo dục, sinh hoạt tôn giáo, văn hóa trực tuyến, quyền bí mật đời tư, quyền về thân thể, danh dự, nhân phẩm của trẻ em, quyền của những người lao động di cư... Đồng thời cũng nắm bắt, điều tiết những thách thức đang đặt ra ngày càng lớn hơn đối với việc ghi nhận, bảo đảm, bảo vệ các quyền mới nêu trên.

- Thứ hai, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân theo Hiến pháp năm 2013, gắn quyền với nghĩa vụ, trách nhiệm công dân

Đại hội XIII nhấn mạnh: “Tiếp tục cụ thể hóa, hoàn thiện thể chế thực hành dân chủ..., bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân”. Bởi vậy, trong phương hướng tiếp tục xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN, không chỉ chú trọng xây dựng, hoàn thiện thể chế pháp quyền của Nhà nước, mà đồng thời phải chú ý đúng mức đến việc xây dựng, hoàn thiện thể chế pháp quyền của con người, của công dân với tính cách là các quan hệ nền tảng và có tính bình đẳng với thể chế pháp quyền của Nhà nước.

Đồng thời, trong việc tiếp tục cụ thể hóa, hoàn thiện thực hành dân chủ trên thực tế, phải coi trọng việc bảo đảm, bảo vệ và thúc đẩy thể chế pháp quyền có tính bình đẳng của con người, của công dân và của Nhà nước trong thể chế Nhà nước pháp quyền XHCN nói chung ở Việt Nam.

- Thứ ba, coi trọng công tác bảo hộ công dân Việt Nam ở nước ngoài

Đại hội XIII của Đảng chủ trương: “Hỗ trợ để người Việt Nam ở nước ngoài có địa vị pháp lý vững chắc, phát triển kinh tế và đời sống, hòa nhập xã hội nước sở tại. Nâng cao hiệu quả công tác bảo hộ công dân, quản lý lao động, du học sinh...” trong quá trình tiếp tục đẩy mạnh hợp tác quốc tế gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả hội nhập quốc tế. Hiện nay, cần tăng cường thực hiện Luật Người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, Bộ luật Lao động năm 2019, tạo khung pháp lý tương đối hoàn chỉnh thúc đẩy việc bảo vệ quyền của người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo tiêu chuẩn quốc tế.

Việc tăng cường công tác bảo hộ công dân và công tác người Việt Nam ở nước ngoài là nhằm bảo hộ quyền, lợi ích hợp pháp của họ, thể hiện trách nhiệm của Nhà nước đối với công dân, góp phần nâng cao vị thế chính trị, uy tín của Nhà nước ta đối với thế giới cũng như trong con mắt Việt Nam ở nước ngoài; từ đó, khuyến khích, động viên ngày càng nhiều sự đóng góp của đồng bào ở xa Tổ quốc vào sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Đặc biệt trong tình hình dịch bệnh Covid - 19 trên thế giới có nhiều biến đổi khó lường, công tác bảo hộ công dân, lắng nghe mong muốn và nguyện vọng của nhân dân ở nước ngoài càng phải quan tâm chú trọng.

(Xem tiếp trang 53)

MỘT SỐ ĐIỂM MỚI TRONG NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NINH LẦN THỨ XV, NHIỆM KỲ 2020 - 2025

 **ThS. Phạm Thu Phương**

Giảng viên Khoa Lý luận cơ sở

Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV được xây dựng, chuẩn bị hết sức công phu, kỹ lưỡng, nghiêm túc, khoa học, là sự kết tinh trí tuệ và tâm huyết của toàn thể Đảng bộ, cả hệ thống chính trị và các tầng lớp Nhân dân trong toàn tỉnh; chất lọc tâm huyết, sự quan tâm của các đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo Trung ương, các ban, bộ, ngành, học viện, cơ quan quan trọng... Điểm mới trong Nghị quyết là sự kết tinh tâm huyết, niềm tin từ các vùng miền, các tầng lớp nhân dân, đồng bào, ngoài tỉnh và ở nước ngoài. Bên cạnh đó, điểm mới Nghị quyết là sự khái quát toàn diện sâu sắc những quan điểm, định hướng lớn của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các cấp trong sự nghiệp đổi mới, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng, đấu tranh, phản bác, chống luận điệu xuyên tạc của thế lực thù địch.

1. Bối cảnh ra đời

- **Bối cảnh quốc tế:** Xu thế hòa bình, hợp tác là xu thế chủ đạo nhưng có sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, vai trò lãnh đạo của Mỹ đe dọa sự nổi lên của Trung Quốc, Nga, Ấn Độ và Tây Âu. Cách mạng 4.0 đã thay đổi lực lượng sản xuất, quy luật giá trị của một số quan hệ sản xuất cũng phải điều chỉnh; tổ chức lại sản xuất mang tầm vĩ mô cũng được bố trí, phân công lại. Tình trạng biến đổi khí hậu ngày càng biểu hiện rõ, nước biển dâng,

hiệu ứng nhà kính, trái đất nóng lên. Diễn biến phức tạp của tình hình dịch bệnh Covid-19 cũng là nguyên nhân Đảng ta phải thay đổi chính sách, thực hiện song song các mục tiêu nhằm phát triển kinh tế - xã hội cho phù hợp với điều kiện hoàn cảnh.

- **Trong nước:** sau gần 35 năm đổi mới, quy mô, trình độ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước được nâng lên. Trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII khẳng định: *“Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”*⁽¹⁾. Đây là động lực, nguồn lực quan trọng để đất nước ta vượt qua thách thức. Bên cạnh đó, cũng còn không ít khó khăn: Bốn nguy cơ mà Đảng ta đã chỉ ra còn tồn tại, có mặt còn gay gắt hơn; suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ cũng như những mâu thuẫn xã hội còn diễn biến phức tạp; sức cạnh tranh của nền kinh tế còn hạn chế...

- **Đối với tỉnh Quảng Ninh:** Trên cơ sở dự báo tình hình quốc tế và trong nước một cách tổng quan, sát thực và cụ thể; nhận định rõ những thời cơ, vận hội. Theo đó, đã nhấn mạnh các yếu tố tác động như: xu hướng dòng vốn đầu tư nước ngoài trên thế giới; tình hình

(1) Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tập 1, tr.25.

an ninh khu vực còn nhiều diễn biến phức tạp; tình trạng biến đổi khí hậu, nước biển dâng gây ra nhiều hậu quả khôn lường. Vị thế của Tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm khu vực phía Bắc, có nhiều lợi thế trong đẩy mạnh liên kết vùng. Bên cạnh đó đã tiếp thu, bổ sung rõ hơn nữa các mâu thuẫn, thách thức trong quá trình phát triển đến nay vẫn còn hiện hữu cần được nhận thức đầy đủ và tập trung giải quyết trong thời gian tới.

2. Một số điểm mới trong nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Điểm mới ở đây được thể hiện từ sự đổi mới mạnh mẽ trong tư duy, tầm nhìn chiến lược; đến thực tế quy hoạch phát triển, các khâu đột phá, cơ cấu lại nền kinh tế; tầm nhìn định hướng phát triển xanh, đảm bảo tính bền vững, phát triển nhanh dịch vụ, các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ có hàm lượng tri thức, giá trị gia tăng cao và nông nghiệp công nghệ cao; phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp. Điểm mới được thể hiện qua 05 nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, về chủ đề và mục tiêu tổng quát

So với kỳ Đại hội trước, Nghị quyết nhiệm kỳ này có sự thay đổi trong mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Nghị quyết Đại hội Đại biểu lần thứ XIV đặt ra: *“Phấn đấu đến năm 2020, xây dựng Quảng Ninh trở thành tỉnh có cơ cấu kinh tế dịch vụ, công nghiệp; là trung tâm du lịch chất lượng cao của khu vực, một trong những cực tăng trưởng kinh tế của miền Bắc...”*. Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV đưa ra mục tiêu tiếp tục phát triển thêm vào đó định hướng mới *“...xây dựng Quảng Ninh trở thành tỉnh*

dịch vụ, công nghiệp hiện đại, là một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện của phía Bắc”⁽¹⁾. Đó là cách đặt vấn đề lấy nội dung làm trung tâm thay vì hình thức; đạt được mục tiêu nêu trên tỉnh sẽ tất yếu trở thành thành phố trực thuộc Trung ương khi điều kiện chín muồi, không cần đặt ra thành mục tiêu trực tiếp.

Thứ hai, về các chỉ tiêu chủ yếu

Từ những mâu thuẫn, thách thức đặt ra trong quá trình phát triển, Nghị quyết XV đã đề ra cụ thể: 19 chỉ tiêu phát triển, trong đó có 3 chỉ tiêu xây dựng đảng, 7 chỉ tiêu kinh tế, 5 chỉ tiêu xã hội, 4 chỉ tiêu môi trường *so với Nghị quyết XIV nhiệm kỳ 2015-2020 nhiều hơn 02 chỉ tiêu*.

Trong số 19 chỉ tiêu, đáng chú ý là:

- Tỉnh Quảng Ninh là địa phương đầu tiên và duy nhất đưa vào Nghị quyết Đại hội chỉ tiêu *“giữ vững vị trí trong nhóm đầu cả nước về các chỉ số PCI, PAR Index, SIPAS và PAPI”*⁽²⁾ thể hiện trách nhiệm và cam kết mạnh mẽ, khẳng định thương hiệu của tỉnh đối với các nhà đầu tư, các doanh nghiệp và nhân dân; thể hiện tinh thần xây dựng chính quyền phục vụ, chính quyền thực sự của dân, do dân, vì dân. Việc thực hiện thành công chỉ tiêu này sẽ trở thành lợi thế “động”, nguồn lực bền vững cho sự phát triển của tỉnh.

- Trong hệ 19 chỉ tiêu không đề cập đến nội dung “thu ngân sách nhà nước”, mà đưa xuống Nhiệm vụ, giải pháp với nội dung “Phấn đấu thu ngân sách nội địa tăng bình quân khoảng 10%/năm cho cả giai đoạn 2021 - 2025;

(1) Sdd.

(2) Báo cáo chính trị Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025

thu xuất nhập khẩu vượt chỉ tiêu Trung ương giao”, đảm bảo linh hoạt trong điều hành. Trong Nghị quyết 02 về “phương hướng, nhiệm vụ năm 2021” phấn đấu tăng trưởng trên 10% và thu ngân sách cũng tăng tương ứng với mức độ tăng trưởng, nghĩa là chúng ta phấn đấu thu ngân sách cũng phải tăng 10%.

- **Về môi trường**, đã bổ sung nội dung “tỷ lệ các cơ sở kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường đạt 100%”⁽¹⁾ nhằm cụ thể hóa định hướng của Trung ương trong các dự thảo văn kiện Đại hội XIII của Đảng vào điều kiện cụ thể của tỉnh Quảng Ninh thành hiện thực và quyết liệt hơn nữa trong công tác quản lý, đề ra yêu cầu cao hơn trong thu hút đầu tư theo định hướng phát triển kinh tế “xanh”. Tỷ lệ sử dụng nước sạch của dân cư thành thị đạt 98%, tỷ lệ sử dụng nước hợp vệ sinh của dân cư nông thôn đạt trên 99%. Giữ tỷ lệ che phủ rừng ổn định 55% và nâng cao chất lượng rừng.

- **Về xã hội**, tiếp tục thực hiện những chỉ tiêu phát triển của nhiệm kỳ trước và bổ sung cụ thể tỷ lệ lao động đã qua đào tạo đến năm 2025 đạt 87,5%, trong đó tỷ lệ lao động đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt trên 52%.

Lần đầu tiên, Nghị quyết đưa vào các chỉ tiêu về tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 95%. Đạt 61 giường bệnh/1 vạn dân; 15 bác sỹ/1 vạn dân; 3 dược sỹ đại học/1 vạn dân; trên 25 điều dưỡng/1 vạn dân.

Nghị quyết đã bổ sung thêm nội hàm chỉ tiêu về nông thôn mới, theo đó đề ra đến hết năm 2023, có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới; ít nhất 50% số xã đạt chuẩn

nông thôn mới nâng cao và ít nhất 25% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; 100% đơn vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; tỉnh Quảng Ninh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

- **Về cơ cấu kinh tế**, (năm 2025: Công nghiệp - xây dựng 49 - 50%; Dịch vụ 46 - 47%; Nông, lâm nghiệp, thủy sản 3 - 5%), theo đó tỷ trọng công nghiệp có phần trội hơn dịch vụ, hoàn toàn phù hợp với quan điểm, định hướng, nhiệm vụ, giải pháp về phát triển công nghiệp, đó là “*phát triển công nghiệp xanh, công nghiệp sạch, công nghệ cao, công nghệ thông minh, thân thiện với môi trường. Tăng nhanh tỷ trọng đóng góp của công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghệ cao, công nghệ thông minh; phát triển hợp lý, bền vững ngành công nghiệp khai khoáng góp phần bảo đảm an ninh năng lượng theo quy hoạch*”⁽²⁾. Vì vậy phát triển công nghiệp không đối lập với tăng trưởng “xanh” và phát triển bền vững, trái lại có thể được giải quyết hài hòa, hợp lý.

Thứ ba, về các quan điểm, định hướng phát triển giai đoạn 2020 - 2025

Trong Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh lần thứ XV đều khẳng định vị trí, vai trò và tầm quan trọng của 03 khâu đột phá chiến lược và định hướng không gian phát triển kinh tế - xã hội là: 1 tâm, 2 tuyến, đa chiều, hai mũi đột phá.

Đặc biệt, việc xác định các khâu đột phá của nhiệm kỳ có tính chất định hướng cho các nhiệm vụ thường xuyên và giải pháp lớn. Theo đó, bên cạnh việc bám sát định hướng của Trung ương trong dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng, Văn kiện Đại hội

(1) (2) Sđd.

Đảng bộ tỉnh lần thứ XV đã xác định **ba khâu đột phá của Tỉnh giai đoạn 2020 - 2025** là:

(1) *Phát triển nguồn nhân lực* chất lượng cao gắn với tăng nhanh quy mô và nâng cao chất lượng dân số (được đưa lên hàng đầu). (2) *Đẩy nhanh tốc độ phát triển* và hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, hiện đại, bảo đảm liên thông, tổng thể. (3) *Xây dựng nền văn hóa* giàu bản sắc Quảng Ninh gắn với thu hẹp nhanh khoảng cách giàu nghèo và chênh lệch vùng miền trong tỉnh. Trong đó, đột phá thứ ba được xác định có tính sáng tạo phù hợp với điều kiện thực tiễn và yêu cầu phát triển của tỉnh để tập trung thực hiện.

Các khâu đột phá, nhiệm vụ, giải pháp đã được cụ thể hóa thành 15 đề án, chương trình trọng điểm gồm tất cả các lĩnh vực, gồm: xây dựng Đảng, hệ thống chính trị kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại. Trong đó, bên cạnh đề án về *“Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tỉnh Quảng Ninh theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ giai đoạn 2021 - 2025”* được tổ chức triển khai ngay sau Đại hội; có những chương trình, đề án rất mới, lần đầu tiên được đề cập như: Đề án Cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Đề án đảm bảo an ninh nguồn nước giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Đề án Phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo và phát triển sản phẩm chủ lực, xây dựng thương hiệu của Tỉnh giai đoạn

2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Đề án Chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Thứ tư, về tầm nhìn định hướng phát triển đến năm 2030, năm 2045.

Đây là điểm mới nổi bật trong Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV, lần đầu tiên thể hiện tầm nhìn, tư duy dài hạn định hướng phát triển đến năm 2030 và năm 2045. Đến năm 2030, xây dựng, phát triển Quảng Ninh là tỉnh kiểu mẫu giàu đẹp, văn minh, hiện đại; Đến năm 2045, Quảng Ninh là tỉnh dịch vụ, công nghiệp hiện đại, vùng đô thị lớn mang tầm khu vực và quốc tế sự tác động của Covid -19 mạnh mẽ đến phát triển dịch vụ du lịch. (Đây là điểm mới trong quá trình thực hiện, BCH Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh nhiệm kỳ lần này đưa ra khác biệt so với nhiệm kỳ trước). Điều này minh chứng, BCH đảng bộ, Ban Thường vụ Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh luôn bám sát thực tiễn, tôn trọng thực tiễn, đưa ra quan điểm chỉ đạo hướng tới phục vụ nhân dân. Thể hiện quan điểm đổi mới, sáng tạo trong việc xây dựng Quảng Ninh trở thành tỉnh dịch vụ, công nghiệp hiện đại; là một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện của phía Bắc.

Thứ năm, về 05 nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2020 - 2025

Một là, xây dựng, chỉnh đốn Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên. Xây dựng chính quyền liêm chính, phục vụ thực sự “của dân, do dân, vì dân”, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Hai là, đẩy mạnh thực hiện ba khâu đột phá chiến lược.

Ba là, phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi phương thức phát triển từ “nâu” sang “xanh”; giải quyết đồng bộ và có hiệu quả các mâu thuẫn, thách thức nhằm đẩy nhanh tốc độ công nghiệp hóa - hiện đại hóa - đô thị hóa.

Bốn là, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế nhanh, bền vững với phát triển văn hóa, con người, xây dựng nền văn hóa giàu bản sắc Quảng Ninh.

Năm là, bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh; giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội, chủ quyền biên giới quốc gia; mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế. Xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển. Xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an ninh, an toàn, văn minh.

Như vậy, có thể khẳng định, Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025 là một tài liệu được nghiên cứu xây dựng công phu, kỹ lưỡng, có sự tổng kết lý luận và thực tiễn cao; đánh giá đúng, trung thực, khách quan, toàn diện tình hình và kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội nhiệm kỳ 2015 - 2020 trên cơ sở kế thừa những thành tựu của gần 35 năm đổi mới và 10 năm thực hiện Cương lĩnh 11; có sự tiếp thu, kế thừa và phát triển quan điểm, định hướng, triết lý phát triển được tổng kết từ

những giai đoạn trước, xác định phương hướng, mục tiêu phát triển, các khâu đột phá, đề ra những nhiệm vụ, giải pháp khả thi vừa có tính cơ bản trước mắt, vừa có tính chiến lược lâu dài. Trong đó, có rất nhiều **điểm mới** so với các văn kiện trước đây của tỉnh: **(1)** Xác định định hướng phát triển tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045. **(2)** Xây dựng 03 khâu đột phá có đặc trưng riêng của tỉnh, nhất là đột phá về xây dựng nền văn hóa giàu bản sắc Quảng Ninh gắn với thu hẹp nhanh khoảng cách giàu nghèo và chênh lệch vùng miền trong tỉnh. **(3)** Công tác xây dựng Đảng luôn được đặt ở vị trí hàng đầu xuyên suốt từ chủ đề, mục tiêu tổng quát, chỉ tiêu cụ thể, giải pháp trọng tâm, đề án, chương trình trọng điểm và nhiệm vụ, giải pháp cụ thể; trong đó chú công tác cán bộ, xây dựng đội ngũ đủ năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ luôn được xác định là “*then chốt của then chốt*”. **(4)** Về phát triển kinh tế - xã hội: Đã thể hiện tư duy phát triển theo hướng bền vững hơn, đó cũng là quan điểm xuyên suốt từ quan điểm, triết lý phát triển, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp. **(5)** Có nhiều chỉ tiêu mới, trong đó lần đầu tiên đưa chỉ tiêu đạt vị trí đứng đầu về các chỉ số PAPI, SIPAS, PARIndex, PCI. **(6)** Các nhiệm vụ, giải pháp, khâu đột phá và các dự án chương trình, trọng điểm trong giai đoạn 2020 - 2025 được cụ thể hóa, triển khai thực hiện bằng Chương trình hành động với lộ trình rõ ràng, gắn trách nhiệm với từng cơ quan, đơn vị đảm bảo kiểm đếm hiệu quả./.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN NHẪM PHẤN ĐẤU ĐẠT TIÊU CHÍ TRƯỜNG CHÍNH TRỊ CHUẨN

 **ThS. Chu Lữ Hồng Trang**

Giảng viên Khoa Xây dựng Đảng

Ngày 19/05/2021, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Quy định số 11- QĐ/TW về trường chính trị chuẩn. Mục đích ban hành Quy định là nhằm chuẩn hóa, nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn và các hoạt động khác của trường chính trị. Một trong những tiêu chí hết sức quan trọng được quy định đề cập khá sâu đó là về chất lượng đội ngũ.

1. Thực trạng đội ngũ giảng viên của Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ theo yêu cầu trường chính trị chuẩn

Trong những năm qua, nhận thức đúng đắn vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng của đội ngũ giảng viên đối với quá trình đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, Trường ĐTCB Nguyễn Văn Cừ luôn quan tâm đến công tác xây dựng đội ngũ giảng viên và đã đạt được những kết quả tích cực, tạo tiền đề để tiến tới đạt chuẩn theo Quy định số 11-QĐ/TW.

Để nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, Đảng ủy, Ban Giám hiệu chú trọng từ công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng đến bố trí, sử dụng giảng viên. Từ năm 2018 đến nay nhà trường đã tuyển dụng 05 viên chức thông qua thi tuyển, nhằm bổ sung nguồn lực lượng giảng viên, đảm bảo tính kế thừa, liên tục trong thực hiện nhiệm vụ và hướng đến xây dựng trường chính trị chuẩn. Tổng số giảng viên của Trường ĐTCB Nguyễn Văn Cừ tính đến tháng 8/2021 là 34/68 tổng số biên chế, trong đó: Trình độ

chuyên môn có 03/34 tiến sĩ, 31/34 thạc sĩ; trình độ lý luận chính trị có 28/34 giảng viên đạt trình độ cao cấp lý luận chính trị. Về cơ cấu ngạch, 16/34 đồng chí là giảng viên chính, 17/34 đồng chí giữ chức danh lãnh đạo, quản lý. Về kỹ năng, phương pháp, 100% giảng viên đều đã tốt nghiệp Đại học Sư phạm hoặc bồi dưỡng phương pháp giảng dạy; hầu hết khá thuần thục trong áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực và có nghiệp vụ sư phạm.

Nhằm nâng cao trình độ, tạo phong trào thi đua nghiên cứu, rèn luyện, nâng cao kiến thức, kỹ năng và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ giảng viên, Nhà trường luôn chú trọng nâng cao chất lượng công tác duyệt giảng, thao giảng, dự giờ đánh giá chất lượng giảng viên giỏi cấp khoa, cấp trường hằng năm. Các hội thi giảng viên dạy giỏi cấp trường đều có 100% giảng viên tham gia đạt loại giỏi. Qua đó, lựa chọn giảng viên dự thi giảng viên dạy giỏi cấp Học viện đều đạt giải cao: Năm 2017, có 03/03 đồng chí đều đạt loại giỏi (01 xuất sắc); năm 2021 có 02/02 đồng chí tham dự đều đạt xuất sắc. Tại các Hội thi Báo cáo viên giỏi cấp Tỉnh (năm 2018 và năm 2021) giảng viên của Nhà trường tham gia đạt giải Nhì cấp tỉnh.

Công tác nghiên cứu khoa học và nghiên cứu, tổng kết thực tiễn của giảng viên luôn được Nhà trường quan tâm chỉ đạo sát sao. Trường đã có 03 đề tài cấp trường, 02 đề tài cấp tỉnh và 3 cuốn sách được xuất bản. Nhà trường đề xuất và được Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt Đề

án “*Bồi dưỡng kiến thức thực tế đối với cán bộ, giảng viên*”. Quá trình thực hiện Đề án, đã có 100% giảng viên đi nghiên cứu thực tế tại nhiều cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh.

Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng đội ngũ giảng viên còn một số mặt hạn chế:

Về số lượng: Chưa đạt tỷ lệ theo yêu cầu (giảng viên cơ hữu chỉ có 34/68 biên chế) do trước đây trường được sáp nhập trên cơ sở 03 trường. Một số giảng viên chưa có trình độ cao cấp lý luận chính trị. Hầu hết, giảng viên còn thiếu chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Về chất lượng, cơ cấu: Còn thiếu giảng viên có trình độ chuyên môn cao (tiến sĩ); cơ cấu về giới tính chưa cân đối (giảng viên nữ chiếm 75%); kiến thức thực tiễn của một bộ phận giảng viên trẻ còn chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng; chế độ chính sách để khuyến khích giảng viên học tập nâng cao trình độ có thay đổi theo hướng tự đào tạo chưa tạo động lực cho giảng viên tích cực tham gia,...

2. Một số vấn đề đặt ra

Từ thực trạng trên đây đặt ra những yêu cầu cho công tác xây dựng đội ngũ giảng viên đáp ứng yêu cầu của trường chính trị chuẩn đến năm 2025 và tầm nhìn năm 2030.

Thứ nhất, bám sát các quan điểm, định hướng của Đảng về công tác xây dựng đội ngũ giảng viên. Đặc biệt, quán triệt Nghị quyết số 32-NQ/TW ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị “Về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ lãnh đạo, quản lý”, thực hiện đúng quan điểm xây dựng đội ngũ giảng viên có chất lượng, có kiến thức chuyên sâu và kinh nghiệm hoạt động thực tiễn, có phương pháp giảng dạy phù hợp và tâm huyết với nghề. Tăng

cường đội ngũ giảng viên kiêm chức, thỉnh giảng là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp có nhiệm vụ làm giảng viên kiêm nhiệm, thỉnh giảng tại các cơ sở đào tạo lý luận chính trị.

Thứ hai, phát huy vai trò, trách nhiệm của Đảng ủy, Ban Giám hiệu đối với việc nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên của Trường. Cần nhận thức rõ, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên là vấn đề đầu tiên cần quan tâm chỉ đạo thực hiện; xác định đây là nhân tố quyết định sự thành công của việc tiếp tục đổi mới học tập lý luận chính trị trong nhà trường. Thực tế cho thấy, uy tín, thương hiệu của Nhà trường đến đâu được quyết định chủ yếu bởi đội ngũ này. Từ đó, Đảng ủy, Ban Giám hiệu có sự chỉ đạo thường xuyên, sát sao đối với đội ngũ giảng viên, chỉ đạo các bộ phận liên quan trong việc nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên.

Thứ ba, triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm phấn đấu bảo đảm cơ cấu, số lượng, chất lượng đội ngũ giảng viên.

(1) Đến năm 2025, tuyển chọn đủ 75% số lượng giảng viên theo quy định; ưu tiên giảng viên nam nhằm khắc phục tình trạng mất cân đối giữa tỷ lệ nam, nữ. Ban Giám hiệu tiếp tục tạo điều kiện cho giảng viên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ để nâng cao kiến thức phục vụ giảng dạy. Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy đề xuất cử giảng viên đủ điều kiện học cao cấp lý luận chính trị để đạt chuẩn theo quy định. Có cơ chế hỗ trợ giảng viên đi đào tạo tiến sĩ, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên nhà trường. Đây là lực lượng quyết định trong quá trình đào tạo, bồi dưỡng. Trường có kế hoạch gửi Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh mở riêng 1 lớp bồi dưỡng kinh điển Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho giảng viên trong thời gian tới.

(Xem tiếp trang 41)

GIẢNG VIÊN TRƯỜNG ĐÀO TẠO CÁN BỘ NGUYỄN VĂN CỪ PHẦN ĐẦU ĐẠT TIÊU CHÍ TRƯỜNG CHÍNH TRỊ CHUẨN

 **ThS. Ngô Thị Tâm**

Giảng viên Khoa Xây dựng Đảng

Ngày 19/5/2021, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Quy định số 11-QĐ/TW về trường chính trị chuẩn. Đây là chủ trương có ý nghĩa quan trọng nhằm nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ mới. Đây cũng là cơ hội để các trường chính trị được quan tâm tăng cường nguồn lực, nâng cao chất lượng toàn diện các mặt công tác, góp phần tích cực vào tăng cường xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, nâng cao, hiệu lực, hiệu quả hoạt động.

Tại Quy định số 11- QĐ/TW, Ban Bí thư đề ra 5 nhóm tiêu chí với trường chính trị chuẩn mức I, gồm các lĩnh vực: Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ; hoạt động đào tạo bồi dưỡng; nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn; xây dựng văn hóa trường Đảng, thực hiện kỷ luật, kỷ cương; cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật và tài chính. Với trách nhiệm của người cán bộ trường Đảng, thiết nghĩ mỗi giảng viên phải tích cực tham gia đóng góp vào sự phát triển chung với những nhiệm vụ cụ thể sau:

Thứ nhất, cần quán triệt, nhận thức đầy đủ vai trò, trách nhiệm đối với việc phấn đấu đạt trường chính trị chuẩn.

Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Đảng ta tổ chức trường học lý luận cho cán bộ là để nâng cao trình độ lý luận của Đảng ta,

đặng giải quyết sự đòi hỏi của nhiệm vụ cách mạng và tình hình thực tế của Đảng ta, để Đảng ta có thể làm tốt hơn công tác của mình, hoàn thành tốt hơn nhiệm vụ cách mạng vĩ đại của mình”⁽¹⁾. Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ phấn đấu đạt tiêu chí trường chính trị chuẩn cũng với mục đích đó. Chính vì vậy, với vai trò, trách nhiệm của người cán bộ trên mặt trận tư tưởng của Đảng, hơn bao giờ hết, mỗi giảng viên cần phải nhận thức sâu sắc yêu cầu nhiệm vụ, nỗ lực phấn đấu cao, chủ động, tích cực trong các hoạt động chung góp phần phát triển trường, xây dựng trường ngày càng vững mạnh, phấn đấu đạt tiêu chí trường chính trị chuẩn.

Thứ hai, chủ động, tích cực, đề cao trách nhiệm trong hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế, chuẩn hóa tài liệu, giáo trình, phục vụ thiết thực cho việc nâng cao chất lượng giảng dạy.

Hoạt động khoa học, nghiên cứu thực tế có ý nghĩa rất quan trọng nhằm nâng cao kiến thức, tầm tư duy, gắn lý luận với thực tiễn, phát triển tư duy lý luận. Thực hiện chủ trương của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và của tỉnh Quảng Ninh, những năm gần đây đội ngũ giảng viên đã có nhiều cố gắng trong hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế, thông qua đó bổ sung kiến thức, đáp ứng

(1) Hồ Chí Minh Toàn tập, t.11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.90.

nội dung giảng dạy ngày càng phong phú và đa dạng, tăng sức thuyết phục bài giảng, mở rộng phong kiến thức thực tiễn của giảng viên.

Kết quả của hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế phải đảm bảo chất lượng, thông qua những sản phẩm khoa học như: Sách, kỷ yếu khoa học, đề tài khoa học, tài liệu tham khảo, bài viết trên báo, tạp chí, thông tin lý luận - thực tiễn... Phải có những bài viết chất lượng, có giá trị khoa học, giá trị thực tiễn cao, được ứng dụng trong thực tế. Mỗi giảng viên cần phải luôn xác định đây là một trong những hoạt động quan trọng đối với bản thân. Đảm bảo 100% giảng viên đạt và vượt định mức giờ nghiên cứu khoa học góp phần hoàn thiện tiêu chí trường chuẩn đề ra.

Thứ ba, tích cực rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng, phương pháp giảng dạy, tạo được sự hấp dẫn trong mỗi giờ giảng, từng giờ học.

Nâng cao chất lượng chuyên môn chính là góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, góp phần tích cực vào xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Đặc biệt năm 2021 khi giáo trình mới ban hành, việc soạn giảng, đảm nhiệm nhiều nội dung mới là một áp lực mỗi giảng viên cần tích cực, chủ động trong nhiệm vụ, mục tiêu cá nhân, xây dựng kế hoạch bản thân trong tháng, trong quý, năm một khoa học đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao một cách xuất sắc nhất.

Bên cạnh đó, trước xu thế của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đặc biệt là bối cảnh dịch bệnh diễn biến phức tạp, hình thức dạy học cần phải được thay đổi linh hoạt, phù hợp với điều kiện mới, việc chủ động đổi mới, linh hoạt trong phương pháp giảng dạy vừa trực tiếp vừa trực tuyến đáp ứng yêu thực tế hiện nay là một yêu cầu quan trọng. Đối với

hình thức dạy - học trực tiếp, đội ngũ giảng viên cơ bản đã thành thạo, khá nhuần nhuyễn trong sử dụng phương pháp tích cực. Nhưng với dạy - học trực tuyến, là hình thức mới nên không khỏi ngỡ ngàng, bởi vậy cần phải có sự quyết tâm cao của đội ngũ giảng viên, trên tinh thần vừa làm vừa điều chỉnh, kịp thời rút kinh nghiệm, đảm bảo chất lượng giảng dạy.

Thứ tư, đặc biệt quan tâm rèn luyện nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, xây dựng văn hóa trường Đảng, xây dựng hình ảnh người cán bộ trường Đảng trong sáng, mẫu mực.

Phẩm chất, đạo đức là yêu cầu quan trọng đối với nghề giáo mà bất cứ người giảng viên nào đều phải có. Đối với giảng viên Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ và các trường chính trị nói chung thì yếu tố này càng trở nên quan trọng, bởi lẽ đối tượng giảng dạy của giảng viên chính là những cán bộ, công chức, hầu hết đều có trình độ đại học, thậm chí nhiều học viên có trình độ thạc sĩ. Để có thể đứng trên bục giảng truyền đạt kiến thức cho học viên thì giảng viên cần phải là một người có “*phẩm chất chính chính trị và đạo đức cách mạng*”. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “*Công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém*”⁽¹⁾. Vì vậy, người giảng viên trị bên cạnh giỏi về chuyên môn, đòi hỏi cần phải có phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng, để khi tiến hành công việc giảng dạy, sản phẩm đào tạo sẽ là những người học viên, cán bộ vừa “hồng” vừa “chuyên”. Nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng cũng chính là hoàn thiện tiêu chí giảng viên, xây dựng hình ảnh người giảng viên toàn diện.

(1) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. CTQG, H. 2000, tập 5, tr. 273.

Bên cạnh đó cần thực hiện đúng các chuẩn mực văn hóa trường Đảng, nhất là trong cách ứng xử, giao tiếp, xử lý mối quan hệ giữa giảng viên với học viên, giữa đồng chí, đồng nghiệp. Trong trường Đảng, cán bộ, giảng viên và học viên là những chủ thể không thể thiếu được, có ảnh hưởng, tác động lẫn nhau theo hai chiều tích cực và tiêu cực. Nếu không có đội ngũ cán bộ, giảng viên tốt, giỏi thì khó có học viên giỏi, tốt. Ngược lại, hành vi, thái độ của học viên sẽ tác động đến giảng viên, nhất là khi Trường thực hiện phương pháp giảng dạy tích cực, lấy người học làm trung tâm, người thầy là động lực, nhà trường là nền tảng. Việc thực hiện đúng nội quy giảng đường áp dụng “5 xin”, thực hiện “5 luôn”, ghi nhớ “5 không” và

cùng chia sẻ “2 nhớ, 1 đừng quên”, ứng xử phù hợp, đúng mực.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: “*Nhiệm vụ của giáo dục rất quan trọng và vẻ vang, vì nếu không có thầy giáo thì không có giáo dục... Không có giáo dục, không có cán bộ thì cũng không nói gì đến kinh tế, văn hoá...*”⁽¹⁾. Điều này một lần nữa khẳng định vai trò quan trọng của người giáo viên nói chung và giảng viên trường chính trị nói riêng trong đóng góp, phấn đấu hoàn thành mục tiêu đến năm 2025 Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ đạt trường chính trị chuẩn, hoàn thành mục tiêu trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ nhà trường lần thứ II đã đề ra.

(1) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. CTQG, H, 2000, t.8, tr.184.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA.... (tiếp theo trang 38)

(2) Chú trọng xây dựng đội ngũ giảng viên có trình độ cao về chuyên môn, có vốn sống thực tế, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức cách mạng, có năng lực sáng tạo; chú trọng phát huy vai trò của các nhà giáo có kinh nghiệm, năng lực và uy tín. Đồng thời, hết sức coi trọng việc nâng đỡ, khuyến khích các giảng viên trẻ, tạo cơ hội và động lực cho cán bộ, giảng viên trẻ phát triển.

(3) Nâng cao chất lượng các hoạt động chuyên môn như: Thông qua bài giảng, dự giờ, thao giảng hằng năm để nâng cao phương pháp, kỹ năng giảng dạy cho giảng viên, gắn hoạt động kiểm tra với đánh giá chất lượng bài giảng.

(4) Giảng viên cần tự rèn luyện, phấn đấu, thường xuyên nêu cao tinh thần tự học tập, tự nghiên cứu, gắn lý luận với thực tiễn. Giảng viên luôn chủ động đổi mới phương

pháp giảng dạy; cách thức, một hình tổ chức các lớp một cách linh hoạt, hoàn thiện các bài giảng, chuyên đề trên cơ sở bám sát nghị quyết đại hội các cấp và định hướng chỉ đạo của tỉnh. Ngoài ra, giảng viên cần tự xây dựng kế hoạch nghiên cứu thực tế tại cơ sở để đề xuất với nhà trường. Đẩy mạnh tham gia công tác nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, triển khai các nhiệm vụ khoa học cấp tỉnh, đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, viết bài nội san.

Xây dựng đội ngũ giảng viên có ý nghĩa rất quan trọng, là yếu tố quyết định hàng đầu trong việc phấn đấu đạt các tiêu chí trường chính trị chuẩn theo quy định của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Do đó, cần phải có sự quan tâm triển khai một cách đồng bộ các giải pháp, đặc biệt đòi hỏi sự nỗ lực cố gắng cao, sự vào cuộc tích cực của đội ngũ giảng viên mới có thể hoàn thành mục tiêu đề ra./.

TẠO ĐỘNG LỰC CHO ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, GIẢNG VIÊN TRONG HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

 **ThS. Tạ Văn Tú**

Phó trưởng Phòng QLĐT&NCKH

Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Quy định số 09-QĐi/TW, ngày 13/11/2018 của Ban Chấp hành Trung ương và Quy định số 04-QĐi/TU, ngày 16/01/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ninh. Theo đó, Trường có nhiệm vụ là đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý của Đảng, chính quyền, đoàn thể nhân dân cấp cơ sở về lý luận chính trị, hành chính nhà nước, tin học, ngoại ngữ; hợp tác với các cơ sở giáo dục mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu xã hội. Cùng với đó, một nhiệm vụ rất quan trọng của Nhà trường được quy định: *“Tham gia nghiên cứu, tổng kết thực tiễn ở địa phương, cơ sở; tổ chức nghiên cứu khoa học phục vụ giảng dạy, học tập; tham gia nghiên cứu các đề tài khoa học được Tỉnh ủy giao, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh”*⁽¹⁾.

Như vậy, nhiệm vụ giảng dạy và nhiệm vụ nghiên cứu khoa học là hai hoạt động cơ bản của cán bộ, giảng viên Nhà trường, nó có mối quan hệ hữu cơ với nhau. Mỗi giảng viên phải tham gia nghiên cứu khoa học bằng các hoạt động như: tham gia các đề tài khoa học, viết bài tham luận khoa học, bài viết hội thảo, tọa đàm, nội san... nhằm phục vụ nhiệm vụ chính trị của Nhà trường, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất

lượng, hiệu quả giảng dạy và nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác nghiên cứu khoa học, thời gian qua, Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ đã có nhiều đổi mới trong hoạt động nghiên cứu khoa học. Giai đoạn 2015 - 2020, Nhà trường đã nghiệm thu 64 sáng kiến kinh nghiệm; triển khai nghiên cứu và nghiệm thu 19 đề tài khoa học cấp trường; mỗi năm bình quân tổ chức 02 hội thảo khoa học cấp trường, xuất bản 02 cuốn Thông tin lý luận và thực tiễn. Năm 2020, Nhà trường đã hoàn thành 01 nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, được Hội đồng nghiệm thu đánh giá đạt loại xuất sắc, hiện đang triển khai tiếp 01 nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cấp tỉnh... Đặc biệt, Đảng ủy Trường đã ban hành Nghị quyết 76-NQ/ĐU ngày 26/10/2020 về *“Nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học giai đoạn 2020 - 2025”*. Nghị quyết xác định: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học; phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, tâm huyết của cán bộ lãnh đạo, quản lý, giảng viên, giáo viên, nhân viên Nhà trường trong nghiên cứu khoa học, góp phần tích cực vào chuẩn hóa tài liệu, giáo trình, nâng cao chất lượng giảng dạy, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ xây dựng trường chính trị chuẩn, trường học thông minh. Trong Nghị quyết, Đảng ủy đặt ra nhiệm vụ: cán bộ, giảng viên, giáo viên chủ động nghiên cứu, nắm vững và vận dụng nội dung các nghị quyết, chỉ thị của

(1) Quy định số 04-QĐi/TU, ngày 16/01/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ninh quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, tổ chức, bộ máy của Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ.

Đảng vào giảng dạy, công tác. Đặc biệt từ năm 2020, Nhà trường đã triển khai định mức giờ chuẩn với giảng viên, trong đó có tính định mức giờ chuẩn nghiên cứu khoa học.

Tuy nhiên, trong thời gian qua công tác nghiên cứu khoa học vẫn còn chậm đổi mới. Các công trình nghiên cứu, các bài viết vẫn còn nặng tính lý thuyết, hàn lâm; các tác giả khó khăn trong việc lựa chọn các vấn đề nghiên cứu đảm bảo tính mới và tính thực tiễn; kinh phí cho các công trình nghiên cứu hạn hẹp; kiến thức và năng lực cá nhân của các tác giả trong nghiên cứu khảo sát, viết bài còn hạn chế... Đặc biệt chưa tạo được niềm đam mê cho đội ngũ cán bộ, giảng viên tham gia nghiên cứu các công trình khoa học, viết bài nghiên cứu, trao đổi có chất lượng để gắn kết chặt chẽ với hoạt động giảng dạy và tạo ra các công trình nghiên cứu có giá trị trở thành luận cứ khoa học cho việc hoạch định các chủ trương, chính sách của Tỉnh.

Để cán bộ, giảng viên tích cực tham gia nghiên cứu khoa học bằng các hoạt động như: tham gia các đề tài khoa học, viết bài tham luận khoa học, bài viết hội thảo, tọa đàm, nội san... nhằm phục vụ nhiệm vụ chính trị của Nhà trường và để hoạt động nghiên cứu khoa học trở thành nhu cầu thiết thân của đội ngũ cán bộ, giảng viên cần thực hiện các giải pháp nhằm tạo động lực cho đội ngũ cán bộ, giảng viên trong công tác nghiên cứu khoa học:

Thứ nhất: Đảng ủy, Ban Giám hiệu thường xuyên chỉ đạo tổ chức quán triệt Nghị quyết số 76-NQ/ĐU ngày 26/10/2020 về “*Nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học giai đoạn 2020 - 2025*”. Xây dựng kế hoạch để phân công, giao chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể cho từng đảng viên để triển khai, thực hiện.

Đặc biệt, ưu tiên dành nguồn lực kinh phí, cơ sở vật chất cho hoạt động nghiên cứu

khoa học như: cùng với nguồn kinh phí Tỉnh cấp hằng năm, Nhà trường có cơ chế sử dụng 2-3% nguồn thu sự nghiệp để hỗ trợ việc triển khai nghiên cứu các đề tài, xuất bản sách, tài liệu, giáo trình và thi đua, khen thưởng trong công tác nghiên cứu khoa học.

Ban Giám hiệu cần tham mưu cho Tỉnh đưa vào Đề án Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng và phát triển toàn diện nguồn nhân lực tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025, có cơ chế khuyến khích, hỗ trợ cho cán bộ, giảng viên nghiên cứu sinh và bảo vệ thành công luận án tiến sĩ.

Sửa đổi, bổ sung Quy chế Thi đua - Khen thưởng để có cơ chế khen thưởng cho các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp cho hoạt động nghiên cứu khoa học như: Có đề tài nghiên cứu khoa học các cấp được nghiệm thu đạt loại xuất sắc; hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tham gia nghiên cứu đề tài khoa học cấp tỉnh (không quá 20% số thành viên); đạt định mức giờ chuẩn nghiên cứu khoa học 150% trở lên; có đề án, sáng kiến kinh nghiệm mang lại hiệu quả cao trong công tác quản lý, phục vụ... (kiểm đếm, chỉ rõ được sản phẩm mang lại hiệu quả).

Sửa đổi, bổ sung Quy chế Chi tiêu nội bộ để quan tâm dành nguồn lực và kinh phí cho các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học: Theo đó, cần ưu tiên cho công tác nghiên cứu, biên soạn tài liệu, giáo trình, bài giảng, chuyên đề, sách, tài liệu tham khảo phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và nâng cao chất lượng quản lý, phục vụ.

Khuyến khích các cán bộ, giảng viên tham gia nghiên cứu, đăng ký các nhiệm vụ khoa học với Sở Khoa học và Công nghệ, với Tỉnh để sử dụng nguồn kinh phí ngoài trường phục vụ cho hoạt động nghiên cứu khoa học.

Thứ hai, Các khoa phòng, trung tâm cần có kế hoạch triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học cho đội ngũ cán bộ, giảng viên. Hằng tháng, hướng dẫn, định hướng cho giảng viên trong hoạt động nghiên cứu. Đặc biệt phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học và phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu cần đổi mới công tác quản lý về nghiên cứu khoa học theo hướng chuẩn hóa nội dung, quy trình, biểu mẫu; hướng dẫn các thủ tục thanh quyết toán các đề tài, hội thảo; tăng cường công tác giám sát, đảm bảo chất lượng và tính ứng dụng của các sản phẩm khoa học.

Phối hợp với sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn triển khai các quy định có liên quan đến hoạt động nghiên cứu khoa học đối với các thành viên, nhóm nghiên cứu, chủ nhiệm đề tài để triển khai theo đúng tiến độ, yêu cầu, chất lượng, sản phẩm ứng dụng được cam kết nghiệm thu.

Thứ ba, đội ngũ cán bộ, giảng viên luôn phải coi việc nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ, biến thành niềm đam mê cho mỗi cá nhân để nghiên cứu các công trình khoa học, viết bài nghiên cứu, trao đổi có chất lượng, gắn kết chặt chẽ với hoạt động giảng dạy, tạo được các công trình nghiên cứu có giá trị. Mỗi giảng viên phải luôn tìm tòi cái mới để nghiên cứu nhằm minh chứng tính đúng đắn của những chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và sự triển khai sáng tạo của các địa phương, nhưng cũng phát hiện những khoảng trống khoa học để có những đề xuất

qua các công trình nghiên cứu với Nhà trường cũng như với địa phương và tỉnh.

Cán bộ, giảng viên cần phải chủ động trong hoạt động nghiên cứu, thông qua đó, có điều kiện đào sâu, làm giàu kiến thức chuyên môn mà mình đang trực tiếp giảng dạy, kịp thời điều chỉnh, bổ sung những nội dung kiến thức chưa chuẩn xác trong bài giảng, bài viết của mình, ngoài ra còn mở rộng hiểu biết kiến thức từ các chuyên ngành khác. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học góp phần phát triển tư duy, năng lực sáng tạo, khả năng làm việc độc lập, trau dồi tri thức và các phương pháp nhận thức khoa học của giảng viên. Khi nghiên cứu khoa học đạt kết quả tốt, sẽ là yếu tố quan trọng để nâng cao vị thế và uy tín của chính bản thân giảng viên, đồng thời khẳng định vị thế và uy tín của Nhà trường: là trường Đảng - trường đào tạo cán bộ.

Nghiên cứu khoa học và giảng dạy không thể tách biệt, có tính tương hỗ lẫn nhau trong hoạt động của giảng viên, là thước đo năng lực chuyên môn của giảng viên lý luận chính trị. Nghiên cứu khoa học tốt là cơ sở để biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo, góp phần đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy. Việc nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ đối với cán bộ, giảng viên, nhưng tạo động lực để giảng viên tích cực, chủ động trong công tác nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao chất lượng và tính ứng dụng của các sản phẩm khoa học có ý nghĩa thiết thực, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của Nhà trường trong giai đoạn hiện nay.



PHẢN BÁC NHỮNG LUẬN ĐIỀU SAI TRÁI, XUYỀN TẠC CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM



ThS. Phạm Thị Vân Anh

Giảng viên Khoa Lý luận sơ sở

Việt Nam sau 35 năm đổi mới đã đạt được những thành tựu to lớn, sức mạnh về mọi mặt của đất nước được nâng lên. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định: “Đất nước chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín như ngày nay”. Như vậy quy mô, trình độ kinh tế ngày càng phát triển; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt, quan hệ đối ngoại ngày càng mở rộng đi vào chiều sâu; vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao... Đây là niềm tự hào, là động lực quan trọng, là niềm tin để toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta vượt qua mọi khó khăn, thách thức, tạo tiền đề quan trọng để đất nước tiếp tục đổi mới, phát triển trong những năm tới. Đồng thời khẳng định sự lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội (CNXH) là hoàn toàn đúng đắn.

Tuy nhiên, trong quá trình bảo vệ, xây dựng, phát triển đất nước, các thể lực thù địch, cơ hội chính trị vẫn luôn lợi dụng các hoàn cảnh khác nhau để tuyên truyền, xuyên tạc, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lê-nin, công kích con đường đi lên CNXH và những thành quả cách mạng nước ta đã đạt được. Với những phương thức, thủ đoạn mới ngày càng đa dạng, tinh vi, nguy hiểm, một cách trắng trợn, hòng làm lung lạc ý chí, xói mòn niềm tin của những đảng viên, nhân dân, tăng cường chống phá sự nghiệp đổi mới, sự nghiệp cách mạng của Việt Nam. Trong đó, chúng thường xuyên đưa ra những luận điệu sai trái, xuyên tạc về sự phát triển kinh tế thị trường (KTTT) định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCH) ở Việt Nam.

Vì vậy, nhận diện đúng, và nâng cao nhận thức về phát triển KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam nhằm đấu tranh phê phán, bác bỏ những luận thuyết, âm mưu và hành động nói trên của các thể lực thù địch trở thành một trong những vấn đề trọng tâm của cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, lý luận hiện nay.

1. Nhận diện các luận điệu sai trái, xuyên tạc về mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam

Các thể lực thù địch, tự xưng là nhà nghiên cứu, nhà khoa học, nhà dân chủ,... thường xuyên đưa ra những luận điệu xuyên tạc với các phương thức truyền tải hết sức tinh vi các thông tin xấu độc, họ cho rằng: KTTT và XHCN là những yếu tố đối lập nhau, “KTTT và XHCN như nước với lửa”; KTTT gắn với định hướng XHCN là một mô hình kinh tế “méo mó, không giống ai”; “không có nền KTTT nào có thể kết hợp với XHCN”; gắn KTTT với định hướng XHCN là một sự ngộ nhận, chủ quan, không có cơ sở khoa học... CNXH không dung nạp KTTT nên không có KTTT định hướng XHCN, đó chỉ là khái niệm mơ hồ; gán ghép thêm định hướng XHCN sau KTTT là một sự chấp vá gượng ép, cố tình quy kết...

Họ đưa ra những luận điểm phủ nhận nền KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam, KTTT là sản phẩm của CNTB, vận động theo các quy luật của chủ nghĩa tư bản, không thể kết hợp với mục tiêu xây dựng CNXH, với định hướng XHCN. Và từ đó, khẳng định rằng: Việt Nam đang chuyển sang KTTT tư bản chủ nghĩa, và đi theo con đường tư bản chủ nghĩa

thì phát triển nhanh hơn, vững mạnh hơn.

Những luận điểm sai trái trên đã bộc lộ mưu đồ đen tối, rắp tâm xuyên tạc đường lối phát triển nền KTTT định hướng XHCN ở nước ta; gây tâm lý hoài nghi, dao động, thiếu niềm tin đến một bộ phận cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến sự thống nhất nhận thức, tư tưởng trong Đảng và trong xã hội. Vì vậy, cần nhận thức một cách đúng đắn và đưa ra những luận cứ khoa học phản bác lại những luận điệu sai trái này.

2. Những luận cứ khoa học về phát triển KTTT định hướng XHCN

Phải khẳng định chắc chắn rằng, những luận điệu đó là hết sức sai lầm, chứa đựng nhiều mâu thuẫn, không có cơ sở về lý luận và thực tiễn. Trải qua quá trình phát triển, KTTT định hướng XHCN không phải là khái niệm mơ hồ. Sự kết hợp các mặt này hoàn toàn không phải là sự lắp ghép một cách tùy tiện, chủ quan, duy ý chí như một số người ngộ nhận hoặc cố tình quy kết. Mô hình KTTT định hướng XHCN phù hợp với xu hướng phát triển tất yếu của Việt Nam và yêu cầu thực tiễn phát triển KTTT trên thế giới. Đây là sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam. Cả lý luận và thực tiễn đã chứng minh nhận định trên là hoàn toàn đúng.

Về lý luận, sự lựa chọn KTTT định hướng XHCN ở nước ta xuất phát từ nhận thức đúng đắn của Đảng ta: KTTT không phải là sản phẩm riêng có của CNTB mà là thành tựu văn minh của nhân loại. KTTT là trình độ phát triển cao của kinh tế hàng hóa, phản ánh quá trình phát triển của sản xuất và trao đổi hàng hóa. Kinh tế hàng hóa không phải là kiểu tổ chức kinh tế do con người tạo ra bằng ý chí chủ quan của mình, mà hình thành một cách khách quan trong các hoạt động kinh tế của xã hội loài người, được phát triển trình độ cao dưới CNTB có thể tồn tại

và thích ứng với nhiều hình thái kinh tế - xã hội khác nhau. KTTT phát triển với trình độ cao dưới CNTB song không đồng nhất với CNTB và cũng không đối lập với CNXH. Tuy nhiên, không có mô hình KTTT chung, đồng nhất cho mọi chế độ xã hội khác nhau. Mặc dù, KTTT là mô hình phát triển phổ quát, có những đặc điểm chung, nguyên tắc, vận động theo những quy luật chung..., nhưng ở mỗi quốc gia, KTTT có sắc thái riêng, có dấu ấn riêng. Trong mỗi chế độ xã hội khác nhau, KTTT mang những đặc trưng, bản chất khác nhau tùy thuộc vào trình độ phát triển lực lượng sản xuất, vào bản chất chính trị của chế độ xã hội đó, phù hợp với lịch sử, văn hóa, xã hội, truyền thống, tập quán của từng quốc gia, dân tộc. Không thể có nền KTTT ở nước này lại là bản sao của KTTT ở nước khác.

Vì vậy, trên thế giới đã có nhiều mô hình phát triển kinh tế thị trường như KTTT tự do ở Mỹ, KTTT xã hội ở Cộng hòa Liên bang Đức, KTTT cộng đồng trách nhiệm (hay phối hợp) ở Nhật Bản, KTTT nhà nước phúc lợi ở Thụy Điển, KTTT xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc... Mỗi loại mô hình trong số ấy đều có những ưu điểm và nhược điểm riêng. Nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm vận hành và phát triển của các mô hình này trên thế giới, xuất phát từ đòi hỏi và thực tiễn phát triển của đất nước đang đổi mới, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra đường lối phát triển KTTT định hướng XHCN. Lần đầu tiên trong lịch sử phát triển KTTT xuất hiện mô hình kinh tế thị trường mới - KTTT định hướng XHCN. Đây là một đột phá lý luận rất cơ bản và sáng tạo của Đảng ta.

Và để đi đến sự nhận thức tương đối thống nhất về con đường phát triển đất nước bằng KTTT định hướng XHCN cần một quá trình nghiên cứu, thảo luận khoa học và đúc kết từ thực tiễn một cách nghiêm túc và sâu sắc.

Từ thực tiễn, trên thế giới đã chứng minh, hầu hết các nước có nền kinh tế phát triển như

ngày nay, đều đang trải qua mô hình KTTT, một mô hình kinh tế có nhiều ưu việt: cơ chế năng động, sáng tạo, huy động và phân bổ các nguồn lực kinh tế một cách tối ưu, thúc đẩy sản xuất phát triển.... Tuy nhiên, mô hình KTTT còn tồn tại rất nhiều những khuyết tật như: phân hóa giàu nghèo, bất bình đẳng trong xã hội ngày càng gia tăng, tiềm ẩn những nguy cơ khủng hoảng.

Thực tiễn ở Việt Nam trải qua thời kỳ quá độ với một xuất phát điểm thấp tiến lên CNXH nên chưa thể có ngay KTTT xã hội chủ nghĩa, mà lựa chọn mô hình phù hợp hơn là KTTT định hướng XHCN - đây được coi là mô hình kinh tế tổng quát trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Đây là một sự lựa chọn đúng đắn, dựa trên cơ sở đúc kết những kinh nghiệm quý báu từ thực tiễn đã chứng minh; nắm bắt xu thế khách quan của thời đại, tiếp thu một cách chọn lọc thành tựu của văn minh nhân loại; phát huy vai trò tích cực và các động lực của KTTT trong việc thúc đẩy phát triển sức sản xuất, xã hội hóa lao động, áp dụng nhanh nhất các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới, đồng thời cũng để từng bước hạn chế và dần dần khắc phục những khuyết tật tồn tại trong nền KTTT.

Từ Đại hội VI (1986) đến nay, Đảng ta luôn khẳng định: *“Sản xuất hàng hóa không đối lập với chủ nghĩa xã hội mà là thành tựu của nền văn minh nhân loại, tồn tại khách quan cần thiết cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội”*⁽¹⁾. Việc phát triển KTTT định hướng XHCN là vấn đề mang tính tất yếu của công cuộc đổi mới, đồng thời là đòi hỏi của thực tiễn phát triển đất nước. Phát triển KTTT định hướng XHCN là nền móng bảo đảm độc lập, tự chủ về kinh tế, chính trị, xã hội, quốc phòng, an ninh và tạo môi trường rộng mở tối ưu cho kinh tế phát triển năng động, mạnh mẽ

gắn chặt với công bằng, tiến bộ của xã hội. *“Một quốc gia dựa trên nền tảng thị trường để phát triển kinh tế có thể chưa chắc thành công, song một quốc gia không có nền kinh tế thị trường chắc chắn sẽ không thể phát triển trong dài hạn. Tự thân KTTT không đưa đến CNXH, nhưng muốn xây dựng CNXH thành công dứt khoát phải phát triển kinh tế thị trường”*.⁽²⁾

Đó cũng là sự thể hiện ưu thế tuyệt đối của chế độ xã hội ta khi xem KTTT là phương tiện, công cụ hữu hiệu để xây dựng CNXH nhằm phục vụ nhân dân. Có thể khẳng định Đảng ta đã sáng suốt áp dụng một thành tựu của nhân loại trong cách thức phát triển kinh tế, gắn với định hướng XHCN nhằm bảo đảm xã hội sẽ phát triển bền vững, nhân văn. Vì vậy, KTTT định hướng XHCN vừa mang tính đặc trưng của KTTT vừa mang tính đặc thù của Việt Nam. Có thể khái quát về mục tiêu phát triển KTTT theo như lời Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định: *“Chúng ta cần một xã hội mà trong đó sự phát triển là thực sự vì con người, chứ không phải vì lợi nhuận mà bóc lột và chà đạp lên phẩm giá con người. Chúng ta cần sự phát triển về kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, chứ không phải gia tăng khoảng cách giàu nghèo và bất bình đẳng xã hội. Chúng ta cần một xã hội nhân ái, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn, chứ không phải cạnh tranh bất công, “cá lớn nuốt cá bé” vì lợi ích vị kỷ của một số ít cá nhân và các phe nhóm. Chúng ta cần sự phát triển bền vững, hài hòa với thiên nhiên để bảo đảm môi trường sống trong lành cho các thế hệ hiện tại và tương lai, chứ không phải để khai thác, chiếm đoạt tài nguyên, tiêu dùng vật*

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Nxb. CTQG, H, 1986, tr89.

(2) GS.TS Nguyễn Xuân Thắng: Một số luận điểm mới về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay, Tạp chí Lý luận, số 8, 2016.

chất vô hạn độ và hủy hoại môi trường”.⁽¹⁾

Thực tiễn quá trình đổi mới, nền KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam, về cơ bản đã hội đủ các yếu tố của nền KTTT hiện đại theo các chuẩn mực quốc tế như: đa dạng các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế, tự do sản xuất, kinh doanh, lưu thông những hàng hóa mà pháp luật không cấm, các chủ thể kinh tế cạnh tranh bình đẳng, hệ thống thị trường phát triển ngày càng đồng bộ; vai trò của Nhà nước về quản lý kinh tế đã đổi mới, quản lý bằng luật pháp, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và sử dụng nguồn lực kinh tế của nhà nước, không can thiệp vào hoạt động sản xuất kinh doanh của các chủ thể kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô, hạn chế, khắc phục khuyết tật của cơ chế thị trường.

Đại hội XIII, một lần nữa khẳng định phát triển KTTT định hướng XHCN là một nhiệm vụ xuyên suốt trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam: *“KTTT định hướng XHCN là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong TKQĐ lên CNXH. Đó là nền KTTT hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của KTTT có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền XHCN, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; bảo đảm định hướng XHCN vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” phù hợp với từng giai đoạn phát triển đất nước”.*⁽²⁾

Những “thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử” của công cuộc đổi mới 35 năm qua đã minh chứng tính đúng đắn của đường lối kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Năm 2020 và những tháng đầu năm 2021, trong bối cảnh

đại dịch COVID-19 và tình hình thiên tai, bão lụt tại các địa phương gây thiệt hại nặng nề về kinh tế - xã hội, nhưng với sự nỗ lực, cố gắng vượt bậc, Việt Nam đạt được những thành tựu ấn tượng. Trong khi thế giới suy thoái, tăng trưởng âm gần 4%, kinh tế nước ta vẫn đạt mức tăng trưởng 2,91%, là một trong những nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới”. Tạp chí The Economist tháng 8/2020 xếp Việt Nam trong top 16 nền kinh tế mới nổi thành công nhất thế giới, là điểm sáng trên toàn cầu trong việc thực hiện thành công “mục tiêu kép”, vừa phòng chống dịch Covid-19 hiệu quả, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội và đời sống nhân dân. Năm 2020 đạt 324,7 tỷ USD, trở thành nền kinh tế lớn thứ 4 trong ASEAN, thu nhập bình quân đầu người tăng 3.512 USD. Tỷ lệ hộ nghèo đã giảm từ 58% năm 1993 xuống còn 5,8% năm 2016 và tiếp tục giảm xuống 2,75% năm 2020 theo chuẩn nghèo đa chiều. Liên hiệp quốc đã đánh giá rất cao Việt Nam là một trong những nước đi đầu trong việc hiện thực hóa các Mục tiêu Thiên niên kỷ.

Như vậy, hiện nay, Việt Nam đang thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao và ổn định trong khu vực và trên thế giới; chất lượng tăng trưởng được cải thiện, năng suất lao động được nâng lên rõ rệt; kinh tế vĩ mô ổn định vững chắc hơn, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp, các cân đối lớn của nền kinh tế được cải thiện đáng kể; huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển được đẩy mạnh, đầu tư khu vực ngoài nhà nước tăng nhanh và chất lượng, hiệu quả được cải thiện....

Từ những kết quả thực tế đã đạt được, đó là những minh chứng sống động, qua thực tiễn hơn 35 năm đổi mới toàn diện đất nước, một thành quả lý luận quan trọng được khẳng định: *“Phát triển nền KTTT định hướng XHCN là hoàn toàn đúng đắn, là sự vận dụng sáng*

(1) Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Báo Quân đội nhân dân, số 21.589 ngày 17/5/2021

(2) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. CTQG, H, 2021, tr60, tập 1

tạo của Đảng ta và là con đường, phương thức để xây dựng CNXH trên đất nước ta".⁽¹⁾

Động lực và triển vọng hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội đã, đang và sẽ tiếp tục phụ thuộc vào những nhận thức và hành động thực tiễn mới, đầy đủ, sâu sắc hơn về phát triển KTTT định hướng XHCN tại Việt Nam. Vì vậy, mỗi bản thân chúng ta cần nâng cao nhận thức về phát triển KTTT định hướng XHCN, từ đó nhận diện, phản bác những luận điệu sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch, tin tưởng vào sự lựa chọn của Đảng, vào con đường đi lên CHXH. Nâng

cao trách nhiệm bản thân đối với vận mệnh phát triển đất nước. Góp phần hiệu quả vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Theo đó, nhiệm vụ cấp bách đặt ra cho mỗi tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên là phải luôn nêu cao tinh thần cảnh giác, chủ động đấu tranh với âm mưu, hoạt động thâm độc của các thế lực thù địch, đối tượng xấu; quán triệt sâu sắc các quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là những quan điểm, luận điểm chỉ đạo mới về trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong công tác đấu tranh phòng, chống, phản bác các luận điệu sai trái, thù địch, để bảo đảm thực hiện thành công những mục tiêu đặt ra trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN trong giai đoạn mới./.

(1) Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Báo Quân đội nhân dân, số 21.589 ngày 17/5/2021.

ĐẨY MẠNH VIỆC ĐƯA CÁC NHIỆM VỤ... (Tiếp theo trang 8)

Thứ ba: Tăng cường công tác phối hợp với cấp ủy các địa phương, các ban, sở, ngành của Tỉnh để làm tốt các việc: Xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng, đưa các bài giảng, chuyên đề sát với yêu cầu nhiệm vụ của Tỉnh; Cử cán bộ, công chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng do Nhà trường tổ chức; Nâng cao chất lượng công tác quản lý việc học tập, rèn luyện của học viên, khắc phục “*bệnh lười, bệnh ngại*” nghiên cứu, học tập lý luận trong cán bộ, đảng viên; tổ chức cho học viên nghiên cứu, học tập kinh nghiệm tại các ngành, địa phương. Giữ mối quan hệ thường xuyên với các đồng chí giảng viên, báo cáo viên kiêm chức, thỉnh giảng thông qua việc cung cấp thông tin, gặp mặt, trao đổi, xin ý kiến những nội dung liên quan đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.

Thứ tư: Tăng cường sự lãnh đạo, kiểm tra, giám sát của Đảng ủy, các chi bộ, công

tác quản lý của Ban Giám hiệu đối với việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của cán bộ, giảng viên; đảm bảo giáo án giảng dạy các chương trình bồi dưỡng phải được cập nhật theo quý, giáo án chương trình trung cấp lý luận chính trị được cập nhật ít nhất 6 tháng/01 lần. Thường xuyên dự giờ, kiểm tra, giám sát song song với khuyến khích, động viên để giảng viên trẻ chủ động, tích cực ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến đưa vào bài giảng.

Gắn đào tạo, bồi dưỡng lý luận với việc quán triệt, triển khai các nhiệm vụ trọng tâm của Tỉnh là một trong nhiệm vụ hết sức quan trọng, góp phần làm cho công tác đào tạo bồi dưỡng ngày càng sát hơn với thực tiễn, phục vụ thiết thực hơn yêu cầu, nhiệm vụ của các địa phương, cơ quan, đơn vị. Qua đó, cũng góp phần tích cực đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống./.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO VĂN HÓA CHÍNH TRỊ CHO ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY



ThS. Đặng Thị Kiều Liên

Giảng viên Khoa Nhà nước và pháp luật

Văn hóa chính trị là một bộ phận, một phương diện của văn hóa trong xã hội có giai cấp, nhưng điều đó không có nghĩa văn hóa chính trị là phép cộng giản đơn giữa văn hóa với chính trị, mà đó là sự thẩm thấu, xâm nhập vào nhau, chuyển hóa lẫn nhau giữa văn hóa với chính trị, chính trị với văn hóa. Văn hóa chính trị là sự kết tinh trong đó tri thức, tình cảm, lý tưởng, niềm tin, tạo thành ý thức chính trị, biểu hiện ở thái độ, hành vi và năng lực hoạt động chính trị của các chủ thể chính trị. Văn hóa chính trị của cán bộ, đảng viên là những giá trị chân, thiện, mỹ, phản ánh bản chất giai cấp công nhân, bản sắc văn hóa dân tộc được biểu hiện thông qua nhận thức, tri thức, tình cảm, niềm tin, bản lĩnh, thái độ ứng xử, năng lực thực hiện chức trách, nhiệm vụ của cán bộ, đảng viên. Văn hóa chính trị của cán bộ, đảng viên được xác lập trên cơ sở lập trường chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, cách thức ứng xử chính trị của người cán bộ đối với nhiệm vụ được giao, khả năng thu phục, tập hợp, tổ chức mọi người vào công việc chung, tùy thuộc vào kinh nghiệm trong hoạt động chính trị thực tiễn của họ.

Hơn 35 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được nhiều thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Có được những thành tựu đó, một phần là do Đảng ta đã quan tâm chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, trong đó có nâng cao văn hóa

chính trị. Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII khẳng định: “Đội ngũ cán bộ có lập trường tư tưởng, bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức, lối sống giản dị, gương mẫu, có ý thức tổ chức kỷ luật, luôn tu dưỡng, rèn luyện; trình độ năng lực được nâng lên, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao. Nhiều cán bộ năng động, sáng tạo, thích ứng với xu thế hội nhập. Đa số cán bộ lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở các cấp có năng lực, phẩm chất, uy tín”.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, văn hóa chính trị của một bộ phận cán bộ, đảng viên còn một số hạn chế. Một bộ phận cán bộ, đảng viên bản lĩnh chính trị thiếu vững vàng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Đặc biệt, tình trạng lợi dụng, lạm dụng quyền lực chính trị được Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó dẫn đến hiện tượng chuyên quyền, độc đoán, mất dân chủ, tham nhũng, đặc quyền, đặc lợi. Đại hội Đảng lần thứ XIII đã nhấn mạnh và chỉ rõ: “Lĩnh vực văn hóa, xã hội chưa có nhiều đột phá, hiệu quả chưa cao; đời sống của một bộ phận nhân dân còn khó khăn”. Từ đánh giá này của Đảng, chúng ta thấy rằng, còn nhiều vấn đề liên quan đến văn hóa chính trị cần được cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp, các ngành nghiêm túc phân tích với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật để thấy rõ những hạn chế, khuyết điểm. Chính

vì vậy, một trong 6 nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội XIII được Đảng ta xác định: *“Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế”*, việc nâng cao văn hóa chính trị cho đội ngũ cán bộ, đảng viên có ý nghĩa quan trọng, góp phần củng cố niềm tin của quần chúng nhân dân với Đảng, Nhà nước và chế độ XHCN.

Theo tôi, để nâng cao văn hóa chính trị của đội ngũ cán bộ, đảng viên cần thực hiện một số giải pháp cơ bản sau đây:

Một là, cần nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò và sự cần thiết của văn hóa chính trị.

Cơ sở và nội dung để nâng cao văn hóa chính trị là nâng cao nhận thức về Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Cương lĩnh, đường lối của Đảng. Học tập Chủ nghĩa Mác - Lênin quan trọng nhất là học tập tinh thần, lập trường, quan điểm; cốt lõi nhất là học được phương pháp biện chứng duy vật của Chủ nghĩa Mác. Đây là cơ sở khoa học để xem xét và giải quyết, xử trí mọi vấn đề, tình huống chính trị thực tiễn đặt ra. Phương pháp học là gắn chặt giữa lý luận với thực tiễn và không ngừng tổng kết thực tiễn; tránh lối học tập kiểu đối phó cốt để cho xong, nhưng học xong rồi không biết vận dụng vào thực tiễn. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: *“Thực tiễn không có lý luận hướng dẫn thì thành thực tiễn mù quáng. Lý luận mà không có liên hệ với thực tiễn là lý luận suông”*⁽¹⁾.

Tích cực học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Phải đi sâu học tập phong cách nổi bật là phong cách tư

duy, phong cách làm việc, phong cách diễn đạt (nói và viết), phong cách ứng xử, phong cách sống của Người.

Cùng với việc nâng cao trình độ nhận thức Chủ nghĩa Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, cần nắm vững Cương lĩnh chính trị và đường lối đổi mới của Đảng. Đây là cơ sở quan trọng, trực tiếp nâng cao văn hóa chính trị của cán bộ, đảng viên. Bất kỳ một sự dao động, ngả nghiêng, hành động và phát ngôn nào trái với Cương lĩnh, đường lối của Đảng không chỉ dẫn đến tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị của cán bộ, đảng viên, mà còn gây tổn hại cho Đảng.

Hai là, nâng cao chuẩn mực đạo đức văn hóa trong ứng xử với người dân, chuẩn mực pháp luật trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

Đó là văn hóa trọng dân và văn hóa trọng pháp. Đây là vấn đề thiết thực nhất, là thực hành dân chủ, thực hành dân vận, thực hành đạo đức với ý nghĩa là thực hành văn hóa trong chính trị. Đội ngũ cán bộ, đảng viên được giáo dục và thực hành văn hóa trong chính trị phải tỏ ra là những chủ thể của văn hóa chính trị, tận tụy, trách nhiệm, gương mẫu trong công việc, trong quan hệ, trong ứng xử với người dân theo yêu cầu trọng dân và trọng pháp. Một trong những chỉ số đo lường văn hóa chính trị là niềm tin của người dân đối với Đảng, sự hài lòng của người dân đối với quản lý của Nhà nước và chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức trong phục vụ xã hội và Nhân dân, sự phát triển dân chủ, đoàn kết và đồng thuận xã hội.

Để thực hiện được yêu cầu này, đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải không ngừng chủ động, tích cực trau dồi học vấn, tích lũy tri thức, nâng cao bản lĩnh chính trị, hoàn thiện nhân

(1) Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tập 8, tr.496, 497.

cách để từng bước đạt tới giá trị của văn hóa chính trị. Mỗi người phải tự mình ra sức thực hành văn hóa chính trị ở mọi lúc, mọi nơi, trong mọi nhiệm vụ, điều kiện, hoàn cảnh, không gian và thời gian; phải tự mình điều chỉnh thái độ, tình cảm, hành vi ứng xử thấu tình, đạt lý, tôn trọng Nhân dân, pháp luật của Nhà nước; không ngừng nâng cao giá trị nhân cách, tự nêu gương về văn hóa trong cơ quan, đơn vị, khu dân cư, trong Nhân dân. Nội dung này, được Đảng ta khẳng định trong Văn kiện Đại hội XIII: *“Thực hiện tốt các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp, cán bộ có chức vụ càng cao càng phải gương mẫu. Nêu gương trở thành một nội dung quan trọng trong phương thức lãnh đạo của Đảng. Coi trọng công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng, kết hợp với phát huy vai trò giám sát của báo chí và nhân dân đối với việc thực hiện trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên”*.

Ba là, kết hợp chặt chẽ xây dựng văn hóa chính trị với chủ động phòng ngừa những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong cán bộ, đảng viên.

Đại hội XIII của Đảng đã chỉ rõ: *“Kiên quyết, kiên trì đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; coi trọng hơn công tác đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng”; cho nên “Xây dựng văn hóa trong chính trị, làm cho các giá trị văn hóa thấm sâu vào mọi hoạt động của Đảng, tạo môi trường cho cán bộ, đảng viên tu dưỡng, giữ gìn đạo đức”, được Đảng ta đặc biệt chú trọng trong nhiệm kỳ này. Quá trình xây dựng và phát triển văn hóa chính trị ở nước ta nói chung và trong cán bộ, đảng viên nói riêng, cần phải gắn liền với cuộc đấu tranh chống lại các quan điểm, tư tưởng sai trái, thù địch, đi*

ngược lại với đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nghiêm trị, ngăn chặn và đẩy lùi các tệ nạn, tiêu cực xã hội, góp phần xây dựng môi trường văn hóa tốt đẹp, làm giàu thêm truyền thống của Đảng và bản sắc văn hóa dân tộc.

Bốn là, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh.

Môi trường văn hóa ở mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương là cơ sở xã hội và là điều kiện nâng cao văn hóa chính trị của cán bộ, đảng viên. Tập trung xây dựng và phát triển ý thức dân chủ trong mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương và cơ sở. Quán triệt và thực hiện nghiêm quy chế dân chủ ở cơ sở. Thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ ở tất cả các tổ chức trong hệ thống chính trị, trước hết là thực hiện dân chủ trong Đảng, trong mỗi cấp ủy, tổ chức đảng để cán bộ, đảng viên phát huy dân chủ và nêu cao trách nhiệm xã hội của bản thân. Nhưng dân chủ phải có nguyên tắc, không phải dân chủ quá trớn, nói và làm trái với quan điểm, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Quán triệt và thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ; tập thể lãnh đạo đi đôi với cá nhân phụ trách. Đề phòng và khắc phục cả hai khuynh hướng: dân chủ hình thức hoặc tập trung quan liêu.

Văn hóa chính trị ở mỗi cán bộ, đảng viên không phải tự nhiên có sẵn, không phải bồi dưỡng một lúc là thành mà là quá trình lâu dài, gắn với hoạt động chính trị của mỗi cán bộ, đảng viên. Cho nên, cần kết hợp chặt chẽ giữa “xây” với “chống”, nhất là chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; xây dựng môi trường văn hóa chính trị lành mạnh trong các cơ quan, đơn vị, cộng đồng dân cư để nuôi dưỡng văn hóa chính trị.

Thế giới ngày càng trở nên rộng mở và phức tạp, sự nghiệp cách mạng ngày càng trở nên nặng nề và đòi hỏi cao. Hơn bao giờ hết, đội ngũ cán bộ, đảng viên phải tự nỗ lực không ngừng vươn lên về mọi mặt để hoàn thiện mình nhằm thực hiện thành công sứ mệnh và chức năng cao cả. Phẩm chất văn hóa chính trị của cán bộ, đảng viên phản ánh trình độ, phẩm chất và năng lực cầm quyền của Đảng. Đảng Cộng sản Việt Nam đang

quyết tâm đổi mới và trưởng thành không ngừng để thực hiện đúng lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: *“Văn hóa có liên lạc với chính trị rất mật thiết, nghĩa là văn hóa phải sửa đổi được tham nhũng, được lười biếng, phù hoa, xa xỉ. Văn hóa phải làm cho quốc dân có tinh thần vì nước quên mình, vì lợi ích chung mà quên lợi ích riêng”*⁽¹⁾.

(1) Báo Cứu quốc, ngày 24-10-1946.

MỘT SỐ NHẬN THỨC VỀ QUYỀN ... (Tiếp theo trang 31)

- Thứ tư, hoạt động tư pháp phải bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân

Trong bối cảnh các vụ án thuộc lĩnh vực dân sự, hôn nhân, gia đình, lao động, kinh doanh, thương mại (gọi chung là vụ việc dân sự) ngày càng tăng về số lượng với tính chất ngày càng phức tạp, gay gắt thì cần thúc đẩy thực hiện hòa giải, đối thoại tại Tòa án theo Luật Hòa giải. Đồng thời phải “xử lý kịp thời, nghiêm minh những tổ chức, cá nhân lợi dụng dân chủ, gây rối nội bộ, làm mất ổn định chính trị - xã hội hoặc vi phạm dân chủ, làm phương hại đến quyền làm chủ của nhân dân”.

- Thứ năm, đẩy mạnh đối thoại, đấu tranh trên lĩnh vực quyền con người nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng và chế độ xã hội XHCN

Đại hội Đảng XIII chủ trương: “Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết và thường xuyên đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; chủ động cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, khách quan, đúng định hướng để phòng, chống “diễn biến hòa bình”, thông tin xấu, độc trên Internet

và mạng xã hội”, đặc biệt là những thông tin về phòng chống dịch bệnh Covid - 19 trong giai đoạn hiện nay.

Đấu tranh, phản bác luận điệu thù địch nhằm mục đích kiên quyết bảo vệ quan điểm, lập trường, lợi ích quốc gia - dân tộc, ngăn chặn hiệu quả với các hoạt động lợi dụng vấn đề dân chủ, nhân quyền để can thiệp vào công việc nội bộ của nước ta, là nhiệm vụ cấp thiết trong giai đoạn hiện nay, qua đó khẳng định vị thế và nâng tầm quốc gia trên trường quốc tế.

Như vậy, có thể khẳng định rằng, quyền con người là một trong những nội dung vô cùng quan trọng, đặc biệt trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, trên cơ sở phát triển quan điểm của Đảng qua các thời kỳ, Nhà nước sẽ tiếp tục thể chế hoá quan điểm của Đảng bằng chính sách pháp luật cụ thể nhằm bảo đảm và thực thi quyền con người trong thực tế, tiến tới xây dựng một xã hội dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh./.

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH Ở TỈNH QUẢNG NINH HIỆN NAY

 **ThS. Nguyễn Minh Hải**

Phó trưởng Khoa Nhà nước và Pháp luật

Ngày 15/7/2021 Chính phủ ban hành Nghị quyết số 76/NQ-CP về “*Ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030*”, đã đề ra 06 nhiệm vụ Cải cách hành chính: (1) Cải cách thể chế, (2) Cải cách thủ tục hành chính, (3) Cải cách tổ chức bộ máy hành chính, (4) Cải cách chế độ công vụ, (5) Cải cách tài chính công, (6) Xây dựng và phát triển chính phủ điện tử, chính phủ số. Trong đó Nghị quyết đã đề ra mục tiêu xây dựng và phát triển chính phủ điện tử, trên cơ sở đó, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ vào hoạt động, góp phần đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước. Từ việc thúc đẩy xây dựng chính phủ số, thay đổi về cách tiếp cận, cách triển khai mới nhờ vào sự phát triển của công nghệ số. Hiểu một cách đơn giản, là thực hiện “bốn Không”, hộp không gặp mặt, xử lý văn bản không giấy, giải quyết thủ tục hành chính không tiếp xúc và thanh toán không dùng tiền mặt. Đồng thời đảm bảo “bốn Có”, có toàn bộ hành động an toàn trên môi trường số, có khả năng cung cấp dịch vụ mới nhanh chóng, có khả năng sử dụng nguồn lực tối ưu và có khả năng kiến tạo phát triển, dẫn dắt chuyển đổi số quốc gia, giải quyết hiệu quả những vấn đề lớn trong phát triển và quản lý kinh tế - xã hội.

1. Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác cải cách hành chính tỉnh Quảng Ninh hiện nay

Việc ứng dụng công nghệ thông tin nói chung, xây dựng chính quyền điện tử nói riêng của tỉnh Quảng Ninh đã và đang đóng vai trò tích cực phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của các cấp chính quyền, đem lại sự hài lòng cho người dân và doanh nghiệp. Đây cũng là nền tảng quan trọng để tỉnh Quảng Ninh xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp. Điều này được thể hiện rõ: 100% cơ quan hành chính nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã tham gia vào hệ thống CQĐT của tỉnh; 100% CB, CC, VC trong các cơ quan hành chính nhà nước được trang bị máy tính kết nối internet để thực hiện công việc, được cấp tài khoản công chức điện tử và cơ bản sử dụng thành thạo các tiện ích do hệ thống CQĐT cung cấp; trên 98% văn bản hành chính được trao gửi, nhận giữa các cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh dưới dạng văn bản điện tử có sử dụng chữ ký số; 100% thủ tục hành chính từ cấp tỉnh đến cấp xã được chuẩn hóa theo quy trình ISO và được thiết lập vào Hệ thống phần mềm một cửa liên thông để thực hiện, theo dõi, giám sát quá trình giải quyết thủ tục hành chính trong phạm vi toàn tỉnh.

Triển khai các hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng và cơ sở dữ liệu do các cơ quan đảng chuyển giao: Chương trình cơ sở dữ liệu đảng viên phiên bản 3.0; Phần mềm quản lý tài chính IMAS 8.0, phần mềm quản lý tài sản đảng, phần mềm quản lý đảng phí; Phần mềm

đặc thù của Ủy ban kiểm tra; Hệ thống thông tin chuyên ngành Tuyên giáo; Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp; Phần mềm bóc băng chuyển từ giọng nói sang văn bản;

Triển khai phần mềm quản lý trường học trực tuyến tại địa chỉ <http://qlth.quangninh.edu.vn>; Phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc tại địa chỉ <http://congchuc.quangninh.edu.vn>; Hệ thống hội nghị truyền hình công nghệ Video conference đã được cấp đến 13/13 phòng Giáo dục và Đào tạo và tại 89 trường học các cấp (25 trường tiểu học, 40 trường THCS, 24 trường THPT); Thực hiện thi, kiểm tra trực tuyến, chuyển kết quả trực tiếp vào phần mềm quản lý trường học (tại địa chỉ <https://vitest.edu.vn>); Hệ thống bồi dưỡng giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục qua mạng tại địa chỉ <https://taphuan.cSDL.edu.vn>; Hệ thống quản lý bài giảng elearning tại địa chỉ <http://lv.quangninh.edu.vn>;

Cùng với đó, việc áp dụng Hệ thống tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001 - 2015: hiện nay các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh đã xây dựng chuyển đổi áp dụng. Đồng thời, Ban chỉ đạo ISO tỉnh đã tiến hành thẩm định, chấm điểm các tiêu chí đánh giá việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống QLCL ISO 9001:2015 của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh năm 2020 và tỉnh đang thẩm định việc thực hiện dự án Xây dựng hệ thống phần mềm ISO điện tử theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 vào hoạt động tại các cơ quan hành chính Nhà nước; 100% thủ tục hành chính từ cấp tỉnh đến cấp xã được chuẩn hóa theo quy trình ISO và được thiết lập vào Hệ thống phần mềm một cửa liên thông để thực hiện, theo dõi, giám sát quá trình giải quyết thủ tục hành chính trong phạm vi toàn tỉnh; Đã xây dựng được 27 hệ thống phần mềm

dùng chung và chuyên ngành để hỗ trợ quá trình giải quyết thủ tục hành chính như: CSDL Du lịch; Quản lý hộ chính sách; Quản lý hộ nghèo; Quản lý Môi trường;... Cổng Thông tin điện tử tỉnh với cổng chính và gần 70 cổng thành phần của các sở, ngành, địa phương hoạt động ổn định phát huy tốt chức năng là kênh thông tin chính thống, thông tin hiệu quả về chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực chuyên môn của từng ngành; Tỉnh Quảng Ninh đã triển khai sử dụng hệ thống một cửa điện tử tại 100% các cơ quan, đơn vị, địa phương...

Đặc biệt, hiệu quả của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động điều hành, quản lý được thể hiện tại cuộc bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp ngày 23/5 vừa qua, tỉnh Quảng Ninh đã ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác bầu cử. Quảng Ninh là tỉnh duy nhất, đầu tiên trong cả nước sử dụng công nghệ thông tin bằng hình thức hội nghị truyền hình trực tuyến đến 177/177 xã, phường, thị trấn phục vụ cho công tác điều hành toàn diện, kịp thời để cuộc bầu cử diễn ra đúng tiến độ, đảm bảo các quy định. Việc hoàn thành và đưa vào vận hành Trung tâm điều hành của Ban Chỉ đạo, Ủy ban Bầu cử tỉnh, duy trì kết nối thông tin thông suốt từ ban chỉ đạo, ủy ban bầu cử, ban bầu cử các cấp đến tổ bầu cử để kịp thời nắm bắt sát sao diễn biến tình hình, giải quyết các vấn đề vướng mắc, phát sinh có thể xảy ra trong ngày bầu cử, nhất là trong bối cảnh đại dịch Covid-19 đang diễn biến rất phức tạp. Với cách làm mới, sáng tạo, cuộc bầu cử của tỉnh Quảng Ninh nhiệm kỳ 2021-2026 đã đạt kết quả cao hơn so với nhiệm kỳ 2016-2021 về tỷ lệ cử tri đi bỏ phiếu; về số đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã có 100% cử tri đi bỏ phiếu.

2. Để ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác cải cách hành chính tỉnh Quảng Ninh đạt hiệu quả cao, cần thực hiện đồng bộ các nội dung sau:

Thứ nhất, phát triển hạ tầng số dùng chung tỉnh Quảng Ninh: Phát triển, nâng cấp các Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh đồng bộ, hiện đại ngang tầm thế giới, hoàn thành trong năm 2023, đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn TCVN 9250:2012 Tier 3 hoặc tương đương trở lên phục vụ triển khai các hệ thống thông tin để giúp phát triển Chính quyền số, Kinh tế số, Xã hội số và đô thị thông minh; Phát triển, mở rộng hạ tầng mạng băng rộng chất lượng cao trên phạm vi toàn tỉnh để phục vụ kết nối khai thác các sản phẩm, dịch vụ số của Quảng Ninh, ưu tiên phát triển, mở rộng mạng Internet công cộng tại các đô thị và khu kinh tế trọng điểm được lựa chọn phát triển theo hướng đô thị thông minh; Phát triển, triển khai hạ tầng mạng kết nối và hệ thống mạng lưới thiết bị cảm biến IoT theo các ngành, lĩnh vực và các huyện/thị xã/thành phố trực thuộc tỉnh, bảo đảm phát huy, tận dụng tối đa các hệ thống đã đầu tư như các hệ thống camera, hệ thống quan trắc.

Thứ hai, phát triển kho dữ liệu dùng chung và dữ liệu mở của tỉnh: Phát triển kho dữ liệu dùng chung và dữ liệu mở của tỉnh trên cơ sở tổng kiểm tra và tái cấu trúc, quy hoạch các thông tin, dữ liệu của các sở, ban, ngành và sử dụng giải pháp Hồ dữ liệu/Kho dữ liệu; thực hiện công bố/cung cấp dữ liệu mở của tỉnh trên môi trường số.

Thứ ba, xây dựng nền tảng số dùng chung: Xây dựng, phát triển các nền tảng số dùng chung tỉnh Quảng Ninh bảo đảm phù hợp, tương thích và có khả năng triển khai trên hạ tầng điện toán đám mây như: Nền tảng tích hợp, chia sẻ cấp tỉnh (LGSP) và Đô thị thông minh; Nền tảng định danh cá nhân và xác thực

điện tử; Nền tảng thanh toán trực tuyến; Nền tảng số hóa; Các nền tảng công nghệ triển khai phạm vi cấp tỉnh...

Thứ tư, bảo đảm an toàn, an ninh mạng: Tăng cường các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh mạng với việc tổng kiểm tra, đánh giá mức độ bảo đảm ATTT và hoàn thành xây dựng, đưa vào vận hành Trung tâm điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) cùng các biện pháp kỹ thuật giúp bảo mật đa lớp, toàn diện bao gồm: Định nghĩa và xác định các rủi ro, nguy cơ an toàn thông tin; Bảo vệ các hệ thống thông tin trước các hiểm họa, nguy cơ mất an toàn, an ninh mạng; Phát hiện các hành vi, các cuộc tấn công gây mất an toàn, an ninh mạng; Phản ứng và xử lý các hành vi, các cuộc tấn công mạng; Phục hồi các hệ thống thông tin sau thảm họa và các hành vi, các cuộc tấn công mạng. Xây dựng và áp dụng các quy định, chính sách về bảo đảm và hợp tác về an toàn, an ninh mạng để tăng cường hiệu quả quản lý và chia sẻ thông tin về an toàn, an ninh mạng; đồng thời, là cơ sở thiết lập môi trường số có tính cập nhật liên tục theo các khuyến cáo về an toàn, an ninh thông tin, đánh giá các rủi ro, thường xuyên giám sát các nguy cơ, phát hiện/cảnh báo sớm các thay đổi hay tấn công vào các hệ thống thông tin của tỉnh.

Thứ năm, phát triển nguồn nhân lực: Tổ chức hành động và triển khai quyết liệt quyết liệt và hiệu quả các đề án, chính sách, cơ chế phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng cao tại tỉnh Quảng Ninh; Đào tạo, phát triển kỹ năng số trong các cơ quan nhà nước; Đào tạo, phát triển kỹ năng số trong khu vực tư nhân; Phát triển, đổi mới và hiện đại hóa các cơ sở giáo dục đào tạo; Phát triển, đổi mới toàn diện hoạt động tìm kiếm nhân tài, tài năng qua ứng dụng công nghệ số.

(Xem tiếp trang 64)

QUẢNG NINH - ĐỊA PHƯƠNG DUY NHẤT ĐƯA MỤC TIÊU GIỮ VỮNG NHÓM ĐẦU CẢ NƯỚC VỀ CHỈ SỐ PCI, PAR INDEX, SIPAS VÀ PAPI VÀO NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XV



ThS. Tô Thị Thanh Lê

Giảng viên Khoa Nhà nước và pháp luật

Năm 2020 có thể coi là năm thành công nhất trong hành trình 10 năm của Quảng Ninh trên con đường cải cách hành chính để thu hút đầu tư, phát triển kinh tế; Quảng Ninh đã và đang trở thành “ngôi sao sáng” trong cải cách hành chính của cả nước khi trở thành địa phương đầu tiên và duy nhất trong cả nước xếp hạng nhất ở cả 4 chỉ số PCI, PAR Index, SIPAS và PAPI. Trong đó: Chỉ số PCI và Chỉ số PAR Index 4 năm (2017 - 2020) liên tiếp giữ ngôi vị quán quân; Chỉ số SIPAS liên tiếp dẫn đầu vị trí xếp hạng trong 2 năm 2019 và 2020; lần đầu tiên Chỉ số PAPI vươn lên vị trí dẫn đầu bảng xếp hạng; cùng với đó, Chỉ số ICT Index 2 năm liên tiếp giữ vững vị trí thứ ba.

Đối với chỉ số PCI: Điểm tổng hợp PCI năm 2020 của Quảng Ninh là 75,09 điểm - tăng 1,69 điểm so với năm 2019 và là địa phương duy nhất đạt thang điểm trên 75 trong bảng xếp hạng năm nay. Đây cũng là điểm số cao nhất từ trước tới nay của Quảng Ninh.

Đối với Chỉ số PAR index: Năm 2020, tổng điểm cải cách hành chính của Quảng Ninh đạt được là 91,04/100 điểm, đây là năm thứ 4 liên tiếp tỉnh Quảng Ninh là đơn vị dẫn đầu về cải cách hành chính của các tỉnh, thành phố trong cả nước; tăng 0,95 điểm so với năm 2019 và cao hơn địa phương xếp thứ hai là thành phố Hải Phòng là 0,53 điểm.

Đối với chỉ số SIPAS: Năm 2020, kết quả đánh giá sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của tỉnh đạt tỷ lệ cao, trung bình 95,76%, tăng 0,5% so với năm 2019. Đây là năm thứ hai liên tiếp Quảng Ninh dẫn đầu bảng xếp hạng về Chỉ số SIPAS.

Đối với chỉ số PAPI: Năm 2020, chỉ số PAPI của tỉnh Quảng Ninh đạt 48,81 điểm và dẫn đầu toàn quốc; trong đó có 05/08 nội dung nằm trong топ 3 tỉnh, thành phố có điểm cao nhất như: Công khai minh bạch đạt 6,499 điểm, đứng thứ 01/62 tỉnh thành, phố; Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công đạt 8,286 điểm đứng thứ 01/63 tỉnh, thành phố; Cung ứng dịch vụ công đạt 7,713 điểm, đứng thứ 01/63 tỉnh, thành phố; Tham gia của người dân cấp cơ sở đạt 5,805 điểm, đứng thứ 02/63 tỉnh, thành phố; Quản trị môi trường đạt 4,964 điểm, đứng thứ 02/63 tỉnh, thành phố.

Kỷ lục và dấu son đó có được không phải tới trong một sớm một chiều, mà đó là kết quả của cả một chặng đường dài với nhiều cố gắng, nỗ lực không ngừng nghỉ của Đảng bộ, chính quyền tỉnh Quảng Ninh. Kết quả xếp hạng các chỉ số cải cách của tỉnh năm 2020 tiếp tục mang đến bức tranh toàn diện về chất lượng cung ứng dịch vụ công, phục vụ người dân, tổ chức của cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh và là hiện thực sinh

động nhất cho khát vọng không ngừng của Quảng Ninh trong hành trình cải cách, đổi mới. Đồng thời, khẳng định niềm tin của nhân dân với chính quyền và đặc biệt là sự đánh giá hài lòng ngày càng cao của cộng đồng doanh nghiệp, nhà đầu tư; phản ánh chính xác, khách quan hiệu quả điều hành, quản lý nhà nước của tỉnh, nhất là trong bối cảnh đặc biệt khó khăn do những tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19.

“Không ngủ quên trên chiến thắng”, với tâm thế khát khao đổi mới, sau khi đạt được những bước tiến mới, Quảng Ninh nhanh chóng nhìn nhận, phân tích những kết quả đạt được và đưa ra những mục tiêu mới cao hơn, lập ra kế hoạch triển khai kỷ lưỡng, bài bản và quyết liệt thực hiện để vượt qua những thử thách mới. Vấn đề đặt ra là làm sao Quảng Ninh có thể giữ được vị trí đứng đầu, vượt qua chính mình. Nhận thức tầm quan trọng của các chỉ số cải cách trong phát triển kinh tế - xã hội, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã xác định một trong các nhiệm vụ trọng tâm cần đạt được: *“Hàng năm, giữ vững vị trí nhóm đầu về các chỉ số PCI, PAR Index, SIPAS và PAPI”*; *“lấy phát triển hạ tầng, cải cách hành chính đồng bộ, hiện đại làm nền tảng...”*. Đây là lần đầu tiên, các chỉ số này được đưa vào thành một chỉ tiêu quan trọng trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, cũng là địa phương duy nhất trong cả nước đưa các chỉ số này vào Văn kiện Đại hội. Điều đó chính là sự cam kết, đồng hành của cả hệ thống chính trị tỉnh Quảng Ninh với nhà đầu tư, doanh nghiệp và nhân dân về xây dựng một chính quyền phục vụ, do nhân dân, vì nhân dân, hoạt động hiệu lực, hiệu quả...

Từ những tháng đầu năm 2021, tỉnh Quảng Ninh đã triển khai nghiên cứu xây

dựng Đề án và ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 9/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Và chính tại hội nghị phân tích các chỉ số PCI, PAPI, SIPAS, PAR Index và ICT Index năm 2020, tỉnh Quảng Ninh đã thành lập Tổ Công tác Hỗ trợ dự án đầu tư tỉnh Quảng Ninh - Investor Care để nhằm theo sát bước chân nhà đầu tư, hỗ trợ kịp thời cho các nhà đầu tư khi lựa chọn Quảng Ninh là điểm đến, nơi gửi gắm niềm tin.

Những hành động cụ thể đó đã thể hiện ngày càng rõ sự cam kết của tỉnh với nhà đầu tư, doanh nghiệp và nhân dân về xây dựng một chính quyền liêm chính, phục vụ, do nhân dân, vì nhân dân, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng nền hành chính ngày càng hiện đại, chuyên nghiệp, kỷ cương, năng động, công khai, minh bạch, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp; góp phần hoàn thành mục tiêu phấn đấu đến năm 2025 xây dựng Quảng Ninh trở thành tỉnh dịch vụ, công nghiệp hiện đại, là một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện của phía Bắc; Quảng Ninh xứng đáng là nơi đáng đến, đáng sống, điểm đến an toàn, tin cậy của các nhà đầu tư lớn.

Quảng Ninh cũng xác định, tham gia cuộc đua đánh giá các chỉ số, mục tiêu của tỉnh không phải là giành điểm số, vị trí cao mà quan trọng nhất là hướng đến xây dựng hình ảnh địa phương đi đầu đổi mới, sáng tạo, xây dựng văn hóa cam kết, văn hóa đồng hành, văn hóa thực thi của chính quyền địa phương. Từ đó, đưa những chỉ số của Quảng Ninh không chỉ là thương hiệu của ở cấp tỉnh mà ở tầm quốc gia.

Việc không ngừng nỗ lực để giữ vững nhóm đầu cả nước về các chỉ số PCI, PAR index, SIPAS, PAPI đã giúp Quảng Ninh đạt được những thành tựu đáng kể trong những tháng đầu năm 2021:

Quảng Ninh giữ địa bàn an toàn ổn định trong trạng thái bình thường mới trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, nhất là trong đợt dịch thứ ba, thứ tư từ đầu năm đến nay bằng các biện pháp thần tốc, quyết liệt, chủ động từ xa, từ sớm, từ cơ sở theo phương châm “3 trước, 4 tại chỗ”. Duy trì đà tăng trưởng kinh tế, với tốc độ tăng trưởng GRDP 6 tháng đầu năm 2021 đạt 8,02% (cao hơn so với cùng kỳ), khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,02%, khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 9,64%, khu vực dịch vụ tăng 7%. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đạt 22.868 tỷ đồng, bằng 45% dự toán. Tổng số doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn là 18.200, với số vốn đăng ký 190.000 tỷ đồng. Tổng vốn ngoài ngân sách đầu tư trên địa bàn tỉnh 6 tháng đầu năm đạt 269.497 tỷ đồng, gấp 5 lần kịch bản đề ra; cấp mới và điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư cho 21 dự án có vốn đăng ký là 27.401 tỷ đồng; phê duyệt mới và điều chỉnh chủ trương đầu tư cho 28 dự án, với tổng vốn đăng ký là 242.546 tỷ đồng. Một số dự án tiêu biểu như: dự án công nghệ tế bào quang điện Jinko Solar PV Việt Nam; dự án khu đô thị phức hợp Hạ Long Xanh; dự án nhà máy sản xuất công cụ y khoa tại xã Quảng Phong, huyện Hải Hà...

Thời gian tới, để giữ vững nhóm đầu của cả nước về các chỉ số PCI, PAR Index, SIPAS và PAPI theo Nghị quyết Đại hội lần thứ XV của Đảng bộ tỉnh, cần đẩy mạnh thực hiện các giải pháp chính sau đây:

Một là, tiếp tục tập trung chỉ đạo, quán triệt và triển khai có hiệu quả Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV; các

chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết; triển khai có hiệu quả, thực chất Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 04/9/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 và Quyết định số 1663/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt “Đề án đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030” và lời kêu gọi của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng gửi đồng bào ở trong và ngoài nước về phòng chống Covid-19 ngày 29/7/2021; với phương châm “*ba trước, bốn tại chỗ*”, vừa chống dịch vừa phát triển kinh tế - xã hội, tháo gỡ khó khăn cho người dân và doanh nghiệp. Cùng với đó cần nâng cao nhận thức và trách nhiệm, sự vào cuộc tích cực, chủ động của cả hệ thống chính trị, của từng cơ quan, đơn vị, địa phương và của toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan Nhà nước trong công tác cải cách hành chính; quán triệt sâu sắc tinh thần “*Kỷ cương, liêm chính, hành động, sáng tạo và hiệu quả*” và triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV.

Hai là, xây dựng môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, minh bạch; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo hướng sử dụng các nền tảng dùng chung để tiết kiệm chi phí, thời gian, hoàn thành xây dựng hạ tầng số và hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành, kho tài nguyên số, nền tảng dữ liệu mở, có khả năng chia sẻ và tích hợp đồng bộ, liên thông, hiện đại, bảo đảm hạ tầng kỹ thuật an toàn, an ninh thông tin.

Ba là, các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao chủ động đề ra các biện pháp, phân công trách nhiệm và nhiệm vụ cụ thể cho các phòng, ban, đơn vị chủ trì, phối hợp và nhiệm vụ cho từng cán bộ, công chức, viên chức, triển khai thực hiện cụ thể tại các cơ quan, đơn vị, địa phương mình nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cải cách hành chính hằng năm, giai đoạn theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và nâng cao các chỉ số PCI, PAR Index, SIPAS, PAPI. Đồng thời, cải thiện môi trường đầu tư phải được thực hiện đồng bộ, thống nhất trên tất cả các nội dung, có trọng tâm, trọng điểm, trên cơ sở kế thừa, phát huy những thành tựu đã đạt được, đổi mới, sáng tạo phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh ở từng giai đoạn; bảo đảm thực chất, quyết liệt, hiệu quả. Ứng dụng mạnh mẽ và có hiệu quả cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư; tạo bước đột phá hiện đại hóa nền hành chính, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong quản lý và điều hành.

Bốn là, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của cấp trên đối với cấp dưới, đặc biệt là kiểm tra đột xuất việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức tại các Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã; chú trọng kiểm tra việc chấp hành quy định về thời gian làm việc, văn hóa công sở, tinh thần trách nhiệm, thái độ và năng lực giải quyết công việc đồng thời kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những cán bộ công chức những nhiều, có hành vi tiêu cực, thái độ không đúng mực trong thực thi công vụ.

Năm là, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của chính quyền cơ sở, chủ động tiếp thu và phản hồi các ý kiến của công

dân và xây dựng, thực hiện quy trình ban hành và thực thi chính sách có sự tham gia đầy đủ, mở rộng của mọi tầng lớp Nhân dân tạo ra một chính quyền mở, khuyến khích tạo cơ hội cho người dân tự nguyện tham gia vào các dự án, công trình công cộng. Công khai minh bạch cơ chế, chính sách, hoạt động của các cơ quan, đơn vị, địa phương nhất là trong công tác quy hoạch; nêu bật thế mạnh của tỉnh trong vùng đồng bằng sông Hồng và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

Thời gian tới, nắm lấy những thời cơ phát triển mới, lường trước những khó khăn thách thức và kế thừa những thành tựu quan trọng, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực sau 35 năm đổi mới cùng đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng, phát huy tinh thần tự lực tự cường và khẳng định quyết tâm của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các dân tộc tỉnh Quảng Ninh vượt qua mọi khó khăn, hóa giải các nguy cơ cùng với khát vọng đổi mới, sáng tạo và phát triển chúng ta sẽ cải thiện mạnh mẽ và thực chất hơn nữa môi trường đầu tư kinh doanh, duy trì vị trí dẫn đầu cả nước về chỉ số PCI và các chỉ số PAR Index, SIPAS và PAPI. Từ đó góp phần tích cực xây dựng tỉnh Quảng Ninh vươn lên thành khu vực năng động nhất, nơi đáng đến, đáng sống, nơi *“hạ cánh”* của các nhà đầu tư trong nước và thế giới, đến năm 2025 xây dựng Quảng Ninh trở thành tỉnh dịch vụ, công nghiệp hiện đại, là một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện của phía Bắc như mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV đã đặt ra, góp phần hiện thực hóa mục tiêu Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng về *“khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”* và hoàn thành tâm nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh về Quảng Ninh - Vùng đất vinh dự được Người đặt danh xưng Quảng Ninh và chín lần đón Người về thăm, cổ vũ, động viên./.

QUẢNG NINH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG THEO MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG XANH GÓP PHẦN THỰC HIỆN THÀNH CÔNG NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XV, NHIỆM KỲ 2020 - 2025

 **ThS. Hoàng Thị Thu Hiền**

Giảng viên Khoa Xây dựng Đảng

Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã thành công tốt đẹp. Trên cơ sở tổng kết thực tiễn thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2015 - 2020, Đại hội XV đã xác định mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững đến năm 2030, xây dựng Quảng Ninh là tỉnh kiểu mẫu, giàu đẹp, văn minh, hiện đại. Để hiện thực hóa mục tiêu này, tỉnh Quảng Ninh đã đưa ra nhiều giải pháp trong đó nhấn mạnh đến vấn đề đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển đổi phương thức phát triển từ “nâu” sang “xanh”.

1. Vấn đề đặt ra và sự lựa chọn của tỉnh Quảng Ninh trong quá trình phát triển

Quảng Ninh cùng với Hải Phòng và Hà Nội được xác định nằm trong tam giác tăng trưởng của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, điểm kết nối quan trọng của khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc. Bên cạnh đó, Quảng Ninh còn được biết đến là tỉnh giàu tài nguyên thiên nhiên với hơn 90% trữ lượng than đá của cả nước, có di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long... Đó là những tiền đề quan trọng để xây dựng Quảng Ninh trở thành tỉnh kiểu mẫu giàu đẹp, văn minh, hiện đại.

Tuy nhiên, với tốc độ tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn 2015 - 2020 luôn ở mức cao, bình quân là 10,7%, tỉnh cũng phải đối mặt với nhiều mâu thuẫn nổi lên, đặc biệt là mâu thuẫn giữa việc khai thác than, phát triển công nghiệp nhiệt điện, xi măng... với phát triển du

lịch, dịch vụ trên cùng một địa bàn. Nguy cơ ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng trực tiếp tới các ngành kinh tế có tính bền vững là rất lớn.

Để giải quyết những vấn đề này, Quảng Ninh xác định cần chuyển đổi phương thức phát triển theo mô hình tăng trưởng xanh.

2. Những kết quả bước đầu trong quá trình thực hiện mục tiêu tăng trưởng xanh

Từ năm 2015 đến nay, thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và triển khai thí điểm Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh nhằm mục tiêu phát triển kinh tế nhanh, bền vững của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cùng với sự hỗ trợ từ cơ quan hợp tác quốc tế JICA (Nhật Bản), tỉnh Quảng Ninh đã, đang xây dựng và thực hiện Dự án hỗ trợ kỹ thuật “*Thúc đẩy Tăng trưởng xanh khu vực Vịnh Hạ Long*”. Ngoài ra, nhằm tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức cho nhân dân và các doanh nghiệp trên địa bàn về việc phát triển kinh tế, sản xuất phải gắn với bảo vệ môi trường, tháng 7/2018, UBND tỉnh Quảng Ninh đã ban hành “*Sách Trắng về tăng trưởng xanh khu vực Hạ Long*”, Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 10/01/2020 của UBND tỉnh về thực hiện chủ đề công tác năm 2020 về “*Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và bảo đảm tăng trưởng kinh tế bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh*”.

Với quyết tâm bảo vệ môi trường, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng xanh, cụ thể hóa

phương châm “không đánh đổi môi trường để lấy sự tăng trưởng”, tỉnh Quảng Ninh đã tìm tòi, thực thi nhiều biện pháp cụ thể:

Trong lĩnh vực Công nghiệp: Từng bước thực hiện lộ trình dừng các khu vực khai thác than lộ thiên, các mỏ đá vôi, các nhà máy xi măng, nhiệt điện theo quy hoạch của Chính phủ; tập trung triển khai có hiệu quả đề án bảo vệ cấp bách ngành Than giai đoạn 2016-2020. Theo đó, ngành Than đã đầu tư trên 5.000 tỷ đồng cho các hạng mục công trình cải thiện môi trường. Để phù hợp với quy hoạch chung và bảo vệ môi trường cho khu vực di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long, Quảng Ninh đã chấm dứt hoạt động Nhà máy sàng tuyển than Nam Cầu Trắng từ ngày 01/01/2019; lập kế hoạch di dời 2 dự án xi măng Hạ Long 2 và Thăng Long 2 sang địa điểm mới; chi hàng trăm tỷ đồng lắp đặt các trạm quan trắc môi trường tự động (tính đến tháng 12/2020, trên địa bàn tỉnh đã có 143 trạm quan trắc môi trường tự động được đầu tư lắp đặt và đi vào hoạt động). Hiện nay, trên địa bàn tỉnh đã hình thành nhiều cụm công nghiệp tập trung như Kim Sen, Hà Khánh, Cẩm Thịnh.. có hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn. Tỉnh cũng xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ để di dời thành công 2.003 cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu dân cư, đưa vào các cụm công nghiệp tại các địa phương⁽¹⁾.

Với định hướng đúng đắn, kịp thời, cơ cấu trong khu vực công nghiệp đã có sự chuyển dịch: Tỷ trọng đóng góp ngành khai khoáng trong GRDP đã giảm từ 21,3% (2015) xuống

còn 17,3% (2020)⁽²⁾. Cùng với đó, tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ tăng lên và ngày càng đóng vai trò động lực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Vừa qua, tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Nghị quyết số 01-NQ/TU về phát triển nhanh, bền vững công nghiệp chế biến, chế tạo giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Trong lĩnh vực Nông nghiệp: Tỉnh đã ban hành chính sách để chuyển dần từ nền nông nghiệp tự cung, tự cấp, sản xuất theo hướng tự phát sang nền nông nghiệp sạch, hữu cơ, an toàn, ứng dụng công nghệ cao, sản xuất tập trung, quy mô lớn thông qua việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 194/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách khuyến khích đầu tư, liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp tỉnh Quảng Ninh; Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2019 - 2025, tầm nhìn đến 2030. Trong 5 năm (2016 - 2020), tỉnh đã bố trí ngân sách và huy động các nguồn lực với tổng mức kinh phí 1.544 tỷ đồng để hỗ trợ đầu tư hệ thống hạ tầng thiết yếu và phát triển sản xuất nông nghiệp⁽³⁾. Nhờ đó, hiệu quả kinh tế từ hàng trăm sản phẩm thương hiệu OCOP mang lại cho người sản xuất ngày càng tăng cao được Trung ương và các tỉnh đánh giá cao, nhân rộng ra cả nước, diện mạo nông thôn của tỉnh có nhiều đổi mới.

Trong lĩnh vực Dịch vụ: Trên cơ sở xác định ngành dịch vụ, du lịch là thế mạnh, đóng góp nhiều cho tăng trưởng của tỉnh trong thời gian qua, theo đó, tỉnh đã dành sự quan tâm, đầu tư mạnh mẽ để phát triển ngành dịch vụ, du lịch bằng nhiều giải pháp như: phát triển hạ tầng đồng bộ, hiện đại; kêu gọi nhà đầu tư chiến lược; chính sách đầu tư thông thoáng...

(1) Báo cáo kết quả thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2021 của Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Quảng Ninh

(2) (3) Báo cáo chính trị của BCH Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Đặc biệt đối với ngành du lịch, tỉnh Quảng Ninh đã lập Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch, tăng cường công tác quản lý môi trường kinh doanh du lịch và chủ trương khai thác tài nguyên thiên nhiên một cách hợp lý để phục vụ phát triển dịch vụ, du lịch theo hướng nhanh, bền vững. Dịch vụ, du lịch đang dần trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

Có thể thấy rằng, từ những định hướng cụ thể cùng sự điều hành linh hoạt, sáng tạo, cách triển khai bài bản, việc thực hiện mục tiêu tăng trưởng xanh gắn với bảo vệ môi trường, phát triển bền vững thời gian qua đã mang lại cho tỉnh Quảng Ninh những kết quả rất tích cực. Từ một tỉnh nguồn thu ngân sách phụ thuộc chủ yếu vào công nghiệp khai thác than, đến nay, Quảng Ninh đang dần phát triển theo hướng kinh tế xanh, thể hiện rõ nét ở cơ cấu kinh tế chuyển dịch ngày càng bền vững: tỷ trọng công nghiệp - xây dựng duy trì ổn định ở mức 49%; nông, lâm, thủy sản giảm từ 7,7% (2015) xuống 5,9% (2020); tỷ trọng khu vực dịch vụ và thuế sản phẩm tăng từ 43,1% (2015) lên 44,6% (2020); Thu nhập bình quân đầu người năm 2020 đạt 6.700 USD; năng suất lao động xã hội năm 2020 đạt 292,9 triệu đồng/người⁽¹⁾...

3. Vì một Quảng Ninh phát triển bền vững trong tương lai

Với mục tiêu phấn đấu đến năm 2025, Quảng Ninh thực hiện thành công Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và xây dựng Quảng Ninh phát triển bền vững, cần thực hiện đồng bộ những giải pháp sau:

Một là: Tiếp tục chuyển đổi phương thức phát triển từ “nâu” sang “xanh” dựa trên 3 trụ cột: Thiên nhiên - Văn hóa - Con người. Trong đó đặc biệt nhấn mạnh việc lấy đổi mới mô hình tăng trưởng, phát triển kinh tế xanh, tăng năng suất lao động làm định hướng; lấy phát

triển văn hóa, xây dựng văn minh sinh thái, tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường làm trọng điểm. Chú trọng cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng phát triển du lịch dịch vụ trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp phi khai khoáng.

Hai là: Nâng cao nhận thức của cộng đồng và các bên liên quan về tăng trưởng xanh.

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, phát huy vai trò của tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể, các cơ quan thông tin đại chúng trong tuyên truyền và bảo vệ môi trường; chú trọng việc xuất bản và mở rộng phạm vi bao phủ của ấn phẩm Sách trắng về Tăng trưởng xanh trên toàn tỉnh.

Nghiên cứu, lựa chọn được các nội dung giảng dạy về tăng trưởng xanh, công nghệ xanh, khai thác tài nguyên bền vững... vào các cấp học, bậc học phù hợp; tăng cường sự giám sát của cộng đồng, các cơ quan thông tin đại chúng đối với bảo vệ môi trường, nhằm nâng cao nhận thức của nhân dân, cộng đồng về chiến lược tăng trưởng xanh, tạo ra sự chuyển biến tích cực để mỗi cá nhân, tổ chức có hành động thiết thực đóng góp cho mục tiêu tăng trưởng xanh của tỉnh.

Ba là: Xây dựng và ban hành các cơ chế khuyến khích và thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới, ít tiêu hao nhiên liệu, giảm phát thải khí nhà kính và thân thiện với môi trường. Thông qua đó thúc đẩy các doanh nghiệp thay thế công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm bằng các công nghệ mới, hiện đại nhằm sử dụng hiệu quả hơn các nguồn tài nguyên.

Bốn là: Đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường, đầu tư và sử dụng đúng mục đích, hiệu quả kinh phí sự nghiệp môi trường của tỉnh. Huy động cộng đồng đóng góp nguồn lực để bảo vệ môi trường, đồng thời xác định mô hình xã hội hóa bảo vệ

(1) Báo cáo chính trị của BCH Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

môi trường, phù hợp với đặc điểm của từng địa phương. Thúc đẩy xây dựng các mô hình bảo vệ môi trường lồng ghép trong mô hình kinh tế - xã hội. Đầu tư nguồn ngân sách hợp lý để phát triển, đào tạo nguồn nhân lực phục vụ tăng trưởng xanh, trước mắt là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, hoạch định chính sách, chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội.

Năm là: Tiếp tục thực hiện tốt các quy hoạch, kế hoạch thúc đẩy tăng trưởng xanh.

Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, cần quan tâm đầu tư cho các chương trình, dự án vì tăng trưởng xanh như: xây dựng các công trình xanh; các dự án tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính; thực hiện

mục tiêu sản xuất xanh và lối sống xanh, tiêu dùng bền vững thông qua các dự án quản lý chất lượng nguồn nước, quản lý chất thải rắn, bảo tồn đa dạng sinh học... Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả 7 quy hoạch chiến lược của tỉnh đã được phê duyệt để làm nền tảng cho tăng trưởng xanh, cơ sở cho khai thác tối đa những cơ hội, tiềm năng của những yếu tố bền vững và giảm thiểu những thách thức hạn chế mà Quảng Ninh đang gặp phải. Trong quá trình thực hiện cần tiếp tục rà soát, đề xuất bổ sung chỉnh sửa những nội dung không phù hợp với thực tiễn và yêu cầu phát triển bền vững theo hướng tăng trưởng xanh của tỉnh./.

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN... (Tiếp theo trang 56)

Thứ sáu, phát triển Chính quyền số phục vụ cải cách hành chính tỉnh Quảng Ninh: Phát triển hạ tầng Chính quyền số; Cung cấp dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ thông minh, tiện ích phục vụ người dân và doanh nghiệp; Phát triển, hoàn thiện các hệ thống thông tin nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, chỉ đạo, điều hành của hệ thống chính trị toàn tỉnh; Số hoá và sử dụng dữ liệu hiệu quả trong hoạt động của các cơ quan đảng, mặt trận tổ quốc, tổ chức đoàn thể và các cấp chính quyền; Xây dựng và vận hành hiệu quả Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh...

Như vậy, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trên cơ sở sử dụng hạ tầng số hiện đại với nền tảng điện toán đám mây, các ứng dụng, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và nguồn nhân lực đủ mạnh để quản lý, vận hành... góp phần thực hiện mục tiêu hiện đại hóa nền hành chính thực hiện thành công nhiệm vụ xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, để nâng cao năng lực quản lý, điều hành và phục vụ công dân, doanh nghiệp tốt hơn. Điều này không chỉ đưa Quảng Ninh trở thành một

trong những địa phương đi đầu về chính quyền điện tử, đồng thời với các giải pháp về trí tuệ nhân tạo trong xử lý, phân tích dữ liệu lớn trên nền tảng điện toán đám mây, việc quản lý, điều hành và ra quyết định sẽ hướng tới mô hình quản trị thông minh với các hệ thống IOC/OC trong tương lai./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ Ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;

- Chương trình hành động số 36-CTr/TU ngày 10/01/2020 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Quyết định số 662/QĐ-UBND ngày 02/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt đề cương Đề án chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

“DÂN THỤ HƯỞNG” - VÌ MỤC TIÊU XÂY DỰNG MỘT QUẢNG NINH HẠNH PHÚC



ThS. Nguyễn Đức Phương

Giảng viên Khoa Nhà nước và Pháp luật

Đúc rút kinh nghiệm từ thực tiễn 35 năm đổi mới, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã bổ sung một nội dung mới, quan trọng và vô cùng ý nghĩa, đó là “dân thụ hưởng”, với phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” ⁽¹⁾. Việc đưa vấn đề “dân thụ hưởng” vào trong Văn kiện Đại hội Đảng đã và đang nhận được sự đồng thuận cao của Nhân dân cũng như các cấp, các ngành. Tại tỉnh Quảng Ninh, thực hiện đường lối đổi mới xây dựng đất nước, những năm qua đã đạt được nhiều thành quả trong phát triển kinh tế - xã hội, góp phần thiết thực không ngừng cải thiện nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.

THẾ NÀO LÀ “DÂN THỤ HƯỞNG”

“Dân thụ hưởng” là vấn đề phản ánh sự quan tâm thiết thực của Đảng, Chính phủ đến đời sống của người dân, tạo điều kiện, cơ chế, chính sách để người dân được thụ hưởng những thành quả của sự phát triển. Khi người dân được thụ hưởng, được thỏa mãn các lợi ích chính đáng, sẽ tạo thành động lực thúc đẩy mọi người hăng hái cống hiến, đóng góp nhiều hơn vào sự phát triển của xã hội. Theo GS.TS Phùng Hữu Phú: “*Trước đây chúng ta*

nói cơ chế dân chủ “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, lần này thêm “dân giám sát và dân thụ hưởng”. Đó là quy luật, làm phải được thụ hưởng, còn nếu làm không thụ hưởng không ai làm. Động lực chính là lợi ích. Lợi ích phải hài hòa tổng thể lợi ích của người dân, doanh nghiệp và Nhà nước. Chúng ta phải hoàn thiện điều này”.

Như vậy, khi nói “dân thụ hưởng” nghĩa là chúng ta nhấn mạnh việc thực hiện hóa nội dung “có làm có hưởng”. Đồng thời, nhấn mạnh đến sự bao trùm, đến đa số nhân dân, mọi giai cấp, mọi tầng lớp đều có cơ hội bình đẳng về mặt thụ hưởng thành quả của sự phát triển chứ không chỉ là một số nhóm xã hội hay những tầng lớp có ưu thế hơn. “Dân thụ hưởng” không chỉ đơn thuần là Đảng muốn hướng đến ý nghĩa sâu xa, bao quát, mà đó chính là việc thỏa mãn các lợi ích chính đáng, đa dạng trong xã hội của người dân, để biến lợi ích trở thành động lực cho sự phát triển. Đây là sự phát triển trong nhận thức của Đảng, là động lực hoàn thiện các chủ trương, đường lối của Đảng trong tiến trình phát triển, lãnh đạo đất nước.

MỘT SỐ KẾT QUẢ BƯỚC ĐẦU

Với quan điểm xuyên suốt, mỗi người dân Quảng Ninh đều được hưởng thành quả tăng trưởng bao trùm, không để ai bị bỏ lại phía sau hoặc bị gạt ra ngoài rìa, trong giai

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, H, 2021, t.2, tr.249, 248.

đoạn 2015 - 2020, Quảng Ninh đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách chăm lo bảo đảm an sinh xã hội, phúc lợi xã hội. Ngoài những chính sách chung của cả nước, tỉnh đã ban hành 19 chính sách riêng có của tỉnh về an sinh, phúc lợi xã hội, nổi bật như: chính sách bố trí nguồn lực đưa các xã, thôn ra khỏi diện đặc biệt khó khăn, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh; mức chi hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2018 - 2020; chính sách hỗ trợ trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh; một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19 đảm bảo an sinh xã hội và ổn định tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh...

Đặc biệt, Quảng Ninh đã ưu tiên bố trí nguồn lực lớn cho các vùng đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số, các đối tượng chính sách, yếu thế. Việc thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Qua đó, giúp đồng bào các dân tộc thiểu số trong tỉnh thụ hưởng đầy đủ, kịp thời những chương trình, dự án, chính sách của Đảng và Nhà nước, nhờ đó, đời sống vật chất, tinh thần của người dân vùng miền núi, biên giới, hải đảo ngày càng được nâng lên rõ rệt, kéo giảm chênh lệch vùng miền, góp phần bảo đảm an ninh - quốc phòng. Với bước đột phá nổi bật là Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh về “bố trí nguồn lực đưa các xã, thôn ra khỏi diện đặc biệt khó khăn, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng

Ninh” và Quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 17/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt Đề án “nhiệm vụ và giải pháp đưa các xã, thôn ra khỏi diện đặc biệt khó khăn, hoàn thành mục tiêu chương trình 135 giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh” (gọi tắt là Đề án 196), đây là cách làm riêng của tỉnh Quảng Ninh trong thực hiện Chương trình 135 đối với địa bàn đặc biệt khó khăn.

Qua hơn 4 năm thực hiện, có thể khẳng định Chương trình 135 - Đề án 196 đã đi vào cuộc sống, tạo được sự đồng thuận cao trong cộng đồng, xã hội, đặc biệt là tại địa bàn các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn, miền núi, biên giới; tạo sự thay đổi, chuyển biến rõ rệt về diện mạo nông thôn, miền núi, biên giới, địa bàn đặc biệt khó khăn, nhất là về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; tạo được chuyển biến lớn về nhận thức, từng bước khắc phục tư tưởng trông chờ ỷ lại trong một bộ phận nhân dân, đồng bào dân tộc thiểu số. Thông qua thực hiện Chương trình 135, Đề án 196 đã cải thiện và nâng cao một cách thực chất điều kiện sống của hộ nghèo, cận nghèo và người dân, góp phần giảm số hộ nghèo tại các xã đặc biệt khó khăn từ 5.322 hộ chiếm 34,22% vào cuối năm 2016 xuống còn **635** hộ chiếm 3,87% năm 2020, đã có **478** hộ dân tự nguyện viết đơn xin ra khỏi danh sách hộ nghèo khi đủ điều kiện (thể hiện sự chuyển biến lớn về nhận thức của đồng bào dân tộc thiểu số vùng lõi nghèo của tỉnh); thu nhập bình quân đầu người tại các xã đặc biệt khó khăn tăng từ 12,75 triệu đồng/người/năm cuối năm 2016 lên **32,62** triệu đồng/người/năm năm 2020 (đạt 128% so với mục tiêu cả giai đoạn 2017 - 2020).

Với sự quyết tâm cao, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở và sự tham gia chủ động, tích cực với vai trò chủ thể của cộng đồng, người dân tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn, sau 4 năm thực hiện Đề án 196, đến nay 100% các xã, thôn đặc biệt khó khăn của tỉnh đã đạt tiêu chí hoàn thành Chương trình 135, ra khỏi diện đặc biệt khó khăn (hoàn thành trước 01 năm so với lộ trình được phê duyệt ban đầu); tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện về công tác giảm nghèo ở địa bàn đặc biệt khó khăn, miền núi, biên giới của tỉnh; góp phần từng bước thu hẹp khoảng cách chênh lệch về mức sống giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng, các dân tộc trên địa bàn tỉnh.

Tỉnh cũng đã hoàn thành đưa điện lưới quốc gia đến 100% thôn, bản vùng cao, biên giới và các đảo có dân cư sinh sống. Mở rộng cơ hội tiếp cận các dịch vụ y tế, giáo dục chất lượng cao và nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa. Toàn tỉnh có 85% trường chuẩn quốc gia, tỷ lệ bác sĩ/vạn dân đạt 14,8, tỷ lệ giường bệnh/vạn dân đạt 54,6, tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 95%, đều cao hơn bình quân chung cả nước. Đó cũng chính là việc hướng đến các tiêu chí của “hạnh phúc” mà văn kiện Đại hội XIII đã nêu lên, trong đó cốt lõi là người dân phải được hưởng phúc lợi xã hội, hài hòa giữa đời sống vật chất và đời sống văn hóa tinh thần. Từ đây tạo những giá trị niềm tin bền vững.

Trong 5 năm qua, tổng chi cho an sinh xã hội của Quảng Ninh đạt khoảng 8.981 tỷ đồng, bình quân tăng 14,9%/năm, gấp 1,8 lần giai đoạn 2011 - 2015; bố trí hơn 2,6 nghìn tỷ

đồng thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới và đưa các xã, thôn ra khỏi diện đặc biệt khó khăn. Tỷ lệ dân cư thành thị được sử dụng nước sạch, dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh tăng lần lượt từ 93% và 91,4% năm 2015 lên 98% và 98,3% năm 2020. Hoàn thành việc triển khai hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở cho người có công (giai đoạn 2) với gần 4.000 hộ gia đình được thụ hưởng chính sách.

Các chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt, tín dụng ưu đãi cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số, hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn; đào tạo nghề, hỗ trợ việc làm được triển khai hiệu quả; nhận thức, ý chí vươn lên thoát nghèo của người dân tại địa bàn khó khăn được nâng lên; nhiều hộ dân đã tự nguyện xin ra khỏi diện hộ nghèo. Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí đa chiều giảm từ 4,56% năm 2015 xuống còn 0,36% năm 2020; giảm tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị còn 3,9%.

Ngay tại Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV (nhiệm kỳ 2020 - 2025) cũng đã xác định một trong 3 khâu đột phá trong nhiệm kỳ 2020 - 2025 của tỉnh là xây dựng nền văn hóa giàu bản sắc Quảng Ninh gắn với thu hẹp nhanh khoảng cách giàu nghèo và chênh lệch vùng miền trong tỉnh. Để thực hiện được khâu đột phá này, tỉnh đã xác định nhiệm vụ trọng tâm của cả nhiệm kỳ là phải kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế nhanh, bền vững với phát triển văn hóa, con người, xây dựng nền văn hóa giàu bản sắc Quảng Ninh; đảm bảo an sinh xã hội, không ngừng nâng cao phúc lợi xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; nhanh chóng thu hẹp khoảng

cách chênh lệch giàu nghèo giữa khu vực thành thị và nông thôn; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân.

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Chương trình hành động số 01-CT/TU ngày 09/10/2020 thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh cũng ban hành Chương trình hành động số 35, giao nhiệm vụ cho các sở, ngành chức năng, ủy ban nhân dân các địa phương thường xuyên rà soát, bổ sung, xây dựng cơ chế, chính sách kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế nhanh, bền vững với phát triển văn hóa, con người, xây dựng nền văn hóa giàu bản sắc Quảng Ninh. Trong đó phải đảm bảo an sinh xã hội, không ngừng nâng cao phúc lợi xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; nhanh chóng thu hẹp khoảng cách chênh lệch giàu nghèo giữa khu vực thành thị và nông thôn; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, đảm bảo kịp thời, theo quy định của pháp luật và phù hợp với yêu cầu thực tiễn khách quan.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP

Để tiếp tục cụ thể hóa, hoàn thiện thể chế thực hành dân chủ theo tinh thần Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) và Hiến pháp năm 2013, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân; thực hiện có hiệu quả phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”, trong thời gian tới, tỉnh Quảng Ninh cần chú trọng một số vấn đề sau:

Thứ nhất, để quan điểm, chủ trương

“dân thụ hưởng” của Đảng được thực hiện thắng lợi trong thực tiễn cần quyết tâm rất lớn từ nhận thức đến hành động của cả hệ thống chính trị. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong toàn tỉnh phải nhận thức thống nhất từ trên xuống dưới, nhất là đối với cấp xã - cấp chính quyền gần nhân dân nhất. Phương châm “dân thụ hưởng” chỉ trở thành hiện thực khi mối quan hệ giữa người dân và chính quyền trở thành dịch vụ công ích minh mạch, chứ không phải “xin - cho” hay “ban phát”. Theo đó, tỉnh cần tiếp tục hướng dẫn, giao nhiệm vụ cho cấp ủy, chính quyền địa phương; tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, các hội hợp pháp phối hợp chặt chẽ, hoạt động thuận lợi. Ban Dân vận tỉnh ủy cần tiếp tục tham mưu cho tỉnh quan tâm rà soát, quán triệt và thực hiện nghiêm túc những nội dung liên quan đến phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện quy chế dân chủ, đẩy mạnh phương châm “dân thụ hưởng”.

Thứ hai, cần tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo bền vững, bao trùm. Rà soát, quy hoạch lại các vùng dân cư ở một số địa bàn chậm phát triển, không thuận lợi cho việc phòng, chống thiên tai. Tập trung giải quyết dứt điểm nhu cầu cấp thiết về nhà ở, đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, khó khăn; sắp xếp ổn định định canh, định cư. Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù, chăm lo phát triển giáo dục, đào tạo, y tế; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động; tạo sinh kế, việc làm, nâng cao thu nhập cho lao động ở các xã nông thôn, miền núi; khơi dậy ý chí chủ động vươn lên thoát nghèo.

Thứ ba, tỉnh cũng cần tăng tỷ lệ chi đầu tư phát triển hạ tầng giao thông, hạ tầng viễn thông, hạ tầng văn hóa cho vùng phát triển chậm, kết nối với các trung tâm kinh tế, đô thị; khuyến khích các doanh nghiệp, các nhà đầu tư đầu tư vào các vùng nghèo, xã nghèo, khó khăn. Đồng thời, ưu tiên bố trí hợp lý nguồn lực đầu tư hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội khu vực các xã vùng cao, đảm bảo tính kết nối liên thông tổng thể, thực hiện chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng khai thác, phát huy tối đa giá trị, bản sắc văn hóa của các xã vùng cao. Xây dựng Đề án tổng thể về phát triển hoàn thiện hạ tầng giao thông, khai thác, phát huy tiềm năng, lợi thế du lịch, gắn với chuyển đổi kinh tế, cơ cấu lao động của địa phương, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số vùng sâu vùng xa, từng bước xóa đói giảm nghèo bền vững của các địa phương như Bình Liêu, Tiên Yên.

Thứ tư, để xây dựng niềm tin cho nhân dân vào Đảng, vào hệ thống chính trị, tỉnh cần đẩy mạnh hơn nữa công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tập trung vào chỉnh sửa lề lối, tác phong làm việc của đội ngũ cán bộ. Cán bộ, công chức phải thực sự cầu thị, coi trọng ý kiến, phản ánh của người dân cũng như gần gũi, hiểu rõ tâm tư, nguyện vọng và bức xúc của người dân để đối thoại, tiếp thu, phản hồi, xử lý nhanh nhạy, kịp thời và hiệu quả. “*Dân thụ hưởng*” phải được bắt đầu từ việc “trọng dân, gần dân, tin dân, hiểu dân, học dân, dựa vào dân và có trách nhiệm với dân” ⁽¹⁾ của đội ngũ công chức, viên chức. Đội

ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị phải luôn thấm nhuần bài học: Đảng ta lấy lợi ích của nhân dân để định hướng mục tiêu lãnh đạo, lấy sự ủng hộ của nhân dân làm chỗ dựa cho hành động; lấy sự hài lòng của nhân dân làm thước đo kết quả.

Thứ năm, cần nghiên cứu, xây dựng chế tài cụ thể để đảm bảo điều kiện thực thi “*dân thụ hưởng*”. Theo đó, nếu không làm hoặc làm sai thì phải chịu trách nhiệm. Thậm chí, nếu gây ảnh hưởng đến lợi ích, quyền lợi chính đáng của dân thì phải bị xử lý trách nhiệm và đền bù thỏa đáng. Chỉ có như vậy mới khắc phục được tình trạng chế tài chưa đủ mạnh, chưa đủ tính răn đe; dẫn đến đường lối đúng, chủ trương hay nhưng lại bị “méo mó, biến dạng” khi đưa vào thực tiễn cuộc sống.

Cần phát huy quyền làm chủ của người dân gắn quyền lợi với trách nhiệm. Khuyến khích, nâng cao nhận thức cho người dân, tạo điều kiện thúc đẩy việc lắng nghe, trao đổi, đối thoại. củng cố cơ chế khiếu nại, tố cáo cho hiệu quả. Cần có hình thức trọng tài bảo vệ quyền của người dân khi bị ảnh hưởng.

Từng mốc thành công của Quảng Ninh ngày càng củng cố thêm niềm tin của người dân, cộng đồng doanh nghiệp, nhà đầu tư. Kết quả điều tra xã hội học, khảo sát đánh giá chỉ số niềm tin của nhân dân trên toàn tỉnh năm 2018 đạt 85,1%, năm 2019 đạt 95%, năm 2020 đạt trên 96%. Điều này góp phần đưa Quảng Ninh không chỉ là địa bàn phát triển kinh tế - xã hội nhanh, mạnh, bền vững, mà tiếp tục nâng cao chỉ số hạnh phúc của nhân dân, là nơi “sản sinh lợi nhuận và nhiều giá trị lâu dài” cho nhà đầu tư, doanh nghiệp./.

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd, t.1, tr 118.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC TỔ CHỨC CÁC LỚP BỒI DƯỠNG CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ THEO HÌNH THỨC HỌC TRỰC TUYẾN



ThS. Trần Ngọc Sơn

*Giám đốc Trung tâm Hợp tác
đào tạo và Phát triển NNL*

Để triển khai thực hiện tốt các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ngay từ đầu năm 2020, Đảng ủy, Ban Giám hiệu Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ đã chủ động chỉ đạo các bộ phận chuyên môn nghiên cứu nhiều ứng dụng phần mềm đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến và đã lựa chọn phần mềm ứng dụng Meet, Classroom trong gói giải pháp cho giáo dục của Google (G Suite for Education) phục vụ công tác đào tạo trực tuyến, được tỉnh Quảng Ninh, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đánh giá cao và là một trong những trường đầu tiên trong hệ thống các trường Chính trị triển khai thành công các lớp bồi dưỡng theo hình thức giảng dạy trực tuyến.

1. Thực trạng công tác triển khai và tổ chức giảng dạy các lớp bồi dưỡng theo hình thức trực tuyến tại trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ

Thực hiện Quyết định số 1604-QĐ/HVCTQG ngày 22/4/2021 về ban hành Quy định về tổ chức giảng dạy, quản lý đào tạo trực tuyến tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Công văn số 499-CV/HVCTQG ngày 13/5/2021 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về việc tổ chức đào tạo bồi

dưỡng trực tuyến tại các trường Chính trị cấp tỉnh, Thông báo số 1886-TB/TU ngày 13/8/2020 của Tỉnh ủy Quảng Ninh về ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy tại hội nghị giao ban ngày 10/8/2020, năm 2021, Ban Giám hiệu đã tiếp tục chỉ đạo bộ phận chuyên môn liên hệ, đàm phán với Google để đăng ký, xác thực tên miền thuộc đơn vị giáo dục, thiết lập ứng dụng và truy cập các tính năng nâng cao trong hệ thống quản trị: cấu hình DNS tên miền cho dịch vụ G Suite for Education, thêm người dùng, tạo admin quản trị... Trong đó, bộ ứng dụng cho giáo dục (G Suite for Education) là một bộ công cụ kết nối hoàn toàn miễn phí theo tên miền riêng của các đơn vị giáo dục, giúp giáo viên, giảng viên kết nối, dạy học trực tuyến, trao đổi, lưu trữ một cách an toàn, hỗ trợ việc học tập và kết nối trao đổi thông tin giữa học viên và giảng viên.

Đến nay, Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ đã cấp các tài khoản cho đội ngũ giảng viên và học viên để phục vụ việc giảng dạy, học tập của các lớp bồi dưỡng theo hình thức trực tuyến. Quá trình triển khai thực hiện cho thấy một số tồn tại hạn chế:

* *Đối với giảng viên:* Đội ngũ giảng viên chủ yếu là lãnh đạo các sở, ban, ngành của tỉnh, có trình độ chuyên môn sâu nhưng hạn chế về nghiệp vụ sư phạm, chưa quen với

hình thức giảng trực tuyến nên thời gian đầu chưa đáp ứng được yêu cầu của phần học hệ thống học liệu điện tử còn hạn chế. Tuy nhiên với sự hỗ trợ về chuyên môn và kỹ thuật của lãnh đạo trường và đội ngũ kỹ thuật, những bất cập ban đầu đều nhanh chóng được khắc phục. Đến nay, đội ngũ giảng viên đều thực hiện tốt các bài giảng.

** Đối với học viên:* Là những cán bộ làm chuyên môn ở các địa phương, đơn vị việc tiếp cận, ứng dụng công nghệ thông tin còn gặp khó khăn, ngại đổi mới; một số chưa nắm bắt kịp thời các kỹ năng cơ bản trong học trực tuyến (kỹ năng tập trung trong môi trường số; kỹ năng làm việc nhóm online; kỹ năng tương tác trong không gian mạng, khả năng tiếp cận với internet của đội ngũ công chức, viên chức ở các địa phương, đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa còn hạn chế).

** Về cơ sở vật chất, trang thiết bị:* Nhà trường trang bị các phòng học trực tuyến với các thiết bị cần thiết như đường truyền Internet tốc độ cao, thiết bị phát wifi, Camera, các thiết bị âm thanh chuyên dụng... phục vụ cho công tác giảng dạy trực tuyến, tuy nhiên, cơ sở vật chất của các phòng học vẫn còn chưa đồng bộ. Cơ sở hạ tầng kết nối của người học còn hạn chế (máy vi tính còn thiếu; tốc độ đường truyền mạng còn chậm...). Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả bồi dưỡng.

Mặc dù còn có nhiều khó khăn, bất cập, nhưng với quyết tâm rất cao của tập thể Ban Giám hiệu và đội ngũ giảng viên, kỹ thuật viên đến nay Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ đã tổ chức được 85 lớp học theo hình thức trực tuyến. Đặc biệt từ đầu năm 2021 đến nay, Ban Giám hiệu Nhà trường đã chỉ đạo Trung tâm Hợp tác đào tạo và Phát triển nguồn nhân

lực phối hợp với các sở, ban, ngành tổ chức giảng dạy 15 lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ với 1.200 lượt học viên.

Qua triển khai các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo hình thức trực tuyến Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ đã nhận được sự đồng thuận và đánh giá cao của lãnh đạo tỉnh, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, giảng viên và học viên về hiệu quả trong việc ứng dụng hệ thống Google Meet vào giảng dạy và học tập trực tuyến.

2. Một số giải pháp nhằm tổ chức tốt các lớp bồi dưỡng theo hình thức trực tuyến

Với kết quả đạt được, để tổ chức, thực hiện tốt các bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo hình thức học trực tuyến tại Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ trong thời gian tới, Nhà trường cần tiếp tục thực hiện tốt một số giải pháp sau:

Thứ nhất, tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông, tuyên truyền về lợi ích của công tác đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến, từ đó làm cho giảng viên và học viên thích thú khi tham gia dạy và học trên hệ thống đào tạo trực tuyến. Nhằm tạo ra được một môi trường học tập mọi lúc, mọi nơi và tạo ra môi trường học tập suốt đời cho cán bộ, công chức viên chức và nhân dân trong tỉnh.

Thứ hai, lựa chọn đội ngũ báo cáo viên có kinh nghiệm, tích cực đổi mới phương pháp giảng và có các kiến thức thực tiễn để người học muốn được tham gia các khóa học nhằm bổ sung kiến thức, kỹ năng mới. Tập huấn kỹ năng sử dụng hệ thống, các trang thiết bị và thiết kế bài giảng điện tử để thích ứng với việc giảng dạy theo hình thức trực tuyến.

(Xem tiếp trang 76)

CÁC GIẢI PHÁP VỀ THỰC HIỆN ĐẠO ĐỨC CÔNG VỤ TRONG THỰC THI CÔNG VỤ ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ TẠI QUẢNG NINH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY.



ThS. Bùi Thị Tươi

Trưởng Khoa Xây dựng Đảng

Đối với mỗi cán bộ, công chức, đạo đức là gốc, là nền tảng để quyết định mọi vấn đề có liên quan đến chất lượng thực thi công vụ. Trong giai đoạn xã hội có nhiều biến đổi nhanh, mạnh mẽ và có những diễn biến phức tạp như hiện nay, hơn lúc nào hết những giá trị về đạo đức, nhất là đạo đức công vụ, yếu tố “lương tâm nghề nghiệp” càng được đề cao.

Trong những năm qua, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh đã ban hành các kế hoạch học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; các nghị quyết gắn với nhiệm vụ chính trị trọng tâm như: Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đưa việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trở thành công việc thường xuyên của các cấp ủy, chi bộ, cơ quan, đơn vị và từng cán bộ, đảng viên. Bên cạnh đó, Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành đồng bộ các văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, đạo đức công vụ; chú trọng các giải pháp mang tính phòng ngừa; xây dựng quy chế, cơ chế giám sát về tham nhũng, suy thoái; chỉ đạo kiểm điểm nghiêm túc, cầu thị để xây dựng thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, đạo đức công vụ cho đảng viên, cán bộ, công chức và nhân dân trên địa bàn.

Để nâng cao đạo đức công vụ của đảng viên, cán bộ, công chức trong thực thi công vụ, đặc biệt là cán bộ, công chức cấp xã - cấp gần dân nhất trong giai đoạn hiện nay, tôi tiếp cận với các nội dung sau:

Thứ nhất, về nội hàm và bản chất của đạo đức công vụ

Đạo đức học là một phạm trù triết học nhân sinh được đặt ra rất sớm từ thời A-ri-xtốt (Aristode, 384 - 322 trước Công nguyên). Trong xây dựng và phát triển đất nước hiện nay, đạo đức nghề nghiệp được đặt ra và thể hiện ở hai **phẩm chất đức - tài** của người lãnh đạo, quản lý, của người cán bộ, công chức nói chung. Khi công chức thực thi công vụ được xác định là một nghề đặc biệt, lại càng cần một phẩm chất đặc biệt của người “công bộc” của dân. Ngay từ những năm 50 của thế kỷ XX, Bác Hồ đã ký Sắc lệnh số 76/SL, ngày 20 - 5 - 1950 về việc ban hành Quy chế công chức do Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ban hành, đưa ra bốn tiêu chí trong câu nói ngắn gọn: “**Công chức là đầy tớ, công bộc của dân**”, có 4 **phẩm chất “Cần - Kiệm - Liêm - Chính**”. Đó cũng chính là những giá trị đạo đức cần được hình thành trong đội ngũ cán bộ, công chức hiện nay của Việt Nam.

Bên cạnh đó, một đặc trưng quan trọng của đạo đức nghề nghiệp từ các nghiên cứu tập trung vào yếu tố “**lương tâm nghề**

ngiệp". "Lương tâm nghề nghiệp" không chỉ chứa đựng trạng thái tình cảm, tâm lý mà còn là một động lực bên trong tạo ra thái độ ứng xử, thái độ trách nhiệm với nghề, với sản phẩm mình làm ra, nhiệm vụ mình thực hiện. Đây là mối quan hệ tương tác quan trọng hình thành nhân cách, đạo đức, giá trị của người cán bộ, công chức trong thực thi công vụ, cùng với nó hình thành nghĩa vụ với nghề nghiệp, thành "ngiệp" của mỗi người.

Trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, đề cao tính tối thượng của pháp luật, khi xác định công chức là một nghề đặc biệt, nghĩa là đòi hỏi người công chức có một phẩm chất đặc biệt, đó là đạo đức công vụ. Căn cứ vào các quy định pháp luật và thực tiễn quản lý đội ngũ công chức hiện hành, có thể khái quát một số giá trị về đạo đức công vụ (ĐĐCV) của đội ngũ công chức như sau: sự trung thành với Đảng và Nhà nước; chấp hành nghiêm Hiến pháp và pháp luật, quy chế làm việc trong thực thi công vụ. Sự chấp hành Hiến pháp, pháp luật là tiêu chí không thể thiếu để đánh giá đạo đức của cán bộ công chức (CBC) trong hoạt động công vụ và cả trong cuộc sống; CBC phải có ý thức tổ chức kỷ luật; thái độ, tinh thần phục vụ người dân; động cơ, mục đích làm việc trong sáng; tinh thần, trách nhiệm cao trong thực hiện công việc; tinh thần học hỏi để phát triển.

Thứ hai, về thực trạng việc xây dựng đạo đức công vụ đối với cán bộ, công chức cấp xã tỉnh Quảng Ninh

Đối với cán bộ, công chức cấp xã đạo đức công vụ được đánh giá với việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công sở, tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân, trách nhiệm trong giải quyết công việc của đội ngũ cán bộ, công chức. Thực trạng về việc thực

hiện các nội dung về thực hiện đạo đức công vụ của cán bộ công chức cấp xã chủ yếu thể hiện từ năm 2020 đến nay như sau:

Các cơ quan, đơn vị đã nghiêm túc thực hiện quy định về thời giờ làm việc; số lượng cán bộ, công chức, viên chức có mặt tại nơi làm việc cơ bản đầy đủ, nhất là cán bộ, công chức được phân công trực tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã. Các trung tâm phục vụ hành chính công đã bố trí cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên làm việc cơ bản theo quy định; về tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân, trách nhiệm trong giải quyết công việc của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có ý thức làm việc nghiêm túc, trách nhiệm, thái độ hòa nhã, đúng mực với nhân dân. Không có hiện tượng cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên sử dụng rượu, bia, đồ uống có cồn trong giờ làm việc và giờ nghỉ trưa của ngày làm việc. Về công tác tiếp công dân: Cơ bản các cơ quan, đơn vị đã bố trí phòng tiếp công dân riêng, thực hiện niêm yết nội quy, thời gian tiếp công dân; ban hành quy chế tiếp công dân, phân công cán bộ, công chức tiếp công dân thường xuyên, người đứng đầu cấp ủy và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tiếp công dân định kỳ, thiết lập sổ tiếp công dân và ghi chép các thông tin về tiếp công dân theo quy định.

Về hoạt động tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính: Kết quả kiểm tra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại các xã, phường, thị trấn cho thấy các đơn vị đã bố trí đủ số lượng cán bộ, công chức làm việc. Đội ngũ cán bộ, công chức tại bộ phận này đã thực hiện việc hướng dẫn, tiếp nhận, thẩm định, trình phê duyệt, trả kết quả cho người dân theo đúng nội quy, quy định; đối với các trung tâm phục vụ hành chính công đơn vị đã bố trí đủ số lượng cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên làm việc tại các vị trí chức danh

đảm nhiệm theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh. Đồng thời thực hiện việc hướng dẫn, tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt, trả kết quả tại một đầu mối cho tổ chức, công dân cơ bản theo đúng các quy định hiện hành.

Tuy nhiên, về chấp hành thời giờ làm việc, bố trí, phân công cán bộ, công chức trong thực thi nhiệm vụ tại một số nơi còn có cán bộ, công chức, viên chức thực hiện thời giờ làm việc chưa đúng quy định; một số đơn vị chưa thực hiện nghiêm túc công tác tiếp công dân. Một số đơn vị thực hiện chưa nghiêm túc các quy định về tiếp nhận và trả kết quả, chưa niêm yết đầy đủ, niêm yết chưa đúng cách thức thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực⁽¹⁾.

Như vậy, để đánh giá về thực trạng cán bộ, công chức cấp xã trong việc thực hiện đạo đức công vụ chỉ dừng lại ở việc thực hiện các nhiệm vụ của cán bộ, công chức trực tiếp thực hiện các công việc liên quan đến giải quyết các mối quan hệ với nhân dân, về thái độ làm việc với nhân dân mà chưa cho thấy được kết quả sự chuyển biến về nhận thức tư tưởng của cán bộ, công chức; vai trò của cơ quan quản lý cán bộ, công chức trong việc rèn luyện đạo đức, lối sống; sự chuyển biến trong tinh thần, trách nhiệm trong thực hiện công việc; chưa có đánh giá cụ thể để đo lường kết quả hoạt động của cán bộ, công chức khi thực hiện tốt các quy định về đạo đức công vụ.

Thứ ba, để nâng cao đạo đức công vụ trong giai đoạn hiện nay, cần triển khai thực hiện các giải pháp cơ bản sau:

Một là, kịp thời tuyên truyền, quán triệt sâu sắc các văn bản mới có tính định hướng

(1) Báo cáo kết quả kiểm tra đột xuất việc thực hiện nhiệm vụ công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công sở, văn hóa giao tiếp với nhân dân tại các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2020/ tháng 5-2021

cao trong công tác về xây dựng đạo đức: Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng về xây dựng Đảng về đạo đức trong đó nhấn mạnh giải pháp “*Kiên quyết, kiên trì thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về xây dựng Đảng gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh bằng các giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt, đồng bộ để ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ...*”; “*nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện các chuẩn mực đạo đức cách mạng phù hợp với điều kiện mới và truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc để làm cơ sở cho cán bộ, đảng viên tự giác tu dưỡng, rèn luyện, tự điều chỉnh hành vi ứng xử trong công việc hằng ngày. Đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng, làm cho mỗi cán bộ, đảng viên thấy rõ bổn phận và trách nhiệm của mình, luôn vững vàng trước mọi khó khăn, thách thức và không bị cám dỗ bởi vật chất, tiền tài, danh vọng; đấu tranh có hiệu quả với mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, bệnh quan liêu, cơ hội, cục bộ, bè phái, mất đoàn kết nội bộ. Nâng cao ý thức tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng suốt đời, thường xuyên “tự soi”, “tự sửa” và nêu cao danh dự, lòng tự trọng của người đảng viên. Kịp thời biểu dương những điển hình tiên tiến, những tấm gương sáng về đạo đức, lối sống; đấu tranh mạnh mẽ với các biểu hiện lệch lạc và xử lý nghiêm những hành vi vi phạm đạo đức, lối sống*”.⁽²⁾

Bên cạnh đó, các cán bộ, công chức cần triển khai và thực hiện tốt Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII về “*Đẩy mạnh học tập và làm theo tư*

(2) Báo cáo BCH Trung ương khóa XII về tổng kết công tác Xây dựng đảng và thi hành Điều lệ Đảng .

tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” gắn với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về “Tăng cường xây dựng chính quyền Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”; Quy định số 04-QĐ/TU, ngày 07/6/2017” Về việc rèn luyện, giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống; không suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” đối với cán bộ, đảng viên”.

Hai là, thực hiện tốt vai trò nêu gương của cán bộ lãnh đạo, nhất là vai trò của người đứng đầu trong việc thực hiện đạo đức công vụ. Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đã nhận diện 27 biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Bộ Chính trị ban hành Quy định số 55-QĐ/TW về một số việc cần làm ngay để tăng cường vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, kịp thời chấn chỉnh tác phong công tác, lối sống xa hoa, lãng phí gây phản cảm trong xã hội và gương mẫu thực hiện nếp sống văn minh, giản dị, tiết kiệm. Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành Quy định số 08-QĐi/TW về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là ủy viên Bộ Chính trị, ủy viên Ban Bí thư, ủy viên Ban Chấp hành Trung ương. Do vậy các cấp ủy, tổ chức đảng đề cao nhận thức và hành động của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đảng viên giữ vị trí lãnh đạo, quản lý.

Ba là, CBCC phải có ý thức tổ chức kỷ luật, thể hiện ở sự tự giác, nghiêm túc tuân thủ nghiêm quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị; tập trung vào thực hiện các mệnh lệnh được cấp trên giao và sự tuân thủ của người công chức đó đối với nội quy, quy chế, quy định pháp luật, quy trình làm việc trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình. Các đơn vị tự kiểm tra, rà

soát, nghiêm túc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công sở theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 413/UBND-TH2 ngày 22/01/2020; Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 20/01/2020 về nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và công tác thanh tra phòng, chống tham nhũng và khắc phục một số tồn tại, hạn chế; kiểm điểm, rút kinh nghiệm và có hình thức xử lý nghiêm đối với đơn vị, những cán bộ, công chức vi phạm về thời giờ làm việc và những đơn vị thực hiện không đúng quy định về công tác tiếp công dân; khắc phục ngay những hạn chế đã nêu trên, đảm bảo tuân thủ đầy đủ, đúng quy định, đúng các tiêu chí về tổ chức và hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại các cơ quan, địa phương tại Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp.

Bốn là, thường xuyên rà soát, cập nhật kịp thời, công khai đầy đủ, đúng cách thức thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền, thủ tục hành chính có liên thông theo thẩm quyền ở tất cả các lĩnh vực trên cổng thông tin điện tử thành phần, tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của đơn vị, địa phương quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010, Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính, Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thực hiện Nghị

định số 61/2018/NĐ-CP và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại các văn bản số 4669/UBND-TH4 ngày 29/6/2017 về triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 21/9/2018 triển khai thực hiện Quyết định số 945/QĐ-TTg ngày 08/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 và các văn bản hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Nội vụ.

ĐĐCV của công chức là yếu tố cốt lõi bảo đảm cho hoạt động của công chức nói

riêng và công tác quản lý nhà nước nói chung. Đây vừa là yếu tố cấu thành vừa là yếu tố ảnh hưởng đến năng lực thực thi công vụ của đội ngũ công chức. Việc hình thành nên các chuẩn mực ĐĐCV của công chức là rất quan trọng. Trong bối cảnh mới hiện nay, việc nâng cao ĐĐCV của đội ngũ công chức cấp xã - cấp chính quyền trực tiếp gần với nhân dân càng trở nên cấp bách, được xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền nhà nước giai đoạn hiện nay./.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP...

(Tiếp theo trang 71)

Thứ ba, xây dựng hệ thống tài liệu học tập, để kiểm tra, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, tài liệu tham khảo... cung cấp trên hệ thống đào tạo trực tuyến của Nhà trường, nhằm bổ sung các kiến thức hỗ trợ cho giảng viên và học viên. Kết thúc lớp bồi dưỡng các học viên cần viết bài thu hoạch nộp về ban tổ chức lớp thông qua hệ thống trực tuyến, để đánh giá chất lượng của các lớp học và tính hiệu quả đối với chương trình bồi dưỡng.

Thứ tư, đẩy mạnh công tác quản lý lớp: bằng nhiều hình thức điểm danh để đảm bảo học viên tham gia đầy đủ thời gian lên lớp, tránh tình trạng học viên tham gia nhưng không theo dõi bài giảng và tham gia thảo luận, cán bộ quản lý lớp cần điểm danh trực tiếp hoặc bằng mã số, giảng viên cần giao bài tập, tình huống thường xuyên gọi các học viên phát biểu, trả lời câu hỏi...

Thứ năm, đổi mới công tác nhận xét, đánh giá học viên: Để nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng và phát huy tối đa khả

năng tự học của học viên, cần tăng cường sự kiểm tra, đánh giá học viên thông qua kết quả học tập bằng các bài kiểm tra trắc nghiệm và các bài viết tự luận trên hệ thống đào tạo trực tuyến. Đánh giá tính chuyên cần của học viên thông qua nhận xét qua giảng viên và cán bộ quản lý, theo dõi các lớp học.

Để tiếp tục triển khai có hiệu quả các lớp bồi dưỡng phù hợp với tình hình mới, vừa phòng chống dịch Covid-19, vừa triển khai được kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2021 và các năm tiếp theo, việc mở các lớp theo hình thức học trực tuyến là một giải pháp phù hợp, nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng của cán bộ công chức, viên chức nói riêng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nói chung, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV./.



CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG TẠI TRƯỜNG ĐÀO TẠO CÁN BỘ NGUYỄN VĂN CỪ TỈNH QUẢNG NINH



ThS. Phan Thị Hải Yến

Trưởng Khoa Nhà nước và pháp luật

Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã thành công tốt đẹp, là sự kiện chính trị có ý nghĩa lịch sử đặc biệt, dấu mốc quan trọng trong quá trình phát triển của Đảng ta, dân tộc ta, đất nước ta. Nghị quyết Đại hội đã xác định mục tiêu tổng quát, trong đó nhấn mạnh: *“thực hiện chuyển đổi số quốc gia một cách toàn diện phát triển kinh tế số, xã hội số”*. Mục tiêu cụ thể về phát triển kinh tế số trong Văn kiện Đại hội XIII đã chỉ rõ phấn đấu đến năm 2030, hoàn thành xây dựng chính phủ số, đến năm 2025, kinh tế số đạt khoảng 20% GDP và đứng trong nhóm 50 quốc gia hàng đầu thế giới và xếp thứ 3 trong khu vực ASEAN về chính phủ điện tử và kinh tế số.

Để kịp thời bắt nhịp với xu thế phát triển trong tình hình mới, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 - 9 - 2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trong đó nhấn mạnh yêu cầu cấp bách để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số. Trên cơ sở đó, Chính phủ đã ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW, đồng thời Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị 01/CT-TTg ngày 14 - 1 - 2020 về “Thúc đẩy phát triển công nghệ số Việt Nam”, Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3 - 6 - 2020 phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

Ba đột phá chiến lược được nêu trong Văn kiện Đại hội XIII về hoàn thiện đồng bộ thể chế, phát triển nguồn nhân lực và xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đều gắn liền với chuyển đổi số. Trong đó, về chiến lược xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh một yếu tố rất quan trọng, đó là chú trọng phát triển hạ tầng thông tin viễn thông, tạo nền tảng chuyển đổi số quốc gia, từng bước phát triển kinh tế số và xã hội số.

Chương trình chuyển đổi số quốc gia từ năm 2020 đến năm 2025, định hướng 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt với 3 trụ cột là Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

Kể từ khi dịch Covid-19 bùng phát cho đến nay, việc hạn chế tập trung đông người để phòng tránh dịch đã kéo theo nhiều thay đổi trong đời sống kinh tế - xã hội, trong đó có lĩnh vực giáo dục. Việc chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo để thích ứng với đại dịch đã được triển khai mạnh mẽ và thu được nhiều kết quả tích cực. Các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp, các trường phổ thông... đã dần chuyển đổi số, từ dạy học tập trung sang dạy học trực tuyến, số hóa bài giảng và tài liệu học tập, sử dụng công nghệ số để quản lý người học, quản lý chất lượng đào tạo. Tuy nhiên trong giảng dạy lý luận chính trị, chuyển đổi số vẫn là điều mới mẻ với nhiều cơ sở đào tạo. Trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến

phức tạp trên cả nước, để đảm bảo vừa tổ chức phòng, chống dịch bệnh có hiệu quả, vừa thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch đã được phê duyệt. Trên cơ sở đề xuất của các trường chính trị, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đã ban hành Công văn số 494-CV/HVCTQG ngày 13 - 5 - 2021 về việc *“Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến tại các trường chính trị cấp tỉnh”*, Quyết định 1604-QĐ/HVCTQGHCM ngày 22/4/2021 về *“Ban hành quy định về tổ chức giảng dạy, quản lý đào tạo trực tuyến tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh”* của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Đây là cơ sở pháp lý cho phép và hướng dẫn các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức giảng dạy, quản lý đào tạo bằng hình thức trực tuyến. Ngày 21 - 5 - 2021, Hiệu trưởng Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ ban hành Quy định số 159-QĐi/TĐTCB về *“tổ chức giảng dạy, quản lý, đào tạo bồi dưỡng trực tuyến”*.

Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ là đơn vị tiên phong đầu tiên trong hệ thống các trường Chính trị thực hiện giảng dạy trực tuyến các chương trình bồi dưỡng từ tháng 4/2020. Để dạy học trực tuyến, trước tiên BGH Nhà trường làm tờ trình xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy về giảng dạy trực tuyến, chỉ đạo xây dựng và ban hành Quy chế bồi dưỡng trực tuyến, tạo cơ sở và hành lang pháp lý để thực hiện. Nhà trường có một tổ kỹ thuật CNTT, tập huấn cho đội ngũ giảng viên trong toàn trường để giảng viên làm chủ được trong mọi tình huống khi giảng dạy trực tuyến. Quy trình được thực hiện bài bản từ khâu lập danh sách, tiếp nhận học viên, khai giảng, lên lớp, bảo mật thông tin, quản lý lớp học đến lúc bế giảng được thiết lập chặt chẽ. Sau đó BGH yêu cầu các giảng viên

soạn giáo án, thay đổi phương pháp và giảng thử để tổ chức rút kinh nghiệm.

Cùng với đó, trước khi thực hiện chính thức trên lớp, giáo viên chủ nhiệm được giao nhiệm vụ khảo sát điều kiện, trang thiết bị học tập của học viên và báo cáo BGH để quyết định có giảng dạy trực tuyến hay không đối với từng lớp học. Với những lớp đủ điều kiện dạy học trực tuyến, giáo viên chủ nhiệm chịu trách nhiệm tập huấn cho học viên, thiết kế lớp học và quán triệt quy chế dạy học trực tuyến của Trường để học viên làm quen với cách học này.

Do đây là hình thức học tập mới, nên việc quản lý học viên cũng là vấn đề cần được quan tâm, đặc biệt của BGH, phòng Quản lý đào tạo và NCKH, cũng như các khoa chuyên môn. BGH nhà trường đã quan tâm chỉ đạo sát sao vấn đề này, theo đó mỗi buổi lên lớp của giảng viên sẽ có đồng chí trong BGH, lãnh đạo phòng Quản lý đào tạo và Nghiên cứu khoa học, giáo viên chủ nhiệm và đồng chủ nhiệm lớp tham gia để quản lý lớp học. Với cách chỉ đạo và tổ chức thực hiện như trên, trong thời gian từ tháng 4/2020 đến tháng 8/2021, trước tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, Nhà trường đã tổ chức bồi dưỡng trực tuyến gần 40 lớp, với 2.600 học viên các chương trình: chuyên viên, chuyên viên chính, lãnh đạo cấp phòng, văn hóa công sở.... Ngoài ra, trường tổ chức Hội thảo cấp tỉnh, cấp trường kết nối các điểm cầu với Học Viện Chính trị Quốc gia và một số trường Chính trị trong cả nước. Triển khai các hoạt động trực tuyến khác như: tham gia tập huấn giáo trình mới của Học viện Chính trị quốc gia tổ chức; họp xét tốt nghiệp các lớp, giao ban hội nghị để đảm bảo yêu cầu vừa thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn, vừa phòng chống dịch Covid-19, giúp

học viên giảm thiểu chi phí đi lại, ăn ở, tiết kiệm được thời gian và không gian học tập, người học có thể học ở mọi nơi chỉ cần có thiết bị kết nối mạng internet.

Hiện trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ đang dạy học trực tuyến bằng phần mềm Meet. Chất lượng giờ học đảm bảo thời gian, khung chương trình, quản lý chặt chẽ sĩ số trong quá trình lên lớp. Các giảng viên đã thích ứng nhanh với công nghệ, thay đổi phương pháp thảo luận phù hợp với lớp học trực tuyến như: chia nhóm chuẩn bị theo câu hỏi giảng viên yêu cầu; sử dụng video clip... Các thiết bị đã được khai thác triệt để phục vụ cho quá trình giảng dạy, học viên hứng thú, thích ứng nhanh với công nghệ...

Khát vọng nuôi dưỡng, thúc đẩy nhu cầu, năng lực đổi mới sáng tạo, là một trong những phương châm được xác định tại Văn kiện Đại hội XIII. Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, nếu không đổi mới sáng tạo thì không thể phát triển nhanh, bền vững. Đổi mới sáng tạo trong tư duy, trong thực hiện ba đột phá chiến lược (thể chế, nguồn nhân lực, hạ tầng), trong công tác tổ chức và cán bộ, trong phong cách hoạt động, sinh hoạt..., trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Tuy nhiên, dự báo trong thời gian tới, công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh chống quan điểm sai trái, thù địch trên lĩnh vực tư tưởng sẽ còn nhiều khó khăn, thách thức. Đặc biệt, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, cùng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư là sự phát triển bùng nổ của internet, mạng xã hội toàn cầu và những vấn đề nảy sinh từ mặt trái của nền kinh tế thị trường, các thế lực thù địch, phản động ngày càng có

những chiêu thức, thủ đoạn mới tinh vi hơn để chống phá Đảng, Nhà nước và công cuộc đổi mới của đất nước. Nhận thức được điều đó, Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường quán triệt kịp thời cho đội ngũ giảng viên trong việc thu thập, chia sẻ, phải phù hợp với các quy định về bản quyền tác giả, sở hữu trí tuệ, an ninh thông tin, giao dịch điện tử và Luật An ninh mạng. Cán bộ, đảng viên phải nhận diện rõ âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch hòng chống phá nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng.

Nội dung về chuyển đổi số được nhấn mạnh trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, như: trong Báo cáo chính trị, Báo cáo chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và phương hướng, kinh tế - xã hội 5 năm 2020 - 2025. Vấn đề chuyển đổi số được đề cập nhiều lần, về nhiều nội dung, ở nhiều phần khác nhau trong văn kiện Đại hội, liên quan đến những lĩnh vực khác nhau. Và lĩnh vực giáo dục - đào tạo, trong đó có đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, không thể nằm ngoài cuộc cách mạng chuyển đổi số.

Hiệu quả từ việc chuyển đổi số trong hệ thống các trường chính trị, các đơn vị trực thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh là rất lớn giúp không chỉ tiết kiệm ngân sách, tiết kiệm thời gian, chi phí, an toàn phòng chống dịch. Những thành công bước đầu của đội ngũ giảng viên nhà trường đã góp phần tích cực trong công cuộc chuyển đổi số nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức trong toàn tỉnh, đáp ứng được nhu thực tiễn trong tình hình hiện nay./.

NHỮNG NÉT NỔI BẬT 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021 TẠI TRƯỜNG ĐÀO TẠO CÁN BỘ NGUYỄN VĂN CỪ

 Ban biên tập

LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO

- QUY CHẾ SỐ 04-QC/TĐTCB NGÀY 12/5/2021 VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
- QUY ĐỊNH SỐ 159-QĐ/TĐTCB NGÀY 21/5/2021 VỀ TỔ CHỨC GIẢNG DẠY, QUẢN LÝ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG TRỰC TUYẾN

ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

- TRUNG CẤP: 30 LỚP/2.383 HỌC VIÊN, TRONG ĐÓ MỞ MỚI 2021: 5 LỚP/314 HỌC VIÊN
- CHUYÊN VIÊN: 4 LỚP/332 HỌC VIÊN
- CHUYÊN VIÊN CHÍNH: 2 LỚP/146 HỌC VIÊN
- NGOẠI NGỮ - TIN HỌC: 28 LỚP/435 HỌC VIÊN
- CẤP PHÒNG: 21 LỚP/1.569 HỌC VIÊN
- BỒI DƯỠNG KHÁC: 19 LỚP/1.288 HỌC VIÊN

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

- 01 HỘI THẢO CẤP TỈNH “BÁC HỒ VỚI QUÂN VÀ NHÂN DÂN ĐẢO CÔ TÔ”
- 01 HỘI THẢO CẤP TRƯỜNG TRỰC TIẾP KẾT HỢP TRỰC TUYẾN TẠI CÁC ĐIỂM CẦU VỀ “VẬN DỤNG NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIII CỦA ĐẢNG VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XV VÀO GIẢNG DẠY LLCT”
- BẢO VỆ THÀNH CÔNG THUYẾT MINH NHIỆM VỤ NCKH CẤP TỈNH NĂM 2021
- TRIỂN KHAI 03 ĐỀ TÀI CẤP CƠ SỞ NĂM 2021
- PHÁT HÀNH 02 SỐ THÔNG TIN LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

HOẠT ĐỘNG KHÁC

- 02 GIÁNG VIÊN THAM GIA HỘI THI GIÁNG VIÊN GIỎI TOÀN QUỐC LẦN THỨ VII VÀ ĐẠT KẾT QUẢ XUẤT SẮC
- TỔ CHỨC HỘI THI BÁO CÁO VIÊN GIỎI VỚI 10 THÍ SINH THAM GIA; 02 GIÁNG VIÊN DỰ THI CẤP ĐẢNG ỦY KHỐI ĐẠT GIẢI A, C; 01 GIÁNG VIÊN DỰ THI CẤP TỈNH VÀ ĐẠT GIẢI NHÌ